

CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM



ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở

Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam

**Địa điểm: Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc
Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Hoà Lạc,
Thành phố Hà Nội**

Hòa Lạc, tháng 08 năm 2026

**CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN
CHOUNG VIỆT NAM**

Số: 012026/CV-NCCVN

V/v đăng ký môi trường cho cơ sở “Công ty
TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Lạc, ngày 06 tháng 8 năm 2026

**Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố
Hà Nội**

Chúng tôi là Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam, chủ cơ sở “Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Nhà máy có nước thải phát sinh đầu nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Công nghệ cao 1 thuộc Khu công nghệ cao Hòa Lạc, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất có lưu lượng 18.290 m³/giờ).

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Hoà Lạc, Thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ thực hiện nhà máy: Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Hoà Lạc, Thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109149706, do Phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp – Sở Tài Chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/3/2020, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 29/1/2026.
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở:
Ông Yamaoka Naoto Chức vụ: Tổng giám đốc.
Điện thoại: 024 322 33399.

Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam đăng ký môi trường cho cơ sở “Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở:** “Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam”.
- 1.2. Tên chủ cơ sở:** Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam.
- 1.3. Địa điểm thực hiện cơ sở:** Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Hoà Lạc, Thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam được thực hiện trên diện tích đất là 60.769m² thuộc lô đất CN1-05-5 của Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Hoà Lạc, Thành phố Hà Nội. Hiện nay, cơ sở mới thực hiện giai đoạn 1 tại CN1-05-5 trong phần diện tích đất là 26.045m².

Vị trí khu đất thực hiện dự án có ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Tây Bắc giáp đường 12 của khu công nghệ cao Hòa Lạc
- Phía Đông Bắc giáp đường D của khu công nghệ cao Hòa Lạc
- Phía Tây Nam giáp đường 7 của khu công nghệ cao Hòa Lạc
- Phía Đông Nam giáp nhà máy Nidec – Techno Motor.



Hình 1: Vị trí nhà máy trong KCN Công nghệ cao 1 thuộc Khu công nghệ cao Hòa Lạc

Tình hình triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục công trình của Nhà máy được tổng hợp trong bảng dưới đây (bản vẽ hoàn công tổng mặt bằng Nhà máy được đính kèm tại Phụ lục):

Bảng 1: Quy mô các hạng mục công trình của Nhà máy

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích
A	Hạng mục công trình chính		
1	Nhà máy 1		
	Đất xây dựng nhà máy	m ²	11,457.65
B	Hạng mục công trình phụ trợ		
1	Nhà bảo vệ	m ²	16
2	Nhà để xe máy	m ²	835.10
3	Đường và sân bãi	m ²	8,119.62
4	Diện tích cây xanh	m ²	6,659.61
5	Phòng bơm chữa cháy	m ²	120.46

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích
6	Phòng thổi khí	m ²	43,86
7	Nhà để xe máy	m ²	835,10
8	Khu vực chứa khí công nghiệp N ₂ , H ₂ , Argon	m ²	166,20
C	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường		
1	Kho chứa chất thải	m ²	625
2	Hệ thống XLNT sinh hoạt 150m ³ /ngày đêm	Xây ngầm	
3	Khu xử lý nước thải sản xuất (36m ³ /ngày đêm)	m ²	96,25

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

- Giấy phép xây dựng số 453/GPXD-CNCHL ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nidec Chaun Choung Việt Nam – Giai đoạn 1 (Điều chỉnh)” tại Lô CN1-05-1, 5&6, khu công nghiệp công nghệ cao 1, thuộc khu công nghệ cao Hòa Lạc, km 29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội.
- Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 28/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6591366879 do Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc (nay là Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội) chứng nhận lần đầu ngày 20/3/2020; chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 31/1/2024.

1.4. Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 4.041.639.000.000 VNĐ (Bốn nghìn không trăm bốn mươi một tỉ sáu trăm ba mươi chín triệu đồng).

Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (theo quy mô, mức độ quan trọng), Nhà máy thuộc nhóm A (căn cứ Điều 11 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV thông qua).

Cơ sở không tăng quy mô công suất so với giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 28/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội cấp và có điều chỉnh giảm công suất theo giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2, tuy nhiên do yêu cầu chất lượng, thời gian sản xuất và tính bảo mật sản phẩm từ các khách hàng, cơ sở phải điều chỉnh các máy hàn (reflow oven) từ tầng 01 lên tầng 02 của nhà xưởng sản xuất chính, cùng với đó là tăng số lượng máy hàn từ 05 máy hiện hữu lên 08 máy, việc điều chỉnh vị trí sản xuất và số lượng máy hàn làm gia tăng tác động xấu đến môi trường, tương ứng cơ sở phải điều chỉnh công trình bảo vệ môi trường (hệ thống XLKT tại cơ sở sẽ thay đổi vị trí lắp đặt và tăng công suất từ 12.600 m³/giờ lên 18.290 m³/giờ).

Sau khi điều chỉnh, nước thải của cơ sở không có thay đổi về lượng phát sinh cũng như đang được dẫn nối vào hệ thống XLNTTT của KCN Công nghệ cao 1 thuộc Khu công nghệ cao Hòa Lạc theo giấy phép môi trường đã cấp, Cơ sở chỉ phát sinh khí thải

cần xử lý có lưu lượng nhỏ hơn 20.000 m³/giờ, căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

❖ *Tiến độ thực hiện dự án (giai đoạn 1)*

- Khởi công xây dựng và đưa Nhà máy đầu tiên (Nhà máy 1 – tương ứng với giai đoạn 1) và các công trình phụ trợ vào hoạt động: tháng 7/2021 – tháng 12/2021 (đã hoàn thành).
- Thực hiện thay đổi kế hoạch sản xuất theo Đăng ký môi trường này:
 - + Thực hiện di chuyển và lắp đặt mới dây chuyền sản xuất, hệ thống XLKT mới: ngay sau khi hoàn thành đăng ký môi trường, dự kiến là tháng 8/2026;
 - + Thực hiện sản xuất theo kế hoạch mới: dự kiến là từ cuối tháng 8/2026.

1.5. Quy mô công suất:

Công suất của nhà máy được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2: Công suất của nhà máy

STT	Sản phẩm sản xuất	Quy mô (sản phẩm/năm)		
		GPMT	2025	ĐKMT (GCNBT thay đổi lần 2)
1	Mô đun nhiệt hiệu năng cao	151.585.000	3.373.824	141.864.960
	Tổng	151.585.000	3.373.824	141.864.960

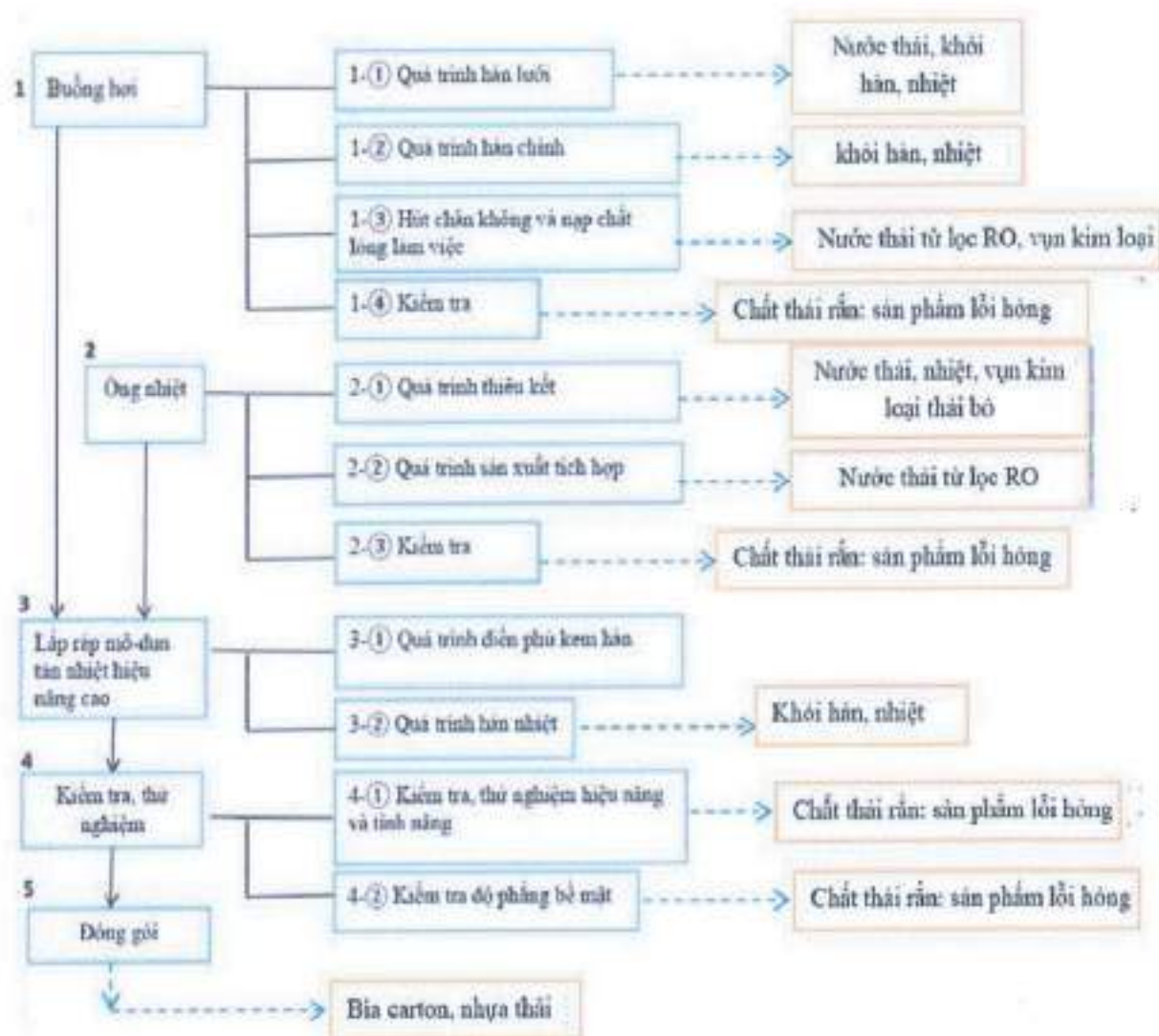
(Nguồn: Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam, 2026)

Ghi chú: (*) Cơ sở sẽ tự sản xuất ống nhiệt là nguyên liệu thứ cấp để sản xuất modul nhiệt.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 của cơ sở, nhà máy sẽ sản xuất giảm công suất từ 151.585.000 sản phẩm/năm xuống còn 141.864.960 sản phẩm/năm và đây cũng là công suất cơ sở xin trong hồ sơ Đăng ký môi trường lần này. Nguyên nhân cơ sở điều chỉnh công suất là do sự biến động của thị trường sau dịch bệnh Covid -19.

1.6. Công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở:

Cơ sở thuộc loại hình công nghiệp lắp ráp linh kiện điện tử. Công nghệ sản xuất tự động hóa khoảng 70%, quy trình công nghệ tổng thể tại cơ sở như sau:



Hình 2: Sơ đồ công nghệ sản xuất của cơ sở

Thuyết minh quy trình sản xuất:

(1) Quy trình sản xuất buồng hơi thường bao gồm 04 công đoạn chính: 1-① Hàn lưới, 1-② Hàn chính, 1-③ Chân không, 1-④ Kiểm tra.

Quá trình sản xuất và gia công vật liệu kim loại (đồng và hợp kim đồng) được thực hiện bằng nhiều quy trình hàn đặc biệt và/hoặc thiêu kết, kỹ thuật chân không với quy trình xử lý độc nhất cùng bí quyết công nghệ riêng của CCI.

(2) Quy trình sản xuất ống nhiệt thường bao gồm 03 công đoạn chính: 2-① Thiêu kết, 2-② Máy sản xuất Ống nhiệt Tích hợp, 2-③ Kiểm tra

(3) Các bước để lắp ráp thành các mô-đun nhiệt: khoảng 50% tất cả các sản phẩm ống nhiệt/buồng hơi sẽ được lắp ráp thành các mô-đun nhiệt.

(4) Kiểm tra để đảm bảo tất cả các sản phẩm đáp ứng yêu cầu về hiệu năng và kích thước ngoại hình theo yêu cầu của khách hàng.

(5) Đóng gói thành phẩm để giao hàng.

Toàn bộ ống nhiệt sản xuất tại dự án sẽ được lắp đặt vào mô đun nhiệt hiệu năng cao.

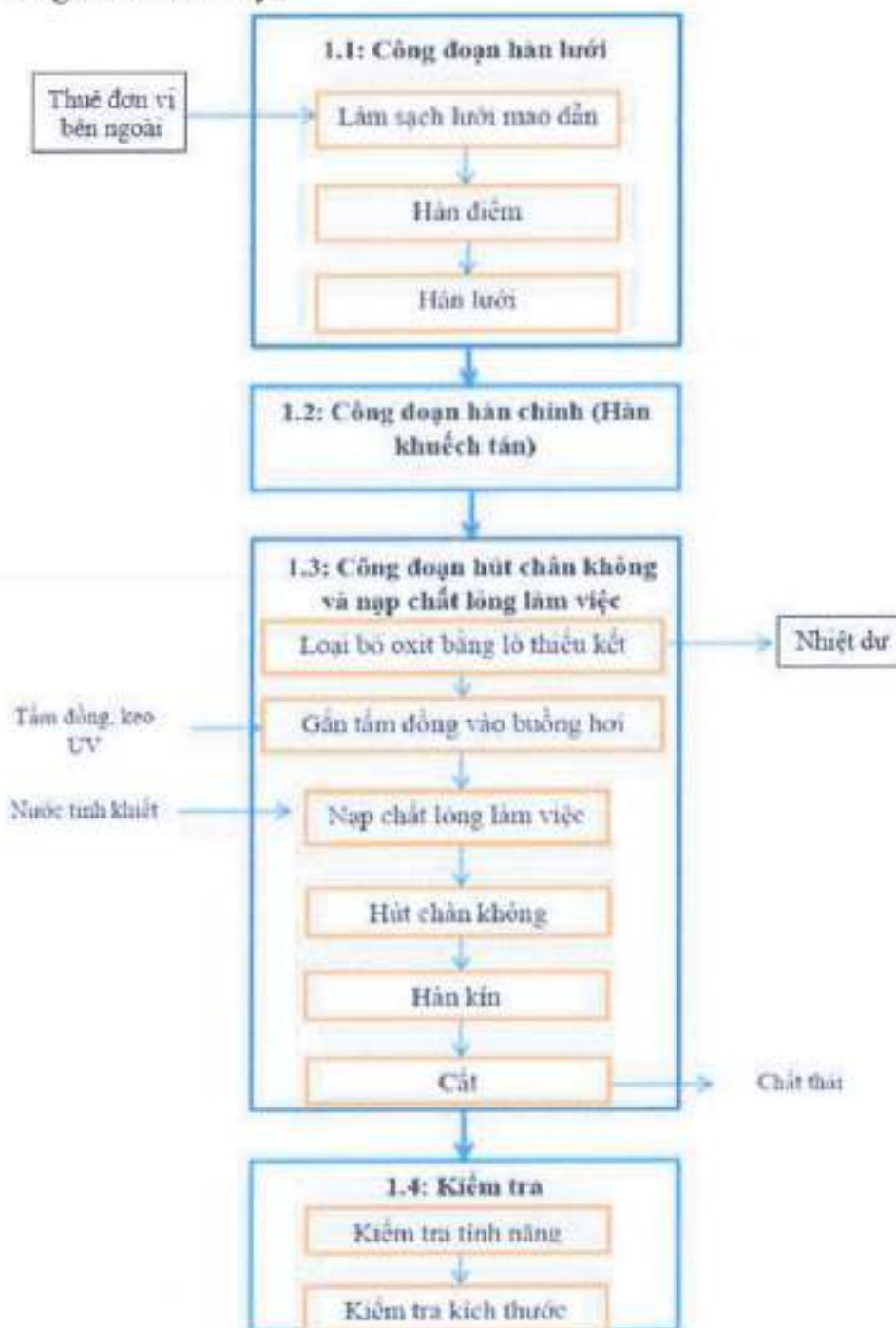
Dưới đây là mô tả chi tiết các công đoạn sản xuất quan trọng trong quy trình sản

xuất: (i) Buồng hơi; (ii) Ống nhiệt; (iii) Mô-đun nhiệt; (iv) Kiểm tra sản phẩm.

1.6.1. Quy trình sản xuất buồng hơi

Hiệu năng của các mô-đun nhiệt phụ thuộc vào buồng hơi. Buồng hơi tốt phụ thuộc vào cấu trúc bậc và lượng chất lỏng làm việc. Lượng chất lỏng làm việc được nạp cần phải được kiểm soát chính xác và dữ liệu về lượng chất lỏng sẽ được lưu trong máy tính.

Quá trình sản xuất buồng hơi được thực hiện qua 4 công đoạn chính gồm: (1) Hàn lưới, (2) Hàn chính, (3) hút chân không và nạp chất lỏng làm việc, (4) kiểm tra. Chi tiết như trong sơ đồ dưới đây:



Hình 3: Sơ đồ công nghệ sản xuất buồng hơi

Tóm tắt quy trình sản xuất buồng hơi: Hàn lưới → Hàn chính (Hàn khuếch tán)

→ Hút chân không và nạp chất lỏng làm việc → Kiểm tra.

+ **Công đoạn hàn lưới:** Làm sạch mao dẫn → Hàn điểm → Hàn lưới.

+ **Làm sạch mao dẫn:**

- Hệ thống lưới sẽ cung cấp lực mao dẫn do vậy cần phải làm sạch trước khi tiến hàn. Quá trình làm sạch lưới (các chất hữu cơ và ôxit bám trên tấm lưới) được thực hiện bởi máy làm sạch plasma được điều khiển bằng máy tính.

Công đoạn làm sạch mao dẫn hiện nay không thực hiện tại cơ sở, cơ sở thuê đơn vị có chức năng thực hiện làm sạch chi tiết, chi tiết sau khi được gia công sẽ quay lại nhà máy để thực hiện công đoạn sản xuất tiếp theo là hàn điểm.

+ **Hàn điểm:**

- Dùng máy in mã vạch để in mã vạch bằng tia laser trên tấm phía dưới của sản phẩm.

- Gắn lưới vào tấm dưới của sản phẩm: Lưới đã được làm sạch được gắn vào tấm phía trên ở đúng vị trí được thiết kế để hình thành lên cấu trúc bắc. Thiết bị này có công suất đầu ra được điều khiển bằng máy tính để đảm bảo lưới được hàn điểm chính xác tuyệt đối mà không làm phá hủy lưới. Vị trí hàn điểm là $5 \times 5\text{mm}$ từ 2 mép.

+ **Hàn gắn lưới:**

- Hàn gắn lưới: Thiết bị hàn có bộ điều khiển nhiệt độ bằng máy tính có thể cung cấp nhiệt độ thật chính xác, sai số không vượt quá $\pm 1^\circ\text{C}$ cho quá trình hàn lưới. Nhiệt độ tại công đoạn hàn gắn lưới là 850°C . Quá trình hàn gắn lưới được thực hiện trong điều kiện môi trường khí trơ (khí N_2) nhằm bảo đảm mỗi hàn không bị rỉ, tạo khả năng kết dính tại mỗi hàn.

- Kiểm tra chất lượng giai đoạn 1: kiểm tra mỗi hàn bằng máy.

+ **Công đoạn hàn chính (Hàn khuếch tán):**

- Đánh mã vạch lên tấm trên của sản phẩm.

- Tại công đoạn này sẽ sử dụng máy hàn để hàn các cạnh của buồng hơi bằng phương pháp hàn trong môi trường khí trơ (khí $\text{N}_2 + \text{H}_2$). Các cạnh của buồng hơi sẽ được gắn với nhau bằng cách nung nóng dưới một dòng điện (dòng điện này được tạo thành giữa phôi và điện cực Wolfram). Khi bề mặt hàn bị nóng chảy thì ngay lập tức chúng sẽ được bảo vệ khỏi sự tác động của không khí bằng một dòng khí trơ $\text{N}_2 + \text{H}_2$.

Hàn khuếch tán đòi hỏi nhiệt độ cao khoảng 800°C để nung chảy kim loại cục bộ, sau đó liên kết kim loại đã nung chảy với nhau. Nhiệt độ chính xác là rất quan trọng. Nếu nhiệt độ quá cao sẽ làm hỏng vật liệu, nếu nhiệt độ quá thấp sẽ không tạo đủ lực liên kết. Thiết bị này tạo ra nhiệt độ cao cục bộ bằng cảm ứng điện từ và được kiểm soát bằng máy tính và các bộ điều khiển chuyên dụng để đảm bảo nhiệt độ luôn đạt đúng cài đặt với sai số không quá $\pm 1^\circ\text{C}$.

- Tổng độ dày của buồng hơi hàn khuếch tán là $0,4 \pm 0,03\text{mm}$.

- Kiểm tra chất lượng giai đoạn 2: Kiểm tra mỗi hàn.

+ Công đoạn hút chân không và nạp chất lỏng làm việc:

Loại bỏ ôxit bằng lò thiêu kết □ Gắn tấm đồng vào buồng hơi (tấm đồng, keo UV) → Nạp chất lỏng làm việc (nước tinh khiết) → Hút chân không → Hàn kín → Cắt.

- *Loại bỏ ôxit bằng lò thiêu kết:* Buồng hơi sau khi hàn sẽ được đưa vào lò thiêu kết ở nhiệt độ 250°C-600°C trong vòng 45-60 phút để loại bỏ ôxit và các dư chất khác.

- *Gắn tấm đồng vào buồng hơi:* Tấm đồng được gắn vào buồng hơi bằng keo UV sau đó sử dụng hộp đèn UV để tăng cường hiệu ứng kết dính.

- *Nạp chất lỏng làm việc:* Chất lỏng làm việc được bơm vào buồng hơi là nước tinh khiết. Quá trình nạp chất lỏng làm việc để đảm bảo chất lỏng có thể hóa hơi cũng như ngưng tụ trong buồng hơi. Việc nạp quá nhiều hoặc không đủ sẽ làm suy giảm hiệu suất làm việc. Một bộ điều khiển PLC với sự trợ giúp của máy tính được lập trình và cài đặt sẽ thực hiện việc nạp một lượng chất lỏng làm việc chính xác vào bên trong buồng hơi với độ chính xác đến $\pm 0,001\text{g}$.

- *Hút chân không:* Chân không không đủ cao gây ra khí dư trong buồng hơi, là lý do buồng hơi hoạt động kém hiệu quả. Hoặc nếu chân không quá cao sẽ hút mất một phần chất lỏng làm việc ra khỏi buồng hơi, làm suy giảm hiệu năng của buồng hơi. Do vậy bắt buộc phải thực hiện quá trình này một cách chính xác. Quá trình hút chân không được thực hiện bằng máy hút chân không. Quá trình điều khiển này sẽ được thực hiện với bộ PLC chuyên dụng để đảm bảo sai số không quá 1%.

- *Hàn kín:* Để duy trì khoang chân không, sau khi hút chân không, chúng tôi sẽ tiến hành hàn kín để phân chia buồng hơi thành hai phần, phần chính của buồng hơi và phần ống dẫn chất lỏng. Công đoạn này được điều khiển bởi bộ điều khiển PLC để đảm bảo độ chính xác tuyệt đối.

- *Cắt (gia công CNC):* để cắt bỏ đoạn ống hút chân không phía ngoài ở đúng vị trí, không làm hư hại đến thân buồng hơi. Định hình độ dày của buồng hơi cho giống với kích thước của thiết kế. Kiểm tra chất lượng giai đoạn 1: Kiểm tra độ dày buồng hơi.

+ Công đoạn kiểm tra: Kiểm tra tính năng và kiểm tra kích thước.

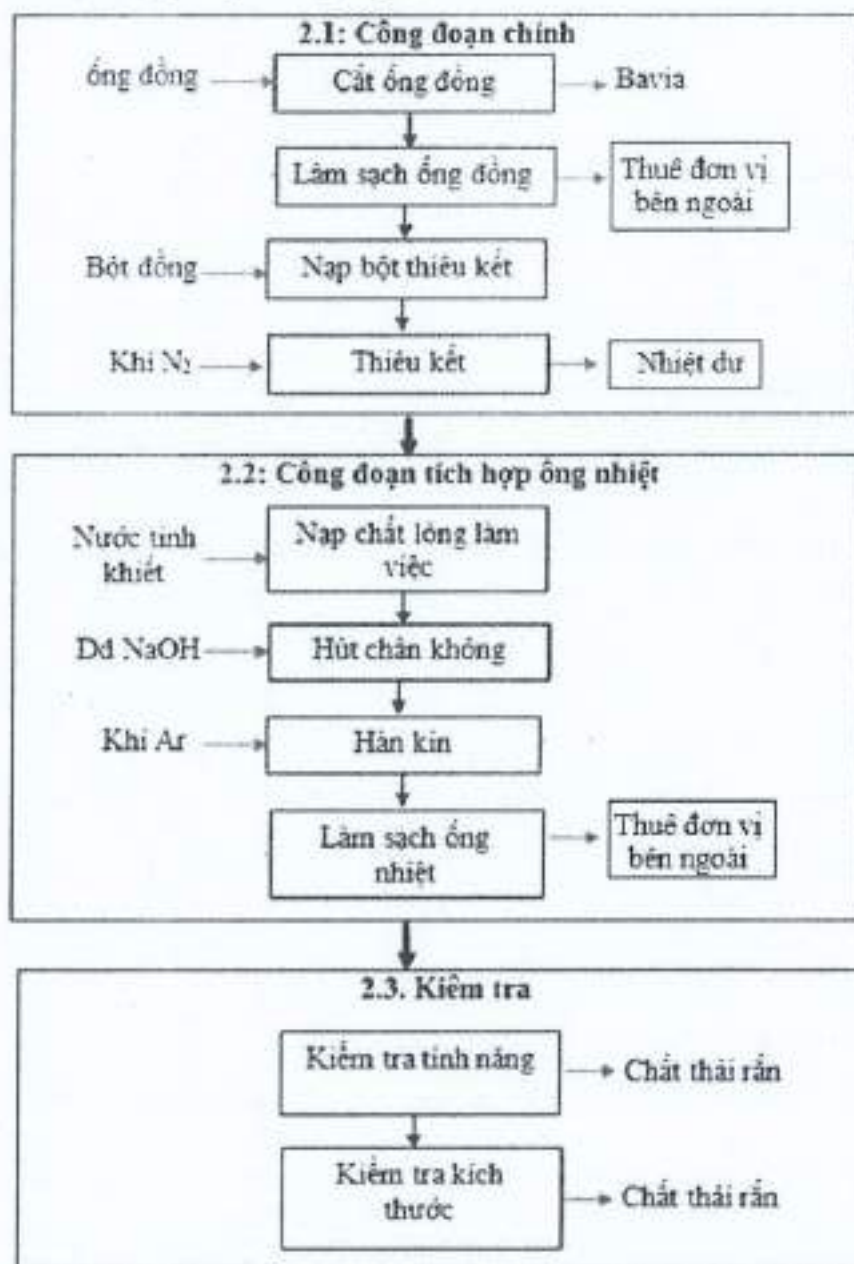
- **Kiểm tra tính năng:** Kiểm tra rò rỉ khí bằng việc sử dụng hộp áp suất khí ga. Kiểm tra giả hóa bằng cách đặt buồng hơi bên trong buồng kiểm tra ở 100°C trong 24 giờ để phát hiện rò rỉ vì mô có thể. Buồng hơi đạt yêu cầu được kiểm tra chức năng. Quá trình này được thực hiện, điều khiển và giám sát bởi máy tính để cung cấp lượng nhiệt nhất định được cài đặt sẵn, sau đó các cảm biến nhiệt độ giám sát, truyền tải các thông tin về máy tính để đánh giá hiệu năng của buồng hơi.

- **Kiểm tra kích thước:** Thiết bị kiểm tra được tích hợp với máy tính có khả năng kiểm tra rất chính xác kích thước ngoại hình của sản phẩm với độ chính xác đến 0,001mm. Sau khi kiểm tra xong sẽ tiến hành in thông tin sản xuất lên sản phẩm.

- **Đóng gói sản phẩm:** 50% sản phẩm sẽ được chuyển sang dây chuyền lắp ráp mô đun nhiệt hiệu năng cao để lắp ráp thành phẩm. Số còn lại sẽ được đóng gói thành phẩm.

1.6.2. Quy trình sản xuất ống nhiệt

Với cấu trúc bậc tiên tiến, sản phẩm ống nhiệt của Công ty có tốc độ truyền nhiệt rất cao, nhanh hơn đến 10 lần so với kim loại. Nguyên lý làm việc cơ bản là lợi dụng sự chênh áp để di chuyển chất lỏng làm việc từ đầu bay hơi về đầu ngưng tụ, sau đó chất lỏng sẽ di chuyển về đầu bay hơi nhờ lực mao dẫn (hoặc nhờ lực mao dẫn cùng với trọng lực). Chất lỏng làm việc sẽ hấp thụ một nhiệt lượng nhất định khi hóa hơi, sau đó sẽ giải phóng chính nhiệt lượng này khi ngưng tụ.



Hình 4: Sơ đồ công nghệ sản xuất ống nhiệt

Tóm tắt quy trình sản xuất: Ống đồng → Cắt ống đồng → Làm sạch ống đồng (bằng dung dịch NaOH) → Nạp bột thiếu kết (bột đồng) → Thiêu kết (Khí N₂) → Nạp chất lỏng làm việc (nước tinh khiết) → Hút chân không → Hàn kín (Khí Ar) → Làm sạch ống nhiệt (Nước, H₂SO₄) → Kiểm tra tính năng → Kiểm tra kích thước.

Chi tiết quy trình sản xuất ống nhiệt như sau:

- Công đoạn hàn đính:

+ **Quy trình cắt và vệ sinh ống đồng:** Ống đồng ban đầu được cắt bằng máy cắt chuyên dụng. Sau đó được làm sạch bằng dung dịch NaOH pha với nước.

Công đoạn vệ sinh ống đồng, làm sạch ống nhiệt trong quá trình sản xuất ống nhiệt hiện nay không thực hiện tại cơ sở, cơ sở thuê đơn vị có chức năng thực hiện làm sạch ống đồng, ống nhiệt, chỉ tiết sau khi làm sạch sẽ quay lại nhà máy để thực hiện công đoạn sản xuất tiếp theo.

+ **Quy trình nạp bột thiêu kết (bột đồng hoặc lưới đồng):** Ống đồng sau làm sạch được nạp bột thiêu kết vào trong ống, lượng bột thiêu kết được nạp vào khác nhau sẽ tạo nên lực mao dẫn khác nhau. Quá trình này được điều khiển bởi bộ điều khiển PLC để điều khiển tần số rung động, giúp cho lượng bột được phân phối đều bên trong ống. Ống đồng sau đó cố định tấm lưới và hàn đính ống nhiệt bằng máy hàn điểm. Quá trình này thực hiện trong điều kiện khí N₂. Xử lý nhiệt và làm mềm bột đồng hoặc lưới đồng.

+ **Thiêu kết:** Lực mao dẫn được hình thành bởi độ xốp của bột thiêu kết. Tỷ lệ độ xốp được kiểm soát bởi nhiệt độ nung chảy. Thiết bị này có bộ điều khiển nhiệt độ PLC, cung cấp nhiệt độ chính xác trong phạm vi dung sai $\pm 1^{\circ}\text{C}$, để đảm bảo độ xốp đáp ứng theo thiết kế.

- Công đoạn sản xuất tích hợp ống nhiệt:

Nạp chất lỏng làm việc (nước tinh khiết), hút chân không, hàn kín là các quá trình được thực hiện trong 3 khâu sản xuất riêng biệt. Do sự phức tạp quy trình và công nghệ sản xuất, thiết bị này đòi hỏi sự kiểm soát vô cùng chính xác: lượng nạp chất lỏng làm việc phải chính xác tới 0,001g, chân không vừa đủ và kiểm soát lượng khí dư bên trong ống dẫn nhiệt, quá trình hàn bằng khí trơ Ar chính xác để bịt kín ống dẫn nhiệt. Tất cả các chức năng này được thực hiện bởi các bộ điều khiển có thể lập trình kết hợp với các chương trình phần mềm trên máy tính để có thể sản xuất các chủng loại ống dẫn nhiệt khác nhau theo yêu cầu của khách hàng.

- Công đoạn kiểm tra:

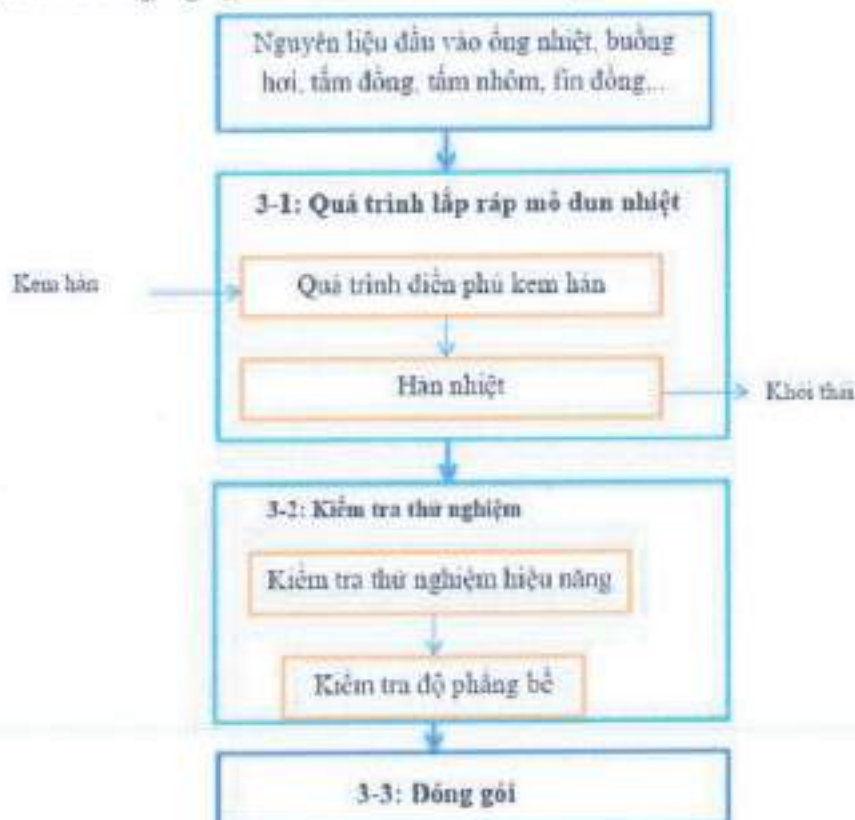
+ **Kiểm tra tính năng:** Để đảm bảo chất lượng tốt nhất cho mỗi ống dẫn nhiệt, các sản phẩm bắt buộc phải vượt qua được công đoạn kiểm tra này. Quá trình này được thực hiện, điều khiển và giám sát bởi máy tính để cung cấp lượng nhiệt nhất định được cài đặt sẵn. Sau đó quá trình sẽ được giám sát bởi các cảm biến nhiệt độ, truyền tải các thông tin về máy tính để đánh giá hiệu năng của buồng hơi.

+ **Kiểm tra kích thước:** Ống dẫn nhiệt có thể ở dạng thẳng hoặc được uốn theo từng dạng khác nhau. Quá trình này để kiểm tra độ chính xác của kích thước ngoại quan bằng máy tính để đảm bảo ống dẫn nhiệt có kích thước đúng theo thiết kế với độ chính xác đến 0,01mm, toàn bộ dữ liệu kiểm tra sẽ được lưu trữ trong máy tính.

- Kiểm tra sự rò rỉ khí bằng hộp áp suất khí Heli.
- Kiểm tra lần cuối và in thông tin sản xuất lên sản phẩm.

- Kết thúc quá trình kiểm tra sẽ tiến hành đóng gói để chuẩn bị cho công đoạn sản xuất mô-đun nhiệt tiếp theo.

1.6.3. Quy trình công nghệ sản xuất mô – đun nhiệt



Hình 5: Sơ đồ công nghệ sản xuất mô đun nhiệt (sản phẩm cuối)

Tóm tắt quy trình sản xuất: Ống nhiệt, buồng hơi, tấm đồng, tấm nhôm, fin đồng,...
 → Bôi kem hàn lên các bộ phận → Hàn nhiệt → Kiểm tra thử nghiệm hiệu năng → Kiểm tra độ phẳng bề mặt → Đóng gói.

Thuyết minh công nghệ:

- **Công đoạn lắp ráp mô đun nhiệt:**

+ **Phủ kem hàn lên các bộ phận:**

- Đặt các bộ phận của mô đun nhiệt lên trên đồ gá và sẽ được máy tự động lắp vít vào các bộ phận.

- Kem hàn sẽ được máy trộn đều sau điện, phủ lên các bộ phận. Bộ điều khiển PLC sẽ điều khiển quá trình bôi kem hàn lên bề mặt các bộ phận của mô-đun nhiệt với lượng kem và vị trí chính xác.

+ **Hàn nhiệt:**

- Chất hàn mềm tan ra và khuếch tán vào những góc ngách nhỏ của vảy và ống.
 - Quá trình này là quá trình được thực hiện với nhiều vùng nhiệt độ khác nhau với lượng nhiệt cần thiết để thực hiện quá trình hàn theo từng bước. Một bộ điều khiển nhiệt độ PLC với chức năng bù nhiệt độ nhanh và kiểm soát nhiệt độ bão hòa để tiết kiệm năng lượng được sử dụng. Nhiệt độ ở mỗi vùng sẽ được điều chỉnh chính xác đến

loC. Toàn bộ dữ liệu sẽ được lưu lại trong máy tính. Sau khi kết thúc quá trình hàn, vít cố định sẽ được tháo ra tự động.

- Công đoạn kiểm tra thử nghiệm:

+ **Kiểm tra tính năng:** Để đảm bảo chất lượng tốt nhất cho từng mô-đun nhiệt được sản xuất, một quy trình kiểm tra bằng việc cung cấp nhiệt lượng cần giải phóng và đo đặc các điểm nhiệt độ bằng cảm biến, sau đó dữ liệu đo đặc được sẽ được xử lý bởi máy tính để đánh giá sản phẩm có đạt tính năng theo thiết kế hay không.

+ **Kiểm tra độ phẳng bề mặt:** Bước thứ nhất của công tác kiểm tra là kiểm tra kích thước, dung sai về chiều dài và chiều rộng là $\pm 0,5\text{mm}$, chiều cao là $\pm 0,1\text{mm}$. Bước thứ hai của công tác kiểm tra là kiểm tra độ phẳng, độ phẳng nên đảm bảo trong vòng $0,05\text{mm}$.

Các bề mặt không có độ phẳng theo yêu cầu sẽ phát sinh trở nhiệt. Do vậy, nếu chỉ kiểm tra bằng mắt thường bởi con người sẽ không đảm bảo chính xác. Vì vậy công đoạn này sẽ được thực hiện bởi máy laser để quét toàn bộ bề mặt sản phẩm nhằm đánh giá mức độ phẳng của bề mặt, độ chính xác tới $2\mu\text{m}$.

- Công đoạn đóng gói:

Sản phẩm phải được bảo quản tốt để vận chuyển và giao cho khách hàng. Vì vậy công tác đóng gói phải đảm bảo độ chắc chắn. Đính kèm hoặc cài đặt các bộ phận phụ kiện cần thiết. Hoàn thiện quét mã QR để ghi lại hồ sơ sản phẩm. Các sản phẩm được đưa xếp vào khay nhựa sau đó đóng gói vào thùng bìa carton để xuất hàng.

Bảng 3: Danh mục máy móc thiết bị tại Nhà máy

TT	Tên thiết bị	Số lượng (Chiếc)	
		Hiện hữu	ĐKMT
1	THIẾT BỊ SẢN XUẤT MÔ ĐUN NHIỆT		
1	Bộ bôi keo cho máy bôi keo	6	7
2	Bộ điều áp dùng cho khí heli	1	2
3	Bộ điều khiển dùng để điều khiển cho van bơm keo	2	3
4	Bộ điều khiển tra keo kỹ thuật số	6	8
5	Bộ ghi nhiệt độ, hoạt động bằng điện	2	3
6	Buồng làm mát cho lò thiêu kết	2	3
7	Khuôn đúc	2	3
8	Đầu cảm biến đo kích thước	1	2
9	Đầu in cho máy in	1	2
10	Hệ thống máy nén khí trực vít ngâm dầu	1	1
11	Khuôn nhôm để ép tấm xốp EPP, loại ép định hình	1	2
12	Máy bôi kem hàn	11	12
13	Lò hàn đối lưu	5	8
14	Lò sấy Reflow furnace	4	5
15	Lò ủ bằng nhiệt độ	1	2
16	Máy bắn vít tự động	6	8
17	Máy bôi kem hàn tự động	4	5
18	Máy bôi thiếc hàn	5	6
19	Máy bơm keo	2	4

TT	Tên thiết bị	Số lượng (Chiếc)	
		Hiện hữu	ĐKMT
20	Máy cân phẳng ống đồng	4	7
21	Máy cấp long đen vào ốc tự động	1	2
22	Máy cấp ốc	2	3
23	Máy cấp vít tự động	4	6
24	Máy cưa lọng bàn	1	2
25	Máy đập barcode lên sản phẩm	3	5
26	Máy đo chiều dày sơn mạ	1	2
27	Máy đo độ dày keo	1	2
28	Máy đo lực HIOSHP	1	2
29	Máy đo lực kẹp của Jig	1	2
30	Máy đo nhiệt độ	7	12
31	Máy đọc mã vạch	12	14
32	Máy đóng gói sản phẩm	3	6
33	Máy ép khí nén dùng để ép chốt dẫn hướng	5	6
34	Máy ép Servo dùng để ép thẳng ống đồng bằng nhiệt	2	2
35	Máy in mã vạch lên sản phẩm	1	2
36	Máy in mã vạch	4	7
37	Máy in tem nhãn cho sản phẩm	5	9
38	Máy kiểm tra sản phẩm (tản nhiệt, luồng gió, tính năng, tốc độ)	27	34
39	Máy khóa vít tự động	3	4
40	Máy kiểm tra ngoại quan	6	10
41	Máy phân phối keo	1	2
42	Máy phun điểm keo	1	2
43	Máy quét kem hàn tự động	3	6
44	Máy tra kem hàn tự động	3	6
45	Máy quét mã vạch QR code loại cầm tay	2	3
46	Máy rửa sóng siêu âm	1	2
47	Máy tản nóng đỉnh cho module tản nhiệt	2	4
48	Máy tháo kẹp sản phẩm	1	2
49	Máy thổi hơi nóng	3	4
50	Robot bắn vít tự động	1	2
51	Robot chấm keo tự động	4	5
52	Robot tra keo tự động	1	2
53	Thiết bị cảm biến đo kích thước laser	1	2
54	Thiết bị kiểm tra mã vạch theo tiêu chuẩn Iso	1	2
55	Thiết bị phát hiện rung ồn	1	2
56	Thiết bị thị giác máy	15	19
II THIẾT BỊ SẢN XUẤT BUỒNG HƠI			
1	Bộ điều khiển tốc độ	1	8
2	Máy cắt các loại	5	40
3	Máy chiết rót bột	2	16
4	Máy co đầu ống đồng	9	72
5	Máy gia công CNC	0	15
6	Máy gia nhiệt cảm ứng	1	8
7	Máy hàn các loại	12	96
8	Máy hút hơi dầu	0	5

TT	Tên thiết bị	Số lượng (Chiếc)	
		Hiện hữu	ĐKMT
9	Máy khắc laser	1	8
10	Máy kiểm tra chức năng bằng nước nóng	1	8
11	Máy làm mát	5	40
12	Máy làm sạch bằng công nghệ Plasma	1	8
13	Máy luồn lõi	1	8
14	Máy vệ sinh cực hàn	1	8
15	Thiết bị bơm kern hàn	2	16
16	Thiết bị thị giác máy 3D	1	8
17	Tủ khí Nito	3	24
III	THIẾT BỊ SẢN XUẤT ỐNG NHIỆT		
1	Máy đo kích thước	2	7
2	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm	1	4
3	Máy đọc mã vạch	6	22
4	Máy ép thủy lực	6	22
5	Máy gia nhiệt	1	4
6	Máy hàn tự động	1	4
7	Máy khử khí sơ cấp (6 trạm)	1	4
8	Máy khử khí thứ cấp (4 trạm)	2	7
9	Máy phun nước tự động	1	4
IV	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG CHO CẢ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT ỐNG TÀN NHIỆT VÀ SẢN XUẤT BUỒNG HƠI		
1	Bộ chuyển đổi tín hiệu	1	5
2	Bộ điều áp dùng cho khí Nito	1	5
3	Bộ đồng hồ nạp gas lạnh đa năng	1	5
4	Bộ hàn điện lạnh 5 L	1	5
5	Bộ lọc khí chính áp	2	9
6	Bơm chân không (Dùng để hút chân không cho sản phẩm tàn nhiệt)	1	5
7	Bơm định lượng	1	5
8	Bơm tay thủy lực	1	5
9	Buồng làm mát cho lò thiêu kết chuồng vuông	1	5
10	Cảm biến nhiệt	6	27
12	Định dạng lỗ phun tấm	4	18
13	Hệ thống lọc nước tinh khiết RO 1000L/H	1	5
14	Hệ thống nước làm mát nhà máy (Hoa Nam)	1	5
15	Kiểm tra nhiệt độ của thành phẩm	1	5
16	Lò liên kết khuếch tán	2	9
17	Lò nung ống đồng sử dụng điện âm kiểu chuồng vuông	2	9
18	Lò sấy	1	5
19	Lò thêu kết kiểu chuồng	3	14
20	Lò ủ bằng nhiệt độ	4	18
21	Máy bắn tia plasma (Dùng để bắn plasma lên lưới đồng cho sản phẩm tàn nhiệt)	2	9
22	Máy bôi keo và làm khô keo bằng tia cực tím	5	22

TT	Tên thiết bị	Số lượng (Chiếc)	
		Hiện hữu	ĐKMT
23	Máy bơm hút chân không cho công đoạn khử khí của sản phẩm tản nhiệt	4	19
24	Máy bơm keo	1	5
25	Máy cắt bằng khí nén (dùng để cắt phần thừa của sản phẩm tản nhiệt)	2	9
26	Máy cắt ống kim loại	1	5
27	Máy cắt sắt	1	5
28	Máy chấm keo	4	18
29	Máy chiết rót chất lỏng	4	18
30	Máy co đầu ống đồng	3	14
31	Máy đập barcode lên sản phẩm tản nhiệt	1	5
32	Máy dập ống đồng	4	18
33	Máy diễn bột đồng ống nhiệt	3	14
34	Máy định dạng ống thủ công 2	6	27
35	Máy đo khoảng cách bằng Laser	2	9
36	Máy đo nhiệt độ lò	2	9
37	Máy đóng gói bằng hút chân không	1	5
38	Máy ép khí 1T	5	10
39	Máy ép nguội 30T	1	5
40	Máy ép nhiệt ống đồng 10T	17	85
41	Máy ép thủy lực	13	148
42	Máy gia nhiệt	1	5
43	Máy hàn các loại	19	90
44	Máy hút chân không cho sản phẩm tản nhiệt	2	9
45	Máy in thông tin sản phẩm	5	24
46	Máy khắc laser Fiber	1	5
47	Máy khử khí cho sản phẩm tản nhiệt	13	59
48	Máy kiểm tra sản phẩm (chức năng, độ phẳng, độ tin cậy, ngoại quan, rò rỉ...)	41	193
49	Máy lắp ráp lưới đồng vào trong ống nhiệt	1	5
50	Máy nắn thẳng ống đồng	2	9
51	Máy nạp bột	1	5
52	Máy nạp nước	2	9
53	Máy nạp nước và khử khí sơ cấp 5 trạm	1	5
54	Máy nén khí	1	5
55	Máy phát xung	1	5
56	Máy thổi	1	5
57	Máy uốn cong ống đồng	8	36
58	Máy uốn nắn thẳng ống đồng	15	330
59	Robot tra kem hàn	3	14
60	Thiết bị đo ghi dữ liệu	1	5
V	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG CHO TOÀN BỘ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT ỐNG TẢN NHIỆT- BUÔNG HƠI- MODUN TẢN NHIỆT		
1	Máy đo độ nhám bề mặt	1	3
2	Máy kiểm tra độ cứng	1	3

TT	Tên thiết bị	Số lượng (Chiếc)	
		Hiện hữu	ĐKMT
3	Bộ đo chân pin, dùng để đo lỗ trụ của vật liệu	1	3
4	Bộ dụng cụ đo vòng ren kiểm tra	1	3
5	Hệ thống đo kích thước hình ảnh	1	3
6	Hệ thống máy quét mã vạch tự động	1	3
7	Máy sắc ký khối phổ và nhiệt phân	1	3
8	Máy đo kích thước ba chiều	1	3
9	Máy đo lực xiết	1	3
10	Máy đo lực xoắn	1	3
11	Máy đo quang học ba chiều	1	3
12	Máy đọc mã vạch tự động	3	8
13	Máy in mã vạch	2	6
14	Máy kiểm tra sản phẩm (độ bền kéo, độ dính của kem hàn, momen xoắn)	3	9
15	Máy phân tích thành phần XRF	1	3
16	Máy thả rơi	1	3
17	Máy thử nghiệm phun muối	1	3
18	Máy sàng rung kiểm tra bột đồng	1	3
19	Thiết bị kiểm tra sản phẩm bằng tia X	1	3
20	Tủ kiểm tra sản phẩm (lão hóa nhiệt, độ ẩm, tác động nóng lạnh...)	4	11

(Nguồn: Công ty TNHH Nidec Chau Choung Việt Nam, 2026)





Hình 6: Quá trình sản xuất tại cơ sở

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở

- Hiện nay số lượng lao động làm việc tại nhà máy là khoảng 340 người. Tại nhà máy không có hoạt động nấu ăn.
- Khi nhà máy đi vào hoạt động ổn định 100% công suất, số lượng lao động làm việc tại nhà máy là khoảng 1.450 người.
- Do nhà máy đã hiện đại hóa các công đoạn sản xuất bằng máy móc, vì vậy nhu cầu sử dụng lao động tại nhà máy là không lớn.

❖ Nhu cầu nguyên, nhiên liệu của nhà máy

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 tại nhà máy, khối lượng sản phẩm sản xuất được tại nhà máy là 3.373.824 sản phẩm/năm tương ứng với khoảng 2,8% công suất đề xuất đăng ký môi trường. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu của nhà máy trong năm 2025 và ước tính nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu khi nhà máy đạt 100% công suất như sau:

Bảng 4: Nguyên, vật liệu chính sử dụng tại nhà máy

TT	Nguyên, nhiên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	
			2025	100% công suất
1	Nguyên vật liệu bằng chất liệu nhôm	Chiếc	4.556.310	162.660.267
2	Nguyên vật liệu đồng dạng bột	Kg	657.5	23.474
3	Nguyên vật liệu đồng dạng tấm lưới	Mét	32.88	1.174
4	Nguyên vật liệu đồng dạng ống, dạng tấm	Chiếc	20.998.968	749.663.158
5	Nguyên vật liệu bằng thép	Chiếc	16.320.829	582.653.595
6	Nguyên vật liệu bằng Tấm Niobi	Chiếc	55	1.964
7	Nguyên vật liệu bằng bằng magie	Chiếc	430	15.351
8	Nguyên vật liệu bằng nhựa	Chiếc	16.807.879	600.041.280
9	Nguyên vật liệu quạt tản nhiệt (chất liệu bằng nhựa và thép) dùng cho lắp ráp	Chiếc	1.536.703	54.860.297
10	Nguyên vật liệu miếng đệm silicone	Chiếc	552.498	19.724.179
11	Nguyên vật liệu tấm/ miếng đệm cao su	Chiếc	8.140.653	290.621.312
12	Nguyên vật liệu tấm/ miếng đệm bằng xốp	Chiếc	5.923.786	211.479.160
13	Miếng đệm tản nhiệt bằng gốm	Chiếc	50	1.785
14	Nep sắt, dùng để lắp ráp sản phẩm tản nhiệt	Chiếc	10	357
15	Vòng đệm bằng kim loại	Chiếc	240	8.568
16	Nguyên vật liệu carton	Chiếc	302.582	10.802.177
17	Nguyên vật liệu bằng EPE	Chiếc	2.846	101.602
18	Nguyên vật liệu tem nhãn bằng giấy decal/ PET	Chiếc	204.926	7.315.858
19	Nguyên vật liệu bằng palet gỗ, mặt pallet gỗ	Chiếc	5.102	182.141
20	Mảnh PE đóng gói sản phẩm	Chiếc	4.750	169.575
21	Gói hút ẩm bằng nguyên vật liệu đất sét	Chiếc	81.087	2.894.806
22	Giấy chống ẩm đã tẩy trắng và phủ lớp chống dính dùng để gói hàng	Chiếc	49.859	1.779.966

(Nguồn: Công ty TNHH Nidec Chau Choung Việt Nam, 2026)

Nhu cầu sử dụng hóa chất tại Nhà máy được tổng hợp ở bảng sau:

Bảng 5: Nhu cầu sử dụng hóa chất tại Nhà máy

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Khối lượng sử dụng (kg/năm)		Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng (%)	2025	ĐKMT	
1	LOCTITE 4314 BOILBEN	Ferrocene	0.50	0.10	0,5	17,5	Chất kết dính và chất bịt kín dùng để sửa chữa Jig
		Hydroquinone	123-31-9	0.10			
		Fluoranthene	206-44-0	0.10			
		Ethyl 2-cyanoacrylate	7085-85-0	80.00			
		Diphenyl(2,4,6-trimethylbenzoyl)phosphine oxide	75980-60-8	0.55			
2	Khí nén Hydro	Dihydrogen	4.032.000.00	100.00	4.032.000	141.120.000	Bảo vệ chống oxy hóa công đoạn Sintering
3	Khí nén Heli	Helium	390.73	100.00	390,73	13.675	Bảo vệ chống oxy hóa - dùng máy helium cho VC công đoạn Qmax
4	Argon lỏng lạnh	Argon	32.430.00	100.00	32,430	1.135	Bảo vệ chống oxy hóa - dùng cho hàn ống đồng HP và VC
5	PTM7958-SP	Aluminum	0.15	67.50	0,15	5	Tân nhiệt
6	Mỡ tản nhiệt X-23-7921-5	Zinc oxide	2.97	25.00	2,97	104	Mỡ tản nhiệt dùng cho test hàng tại công đoạn Qmax
		Aluminum	7429-90-5	75.00			
7	X-23-8117	Zinc oxide	3.03	15.00	3,03	106	Dầu tản nhiệt dùng tại công đoạn Packing
		C13-16-Isoalkanes	68551-20-2	2.00			
		Aluminum	7429-90-5	75.00			
8	X-23-8117	Zinc oxide	29.73	15.00	29,73	1.040	Dầu tản nhiệt dùng tại công đoạn Packing
		C13-16-Isoalkanes	68551-20-2	2.00			

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Khối lượng sử dụng (kg/năm)		Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng (%)	2025	ĐKMT	
9	Khí Nito hóa lỏng	Aluminum	7429-90-5	75.00			Bảo vệ chống oxi hóa công đoạn Sintering
		Dinitrogen	1.148.079.00	100.00	1.148.079	40.182.765	
10	Kem hàn LF- RAA6G2	N,N'-Ethylenedi(stearamide)	1.329.49	5.00			Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		2-[2-(Hexan-1- yloxy)ethoxy]ethanol	112-59-4	16.00			
		Rosin. polymd.	65997-05-9	22.50			
		Dodecanedioic acid	693-23-2	6.50			
		Tin	7440-31-5	21.00			
		Bismuth	7440-69-9	29.00			
11	Kem hàn nhiệt độ thấp RK342F	2-[2-(Hexan-1- yloxy)ethoxy]ethanol	112-59-4	2.70			Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		alpha-Alkyl(C12-15)- omega- hydroxypoly(oxyethylene)	68131-39-5	0.30			
		Tin	7440-31-5	90.00			
		Bismuth	7440-69-9	90.00			
		Rosin	8050-09-7	4.50			
		2-[2-(Hexan-1- yloxy)ethoxy]ethanol	112-59-4	2.70			
12	Kem hàn nhiệt độ thấp RK329F	alpha-Alkyl(C12-15)- omega- hydroxypoly(oxyethylene)	68131-39-5	0.30			Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		Tin	7440-31-5	90.00			
		Bismuth	7440-69-9	90.00			
		Rosin	8050-09-7	4.50			
		2-[2-(Hexan-1- yloxy)ethoxy]ethanol	112-59-4	2.70			
		alpha-Alkyl(C12-15)- omega- hydroxypoly(oxyethylene)	68131-39-5	0.30			
					504,29	17.650	
					96,16	3.365	

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Khối lượng sử dụng (kg/năm)		Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng (%)	2025	ĐKMT	
13	Silicone Fluid 350 CST	Dimethyl(siloxanes and silicones)	63148-62-9	100.00	5,00	175	Dung dịch thủy lực, dầu cách điện, dầu chế biến, dầu bôi trơn (VD. Dầu làm trơn động cơ, dầu ổ trục, dầu máy nén, dầu mỡ)
14	SYSCOTECH SCT- 716	Fumed, cryst.-free amorphous silica	112945-52-5	1.50	29,72	1.040	Keo tản nhiệt dung tại Công đoạn Packing
		Trimethoxy(methyl)silane	1185-55-3	6.50			
		Zinc oxide	1314-13-2	50.00			
		Aluminium oxide	1344-28-1	50.00			
		3-(Trimethoxysilyl)propan- 1-amine	13822-56-5	1.50			
15	Kem hàn Lead-free solder paste TempSave B58 P610 D4 (Nihon Superior)	Dimethyl(siloxanes and silicones)	63148-62-9	45.00	11,51	402	Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		Tin	7440-31-5	38.00			
		Bismuth	7440-69-9	52.00			
16	TC-5026	Zinc oxide	1314-13-2	27.50	610,24	21.358	Mỡ tản nhiệt dung tại công đoạn Packing – quét lên CPU của từng sản phẩm
		Mono-trimethoxysiloxy, mono(vinyl, methyl, and butyl) dimethylsiloxane treated alumina	392245-37-3	67.50			
		alpha-(Dimethylvinylsilyl)- omega-	471277-16-4	5.00			

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Khối lượng sử dụng (kg/năm)		Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng (%)	2025	ĐKMT	
17	Kem hàn Hee PFM-78X HS-LM25	(trimethoxy)siloxypoly(dimethylsiloxane)					Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		Glutaric acid	110-94-1	0.15			
		2-[2-(Hexan-1-yloxy)ethoxy]ethanol	112-59-4	1.95			
		Adipic acid	124-04-9	0.10			
		Rosin, hydrogenated	65997-06-0	2.45			
		Silver	7440-22-4	0.18			
		Tin	7440-31-5	18.97			
		Bismuth	7440-69-9	26.01			
		Hydrogenated castor oil	8001-78-3	0.20			
		2-[2-(Hexan-1-yloxy)ethoxy]ethanol	112-59-4	2.70			
18	Kem hàn Sn42Bi58 (haoyu)	Tin	7440-31-5	87.50			Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		Bismuth	7440-69-9	87.50			
		Rosin	8050-09-7	4.50			
		Succinic acid	110-15-6	0.20			
		2-[2-(Hexan-1-yloxy)ethoxy]ethanol	112-59-4	2.50			
19	Kem hàn không chì LF-RAA5G2	6(or 7)-Methyl-1H-benzotriazole	29385-43-1	0.06			Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		Tin	7440-31-5	37.67			
		Bismuth	7440-69-9	52.03			
		Rosin	8050-09-7	5.00			
		Bismuth	7440-69-9	29.00			
20	Kem hàn TS-506	Ethanol, Cồn, Rượu	64-17-5	0.50	50,00	1.750	

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Khối lượng sử dụng (kg/năm)		Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng (%)	2025	ĐKMT	
21	KDB46 - XPG-0001-GREASE	Sulfuric acid, mono-C6-10-alkyl esters, ammonium salts	68187-17-7	1.25	152,78	5.347	Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		Silver	7440-22-4	3.25			
		Tin	7440-31-5	90.00			
		Copper	7440-50-8	0.65			
		Rosin	8050-09-7	4.50			
		Aluminium oxide	1344-28-1	90.00			
22	Kem hàn TAMURA - TLF-401-11-canned	VF-oil (all grades)	68083-19-2	9.00	145,33	5.086	Mỡ tản nhiệt dung tại công đoạn Packing – quét mỡ lên CPU của từng sản phẩm
		2-[2-(Hexan-1-ylloxy)ethoxy]ethanol	112-59-4	1.70			
		Tin	7440-31-5	19.00			
		Bismuth	7440-69-9	26.25			
23	AUTOSOL Metal Polish	Castor oil, sulfated, sodium salt	68187-76-8	81.50	5,03	176	Dung môi làm sạch tại công đoạn Packing VC
		Tin	7440-31-5	18.70			
24	CLEAN SOLDER SOLDER CREAM SB58-COSMO-NH-T4	Bismuth	7440-69-9	25.80	1,49	52	Hàn kết dính hai sản phẩm tại công đoạn lắp ráp
		2,5,8,11,14-Pentaoxapentadecane	143-24-8	5.50			
		Complex mixture of Chinese gum rosin post reacted with acrylic acid	144413-22-9	5.50			
		Silver	7440-22-4	1.30			
25	SOLDER PASTE M705-S101ZH-S4(W2)				85,00	2.975	Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp

TT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Khối lượng sử dụng (kg/năm)		Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng (%)	2025	DKMT	
26	DOWSIL™ TC-5550 Thermally Conductive Compound	Tin	7440-31-5	85.00			Mỡ tản nhiệt dung tại công đoạn Packing – quét mỡ lên CPU của từng sản phẩm
		Copper	7440-50-8	1.55			
		Zinc oxide	1314-13-2	18.50			
		Dimethyl(siloxanes and silicones)	63148-62-9	81.50	6,57	230	
27	HN 300 No-clean solder paste	Tin	7440-31-5	42.00			Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		Bismuth	7440-69-9	58.00	18,60	651	
28	Cồn công nghiệp ethanol 99%	Ethanol, Cồn, Rượu	64-17-5	99.00	7.380.00	258.300.000	Dung môi làm sạch khác tại công đoạn vệ sinh jig
29	Kem hàn SN42/Bi58_K-236	Succinic acid	110-15-6	0.30			Hàn kết dính hai sản phẩm tại Công đoạn lắp ráp
		2-[2-(Hexan-1-yl- oxy)ethoxy]ethanol	112-59-4	2.82			
		6(or 7)-Methyl-1H- benzotriazole	29385-43-1	0.06			
		Tin	7440-31-5	37.39			
		Bismuth	7440-69-9	51.63			
		Rosin	8050-09-7	5.00			
30	TC-5888 Grease	Heptamethylphenylcyclotetr- asiloxane	10448-09-6	5.50	133,80	4.683	Mỡ tản nhiệt dung tại công đoạn Packing – quét mỡ lên CPU của từng sản phẩm

Quá trình lưu trữ, bảo quản hoá chất tại Nhà máy đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

- Xác định khu vực chứa các sản phẩm hóa chất và thông báo với mọi nhân viên. Mọi sản phẩm hóa chất phải được sắp xếp đúng chỗ trong khu vực chứa;
- Giữ gìn tủ trữ sạch sẽ, trật tự và luôn trong tình trạng tốt (các ngăn hộc, tầng...);
- Các sản phẩm hóa chất không được đặt ở lối qua lại của người, phương tiện, ...
- Tránh tồn trữ các bình chứa trên các khu vực đất thấm nước, ngoài trời và trong các khu vực mà sản phẩm hóa chất không được bảo vệ tránh nắng, mưa, ...
- Tại khu vực lưu trữ hóa chất phải để các phương tiện, dụng cụ để ứng phó với các tình huống tràn đổ và rò rỉ hóa chất (Sử dụng khay chống tràn, cát, giẻ lau);
- Tại khu vực lưu trữ hóa chất phải sẵn có các biển báo, chỉ dẫn và MSDS của hóa chất trong kho và bồn rửa mắt khẩn cấp phòng khi có sự cố hóa chất xảy ra;
- Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp cho từng loại hóa chất như: Dùng khẩu trang, mặt nạ phòng độc hoặc thiết bị thở đối với hóa chất độc hại dễ bay hơi;
- Đối với từng loại hóa chất cần phải được đánh dấu, ký hiệu rõ ràng, cụ thể tránh nhầm lẫn khi xếp hàng, đóng gói. Thông thường, khi xếp kệ hóa chất không cao quá 2m, không cao sát trần nhà, nên cách tường ít nhất 0,5m, cách mặt đất từ 0,2-0,3m. Đối với những hóa chất là chất lỏng, dễ bay hơi thì cần được chứa trong các thùng kim loại không rò rỉ, để nơi thoáng mát để đảm bảo an toàn;
- Đối với hóa chất dễ cháy nổ: phải áp dụng các biện pháp phòng chống cháy nổ phù hợp như cách ly nguồn nhiệt, nguồn lửa, nơi làm việc phải thông thoáng.

❖ **Nhu cầu sử dụng nước cấp**

Theo hóa đơn sử dụng nước tại nhà máy trong năm 2025, nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy như sau:

Bảng 6: Nhu cầu sử dụng nước tại Nhà máy năm 2025

Tháng	Khối lượng sử dụng nước (m ³ /tháng)	Khối lượng sử dụng nước (m ³ /ngày)
1	430	16.54
2	325	14.77
3	402	15.46
4	385	14.81
5	570	21.92
6	781	30.04
7	781	30.04
8	485	18.65
9	405	15.58
10	426	16.38
11	461	17.73
12	439	16.88
Trung bình	490.83	19.07

Căn cứ vào hoạt động sinh hoạt, sản xuất của nhà máy, nhu cầu sử dụng nước của từng hoạt động như sau:

- Nước cấp phục vụ sinh hoạt: 15,3 m³/ngày (Định mức sử dụng nước cấp cho 1

lao động/ngày là 45 lít/người/ngày và nhà máy đang hoạt động với khoảng 340 người lao động).

- Nước cấp phục vụ sản xuất: 0,75 m³/ngày (Nước cấp được qua hệ thống lọc RO trước khi vào các quy trình sản xuất, nước sau lọc RO sẽ được cấp vào hoạt động khử khí và kiểm tra sản phẩm).

- Nước cấp phục vụ làm mát: Cấp bổ sung bù bay hơi các tháp làm mát với khối lượng khoảng 1 m³/ngày.

- Nước cấp phục vụ tưới cây, rửa đường: 2 m³/ngày.

Khi nhà máy đi vào vận hành ổn định 100% công suất, nhu cầu sử dụng nước của nhà máy gia tăng như sau:

- Nước cấp phục vụ sinh hoạt: 65,25 m³/ngày (Định mức sử dụng nước cấp cho 1 lao động/ngày là 45 lít/người/ngày và nhà máy đang hoạt động với khoảng 1.450 người lao động).

- Nước cấp phục vụ sản xuất: 22,5 m³/ngày (Nước cấp được qua hệ thống lọc RO trước khi vào các quy trình sản xuất, nước sau lọc RO sẽ được cấp vào hoạt động khử khí và kiểm tra sản phẩm).

- Nước cấp phục vụ làm mát: Cấp bổ sung bù bay hơi các tháp làm mát với khối lượng khoảng 10 m³/ngày.

- Nước cấp phục vụ tưới cây, rửa đường: 2 m³/ngày.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của nhà máy được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 7: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của nhà máy

STT	Mục đích sử dụng	Hiện hữu (m ³ /ngày)		100% công suất (m ³ /ngày)	
		Nước cấp	Nước thải	Nước cấp	Nước thải
1	Sinh hoạt	15,3	15,3	65,25	65,25
2	Tưới cây rửa đường	2	0	2	0
3	Sản xuất	0,75	0,15	22,5	4,5
-	Nước cấp được qua hệ thống lọc RO trước khi vào các quy trình sản xuất, nước sau lọc RO sẽ được cấp vào hoạt động khử khí và kiểm tra sản phẩm (tỉ lệ lọc RO tại nhà máy nước sạch 80% và nước thải 20%)	0,75	0,15	22,5	4,5
4	Nước cấp phục vụ làm mát	1	0	10	0
	Tổng	19,05	15,45	99,75	69,75

Như vậy, tổng nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy khi nhà máy đi vào vận hành ổn định là khoảng 99,75 m³/ngày.

Nguồn cung cấp nước: Nguồn nước sử dụng cho Nhà máy được lấy từ hệ thống cấp nước sạch của Công ty TNHH Một thành viên nước sạch Hà Nội của KCN Hòa Lạc-đội quản lý vận hành hệ thống cấp nước Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

❖ **Nhu cầu sử dụng điện**

- Nhu cầu sử dụng điện hiện tại (năm 2025) của Công ty trung bình khoảng 3.611.067

kWh/năm.

- Nhu cầu sử dụng điện khi Nhà máy đi vào hoạt động ổn định dự kiến khoảng 108.332.010 KWh/năm.
- Nguồn cung cấp điện: Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội- Công ty điện lực Thạch Thất. Điện của đơn vị cấp điện được cấp đến trạm biến áp của nhà máy.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở

3.1. Đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải chính của Nhà máy là nước thải sinh hoạt, nhà máy có phát sinh nước thải sản xuất (từ quá trình lọc RO...). Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt tại Nhà máy như sau:

❖ Các nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các Khu nhà vệ sinh tại Nhà máy;

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, dầu mỡ, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ và vi sinh gây bệnh,...

Bảng 8: Đánh giá lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2025 và giai đoạn đạt 100% công suất

TT	Nội dung	Khối lượng (m ³ /ngày đêm)		Ghi chú
		2025	100% công suất	
1	Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Nhà máy	15,3 (cấp cho hoạt động của 340 lao động)	65,25 (cấp cho hoạt động của 1.450 lao động)	Định mức sử dụng nước là 45lít/người/ngày
2	Nước thải sinh hoạt	15,3	65,25	Lượng nước thải phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp

Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khi nhà máy đi vào hoạt động ổn định (100% công suất) là khoảng 65,25 m³/ngày đêm.

❖ Nước thải sản xuất:

Hiện nay, nước thải sản xuất phát sinh tại Cơ sở bao gồm:

- Nước thải từ quá trình lọc RO: Hoạt động sản xuất tại nhà máy sẽ phát sinh nước thải sản xuất chủ yếu từ công đoạn lọc nước RO với tỉ lệ lọc nước RO của hệ thống là 80% nước sạch và 20% nước thải, như vậy tương ứng với nhu cầu sử dụng nước phục vụ sản xuất hiện nay thì lượng nước thải từ quá trình này là khoảng 0,15 m³/ngày và khi nhà máy đạt 100% công suất thì lượng nước thải từ quá trình lọc RO tương ứng là khoảng 4,5 m³/ngày.

Hiện nay, do nước thải từ quá trình lọc RO có thành phần ô nhiễm chủ yếu là hàm lượng khoáng chất, chất rắn hòa tan với lượng phát sinh rất ít nên được Công ty thu gom vào thùng chuyên dụng và hợp đồng vận chuyển CTNH.

Như vậy tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất tại nhà máy là 69,75 m³/ngày khi nhà máy vận hành ổn định 100% công suất.

3.2. Đối với khí thải

Hoạt động của nhà máy sẽ phát sinh khí thải và nhiệt dư từ các công đoạn sau:

- Khí thải từ quá trình vận hành các lò hàn: Căn cứ vào các loại kem hàn mà Cơ sở sử dụng và Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 28/8/2023 của UBND Thành phố Hà Nội đã được cấp, thông số ô nhiễm đặc trưng trong khí thải của Cơ sở gồm: Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x. Sau khi thay đổi kế hoạch sản xuất, các loại kem hàn sử dụng và công nghệ sản xuất không thay đổi so với hiện nay nên các thông số ô nhiễm đặc trưng trong khí thải của Cơ sở không thay đổi so với GPMT đã được cấp.

- Nhiệt dư từ quá trình làm nguội các lò thiêu kết (sintering), lò ủ nhiệt (aging), lò hàn (oven).

- Hơi dầu từ quá trình cắt, tiện gia công các chi tiết tại các máy CNC.

Khí thải từ hoạt động vận hành của nhà máy nếu không được xử lý sẽ gây tác động xấu đến công nhân vận hành, môi trường không khí xung quanh nhà máy.

3.3. Đối với CTR

❖ Chất thải rắn sinh hoạt

Với đặc thù của nhà máy, các loại CTRTT phát sinh tại nhà máy gồm có:

- CTRSH: phát sinh từ hoạt động của công nhân.
- CTRCNTT phát sinh từ quá trình bóc dỡ bao bì đóng gói nguyên vật liệu của nhà cung cấp mua về dùng cho sản xuất hàng ngày: Phế liệu giấy, palet gỗ thải, phế liệu kim loại sắt, đồng, phế liệu nhựa....
- CTRCNTT phát sinh từ hoạt động sản xuất: phế liệu nhựa khay, bìa carton, phế liệu kim loại (đồng, nhôm, sắt thép, đồng vàng).
- CTRCNTT không có khả năng tái chế từ quá trình sản xuất.
- Bùn thải từ hệ thống bể phốt.

Theo hóa đơn chuyển giao CTRTT tại nhà máy năm 2025, dự báo khối lượng CTRTT tại nhà máy khi hoạt động 100% công suất như sau:

Bảng 9: Thống kê khối lượng CTRTT tại nhà máy năm 2025 và dự báo khối lượng CTRTT phát sinh khi nhà máy khi đi vào vận hành ổn định 100% công suất

TT	Nhóm CTRTT	Khối lượng (tấn)		Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT
		2025	100%CS	
I CTRTT từ hoạt động sinh hoạt				
1	Rác thải sinh hoạt	12,68	54	Công ty TNHH MTV Phát triển công nghệ cao Hòa Lạc
2	Nước thải/bùn thải tại bể tự hoại	38	152	Công ty CP Môi trường Thuận Thành
II CTRCNTT từ quá trình bóc dỡ bao bì đóng gói nguyên vật liệu của nhà cung cấp mua về dùng cho sản xuất hàng ngày				
1	Palet gỗ	40	1.200	Công ty CP Môi trường Thuận Thành
2	Bìa carton	60	1.800	
3	Phế liệu sắt	3,95	118,5	

4	Phế liệu đồng	239	7.170	
5	Phế liệu nhựa	16,5	495	
6	Nilon	2,4	72	
7	Xốp phế liệu	0,9	27	
III Chất thải tái chế phát sinh từ quá trình tiêu hủy hải quan (hàng hủy)				
1	Phế liệu nhựa khay	11,97	359,1	Công ty TNHH MTV Thu Anh
2	Bìa carton	8,04	241,2	
3	Phế liệu đồng đỏ	12,62	378,6	
4	Phế liệu nhôm	22,38	671,4	
5	Phế liệu sắt thép	4,57	137,1	
6	Phế liệu đồng vàng	2,00	60	
IV Chất thải phải xử lý				
	CTRCN không có khả năng tái chế	41,5	1.245	Công ty CP Môi trường Thuận Thành
	Tổng	455	14.181	

(Nguồn: Công ty TNHH Nidec Chau Choung Việt Nam, 2026)

3.4. Đối với CTNH

Theo chứng từ chuyển giao CTNH năm 2025 cho thấy, các loại CTNH phát sinh tại nhà máy từ các hoạt động sau:

- Từ hoạt động bảo dưỡng thiết bị, sản xuất: Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, dầu thủy lực thải bỏ, pin ắc quy thải.
- Các loại bao bì đóng gói nguyên liệu đầu vào: bao bì kim loại cứng thải, bao bì mềm thải, vỏ bao bì bằng nhựa chứa hóa chất.
- Hoạt động văn phòng, sản xuất: Hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải.

Thống kê khối lượng, chủng loại CTNH phát sinh tại nhà máy năm 2025 và dự báo khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy khi nhà máy vận hành ổn định 100% công suất như sau:

Bảng 10: Khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy năm 2025 và dự báo khối lượng CTNH phát sinh khi nhà máy đi vào vận hành 100% công suất

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)			Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
			GPMT	2025	100% công suất	
1	Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu và dính thành phần nguy hại	18 02 01	645	3.777	40.000	Công ty CP Môi trường Thuận Thành
2	Vỏ bao bì bằng nhựa chứa hóa chất	18 01 03	30	908	5.000	
3	Dầu thủy lực thải	17 01 06	120	0	120	
4	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	0	0	50	
5	Hộp mực in thải	08 02 04	5	6	5	

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)			Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
			GPMT	2025	100% công suất	
6	Pin, ắc quy thải	16 01 02	0	75	150	
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	0	25	250	
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1	6	10	
9	Kim loại và vụn kim loại dính dầu	11 04 02	42	0	0	
10	Xi hàn thải bỏ	07 04 02	47	0	50	
11	Bùn thải từ hệ thống XLNTSX	12 06 05	234	0	0	
	Tổng số lượng		1.124	4.797	45.635	

(Nguồn: Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam, 2025)

Chất thải nguy hại là những những loại chất thải gây ô nhiễm môi trường đặc biệt gây ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người bởi những thành phần có chứa nhiều chất nguy hiểm.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở.

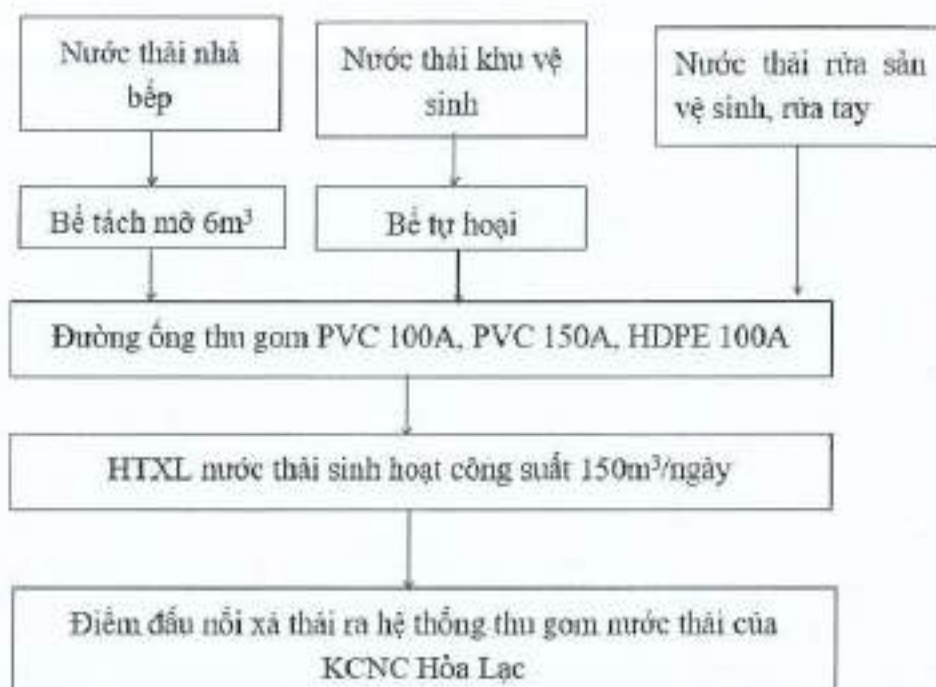
4.1. Phương án thu gom, xử lý nước thải

a. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

a1. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

❖ Đối với hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: gồm nước thải đen; nước thải xám từ các hoạt động rửa sàn nhà; rửa tay chân,...
- Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom như sau:
 - + Nước thải khu vực nhà bếp → Bể tách mỡ thể tích 6m³ → Hệ thống đường ống PVC100A, PVC150A và HDPE100A (dài 520m) → Hệ thống XLNT sinh hoạt có công suất 150m³/ngày đêm.
 - + Nước thải khu vực vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống đường ống PVC100A, PVC150A và HDPE100A (dài 520m) → Hệ thống XLNT sinh hoạt có công suất 150m³/ngày đêm.



Hình 7: Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt tại cơ sở

❖ Đối với hệ thống thu gom nước thải sản xuất

Theo GPMT đã được cấp và thực tế hoàn công, Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom nước thải sản xuất về hệ thống XLNT sản xuất như sau:

- Nước thải sản xuất (từ công đoạn làm sạch lưới mao dẫn (sản xuất buồng hơi) và công đoạn làm sạch ống đồng, ống nhiệt (sản xuất ống nhiệt)) → Bể nước thải thô (nằm trong hệ thống XLNTSX) → Hệ thống XLNT sản xuất công suất 36m³/ngày đêm.

- Nước thải rửa sàn phòng máy nén khí khi có sự cố tràn dầu → Bể tách dầu 5,5m³ → Hệ thống XLNT sản xuất công suất 36m³/ngày đêm.

Tuy nhiên, hiện nay do công đoạn làm sạch lưới mao dẫn (sản xuất buồng hơi) và công đoạn làm sạch ống đồng, ống nhiệt (sản xuất ống nhiệt) không thực hiện tại nhà máy (thuê đơn vị bên ngoài thực hiện) nên không phát sinh nước thải sản xuất. Lượng nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy chỉ có nước thải RO với lượng phát sinh rất nhỏ nên được thu gom vào thùng chứa chuyên dụng và hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý như CTNH. Còn đối với nước thải rửa sàn phòng máy nén khí khi có sự cố tràn dầu (nếu có) thì Cơ sở cũng sẽ thu gom và phân định là CTNH và thuê đơn vị có chức năng xử lý.

a2. Điểm xả nước thải

❖ Điểm xả nước thải sinh hoạt

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống XLNT sinh hoạt 150m³/ngày đêm đạt tiêu chuẩn của khu CNC Hòa Lạc được tự chảy ra hệ thống cống WW-100A ra hố ga MH3.1 và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu CNC tại hố ga T59. Tọa độ vị trí đầu nối (VN2000) là: X (m)=2322735,29 , Y(m)=555965,23.

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu CNC Hòa Lạc dẫn về Trạm XLNT tập trung của Khu CNC Hòa Lạc có tổng công suất xử lý 42.000m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

❖ **Điểm xả nước thải sản xuất**

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống XLNT sản xuất 36m³/ngày đêm đạt tiêu chuẩn của khu CNC Hòa Lạc được tự chảy ra hệ thống cống IWWT-100A ra hồ ga kiểm tra và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu CNC tại hồ ga T63. Tọa độ vị trí đầu nối (VN2000) là: X(m) = 2322716,9; Y = 555971,04.

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu CNC Hòa Lạc dẫn về Trạm XLNT tập trung của Khu CNC Hòa Lạc công suất xử lý 42.000m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

Riêng đối với nước thải sản xuất, hiện nay cơ sở không có hoạt động xả nước thải đối với nước thải sản xuất do quy mô sản xuất hiện nay khoảng 2,8% quy mô công suất đăng ký trong giấy chứng nhận đầu tư, do đó nếu phát sinh nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình rửa sản phẩm máy nén khí do sự cố tràn dầu) phát sinh tại nhà máy Cơ sở sẽ tạm thời thu gom, lưu giữ và xử lý như CTNH.

Dự án đã được Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc chấp thuận đầu nối nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn của dự án vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghệ cao tại Văn bản ngày 28 tháng 10 năm 2021. (Chi tiết xem văn bản đính kèm phụ lục báo cáo).

b. Xử lý nước thải:

b1. Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

Để xử lý sơ bộ lượng nước thải từ các khu nhà vệ sinh trong nhà máy, tại nhà máy đã tiến hành đầu tư xây dựng 03 bể tự hoại 3 ngăn tương ứng tại 03 khu vực nhà vệ sinh tại nhà máy với thể tích các bể lần lượt là 60 m³ (tại các khu vực nhà sinh trong nhà xưởng sản xuất) và 100 m³ (tại khu vực nhà văn phòng).

Sơ đồ xử lý tại các bể tự hoại 3 ngăn tại nhà máy như sau:



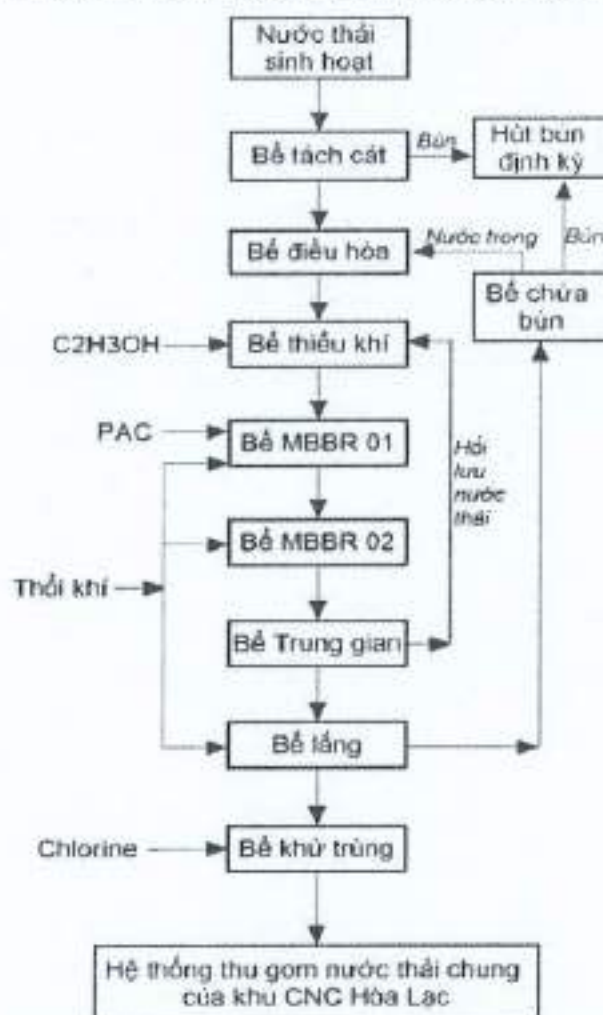
Hình 8: Sơ đồ xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý làm việc của bể tự hoại đồng thời làm 2 chức năng lắng và phân hủy yếm khí cặn lắng. Nước thải sau khi qua ngăn 1 để tách cặn sẽ tiếp tục qua ngăn 2 xử lý sinh học rồi qua ngăn lắng 3. Cặn lắng được lưu giữ trong bể từ 3 – 6 tháng, dưới tác động của vi sinh vật yếm khí các chất hữu cơ được phân hủy thành khí CO₂, CH₄ và các chất vô cơ. Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng sẽ đạt hiệu suất lắng cặn trung bình 50 - 70% cặn lơ lửng (TSS) và 25 - 45% chất hữu cơ (BOD và COD). Các mầm

bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần trong bể tự hoại, chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn và lắng xuống hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn hoặc do môi trường sống không thích hợp. Cũng chính vì vậy, trong phân bùn của bể tự hoại chứa một lượng rất lớn các mầm bệnh có nguồn gốc từ phân và cần được thu gom lưu giữ, vận chuyển, xử lý đúng quy cách. Định kỳ 1 năm/lần công ty sẽ tiến hành hút bể phốt 1 lần.

b2. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 150 m³/ngày

Cơ sở đã xây dựng và vận hành 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 150 m³/ngày theo quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tách cát → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể MBBR 01 → Bể MBBR 02 → Bể trung gian → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải khu CNC Hòa Lạc



Hình 9: Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại nhà máy

Thuyết minh quy trình xử lý:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom về bể thu gom.
- + **Song chắn rác:** Song chắn rác được thiết kế để giữ lại những vật rắn có kích thước lớn và ngăn không cho những vật này đi vào hệ thống. Song chắn rác này được định kỳ vệ sinh (nên làm ít nhất mỗi ca 1 lần hoặc khi nào song chắn bị nghẹt rác).
- + **Bể tách rác:** Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án sau khi được

xử lý sơ bộ được dẫn về tách rác. Tại đây, nước thải được tách rác bằng rọ tách rác tinh để loại bỏ các cặn rác có kích thước lớn tránh gây ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của các thiết bị trong hệ thống. Sau đó, nước thải được bơm sang bể điều hòa.

+ **Bể điều hòa:** Đóng vai trò điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải trước khi vào các công đoạn xử lý để đảm bảo độ ổn định của hệ thống xử lý. Tại bể điều hòa, nhờ hệ thống phân phối khí, nước thải được trộn đều, ngăn ngừa hiện tượng lắng cặn ở bể sinh ra mùi khó chịu. Từ bể điều hòa, nước thải được bơm tới bể Anoxic. Hiệu quả xử lý: loại bỏ 10% BOD, COD, 5% TSS, 5% NH_4 , 30% dầu mỡ.

+ **Bể thiếu khí:** Tại đây được bố trí các giá thể vi sinh; đệm này có tác dụng là nơi cư trú của vi sinh vật; đồng thời các tấm đệm vi sinh này có tác dụng làm tăng tính hoạt hoá của vi sinh vật đối với các thành phần chất hữu cơ gây ô nhiễm trong nước bởi diện tích tiếp xúc của nước thải với vi sinh vật tăng. Quá trình xử lý sinh học yếm khí diễn ra nhờ quần thể các vi sinh vật yếm khí phân huỷ các chất hữu cơ gây ô nhiễm hoà tan trong nước thải. Hầu hết các chất ô nhiễm hữu cơ dễ phân huỷ được sử dụng để duy trì sự sống của vi khuẩn, vì vậy chỉ có một lượng nhỏ bùn hoạt tính được sinh ra. Các chất hữu cơ được phân huỷ theo phương trình phản ứng sau:



Quá trình hoạt hoá của các vi sinh vật yếm khí sẽ biến các chất ô nhiễm hoà tan và không hoà tan trong nước thải chuyển hoá thành bùn sinh học và khí.

+ **Bể Nitrat hóa:** Bể Nitrat hóa sử dụng các vi khuẩn hiếu khí và Nitrosomonas để biến đổi các chất hữu cơ chứa NH_4^+ thành NO_3^- và NO_2^- . Các vi khuẩn nitrosomonas hoạt động trong bể nitrat hóa sử dụng ô xi hoà tan có trong nước thải để ô xi hóa NH_4^+ thành NO_3^- và NO_2^- . Sau khi bị biến đổi thành NO_3^- và NO_2^- , nước thải được tuần hoàn lại bể khử nitơ để chuyển về dạng khí N_2 .

Máy thổi khí và hệ thống đĩa phân phối khí được sử dụng để cung cấp và phân phối khí cho quá trình xử lý này.

Ngoài ra, tại đây các vi khuẩn hiếu khí cũng sử dụng ô xi để ô xi hóa các chất thải chứa gốc S^{2-} về SO_4^{2-} làm giảm đáng kể lượng S^{2-} chứa trong nước thải.

Trong trường hợp tổng phốt pho đầu vào cao hoặc bùn lắng không tốt thì PAC được thêm vào để cải thiện quá trình lắng và xử lý tổng phốt pho tốt hơn. Sau quá trình xử lý hiếu khí, trong một vài trường hợp pH của nước thải giảm nhiều, đòi hỏi cần phải điều chỉnh pH đến giá trị phù hợp. pH của nước thải được điều chỉnh bằng NaOH, NaOH được cấp vào thủ công dựa trên giá trị pH của máy đo cầm tay.

+ **Bể MBBR:** Sử dụng giá thể vi sinh di động mbbf trong bể sục khí để tăng lượng vi sinh vật có sẵn để xử lý nước thải. Các vi sinh vật sẽ phân huỷ hết các chất hữu cơ có trong nước thải. Tiếp đó, hệ thống thổi khí sẽ giúp khuấy trộn các giá thể trong bể nhằm đảm bảo các giá thể vi sinh được xáo trộn liên tục trong quá trình xử lý nước thải.

Vi sinh vật phát triển sẽ bám vào bề mặt giá thể. Nhằm hỗ trợ quá trình phân giải các chất hữu cơ trong nước thải và giúp nước thải đạt chuẩn. Những vi sinh vật bám trên giá thể có thể là các loại vi sinh: Vi sinh hiếu khí nằm trên bề mặt giá thể, vi sinh thiếu khí, vi sinh yếm khí.

+ **Bể trung gian:** Điều hòa ổn định nồng độ ô nhiễm có trong nước thải.

+ **Bể lắng:** Bể lắng bùn sinh học có nhiệm vụ tách cặn vi sinh từ bể xử lý sinh học hiếu khí lơ lửng dính bám mang sang. Nước thải ra khỏi bể lắng có hàm lượng cặn (SS) giảm đến hơn 80%. Bùn lắng ở đáy ngăn lắng sẽ được bơm bùn bơm về bể chứa bùn và thuê đơn vị hút bùn định kỳ, phần nước trong trên mặt bể sẽ chảy tràn và theo hệ thống máng thu nước chảy về bể khử trùng.

+ **Bể khử trùng:** Có tác dụng loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là Coliform có trong nước thải. Do đó để loại trừ khả năng lan truyền các vi sinh vật gây bệnh ra môi trường nước thải được châm nước Javen khử trùng nước thải trước khi thải ra môi trường. Hiệu quả xử lý: Loại bỏ 5% TSS; 100% Coliform.

+ **Xử lý bùn:** Bùn dư từ bể lắng được bơm định kỳ về bể chứa bùn. Tại đây bùn tiếp tục tách nước, phần nước trong chảy tràn về bể điều hòa để tái xử lý. Phần bùn được thu gom định kỳ bằng dịch vụ hút bùn đô thị.

Bảng 11: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

TT	Tên bể	Kích thước các bể (DxBxH)m	Thể tích bể (m ³)
3	Bể tách cát	1,5 x 3 x 3,1	13,95
4	Bể điều hòa	6 x 3 x 3,1	55,80
5	Bể chứa bùn	2,5 x 3 x 3,1	23,25
6	Bể thiếu khí	3,5 x 3 x 3,1	32,55
7	Bể MBBR 01	3,5 x 2,8 x 3,1	32,55
8	Bể MBBR 02	4,1 x 2,8 x 3,1	38,13
9	Bể trung gian	1,1 x 2,8 x 3,1	9,30
10	Bể lắng	3,1 x 2,8 x 3,1	28,83
11	Khử trùng	1,5 x 2,8 x 3,1	13,95

❖ **Quy trình vận hành:**

+ **Chuẩn bị:** Trước khi vận hành hệ thống xử lý nước thải, đầu tiên người vận hành phải kiểm tra lại các thiết bị xem có trục trặc hoặc hỏng hóc nào không và sau đó kiểm tra điện áp trên tủ điều khiển.

+ **Quy trình vận hành hệ thống điện:** Đóng MCCB (aptomat) tổng trong tủ phân phối chính của tủ điện. Kiểm tra đủ số pha, kiểm tra nối đất an toàn và cách điện của thiết bị. Dùng đồng hồ Vôn kiểm tra tình trạng đủ điện áp của nguồn điện. Khi các điều kiện trên đã đáp ứng được yêu cầu thì tiến hành đóng MCCB tổng và đóng lần lượt các MCB cho các thiết bị trong hệ thống.

+ **Trình tự và nguyên tắc vận hành các thiết bị:** Các thiết bị trong tủ chính đều có

2 chế độ vận hành: Hand (bằng tay), Auto (tự động):

+ Chế độ Auto: Khi chọn chế độ Auto tất cả các thiết bị chạy tự động theo lập trình trong Logo.

+ Máy thổi khí luôn để chế độ bật tự động cài đặt máy hoạt động 24 giờ trong suốt quá trình xử lý nước thải.

+ Bơm xả nước thải ra ngoài khi để chế độ auto hoạt động phụ thuộc vào phao tại bể xả thải.

+ Chế độ Hand (bằng tay): Khi chuyển chế độ Hand tất cả các máy hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào các thiết bị khác và mức nước trong bể. Khi chuyển sang chế độ Hand muốn chạy bơm nào thì ta bật công tắc của bơm đó.

+ Ghi chép lại thông tin vận hành (lượng hóa chất sử dụng, lưu lượng nước thải xử lý...) sau mỗi ca làm việc vào sổ nhật ký vận hành.

❖ Nhu cầu sử dụng hóa chất, năng lượng của hệ thống

Bảng 12: Nhu cầu hóa chất, vật liệu, năng lượng của hệ thống XLNT sinh hoạt

Nhu cầu về hóa chất, vật liệu				
TT	Tên hóa chất	Khối lượng		
		Kg/m ³	Kg/ngày	Kg/năm
1	NaOH	0,04	6,67	2.000
2	PAC	0,04	6,67	2.000
3	Methanol	0,07	10,00	3.000
Nhu cầu năng lượng (điện), nước sạch				
TT	Năng lượng, nước	Khối lượng		
		kWh/m ³	kWh /ngày	kWh /năm
1	Điện	0,03	5	1.296
2	Nước sạch pha hóa chất: 0,1-0,15 (m ³ /ngày)			

b3. Xử lý nước thải sản xuất

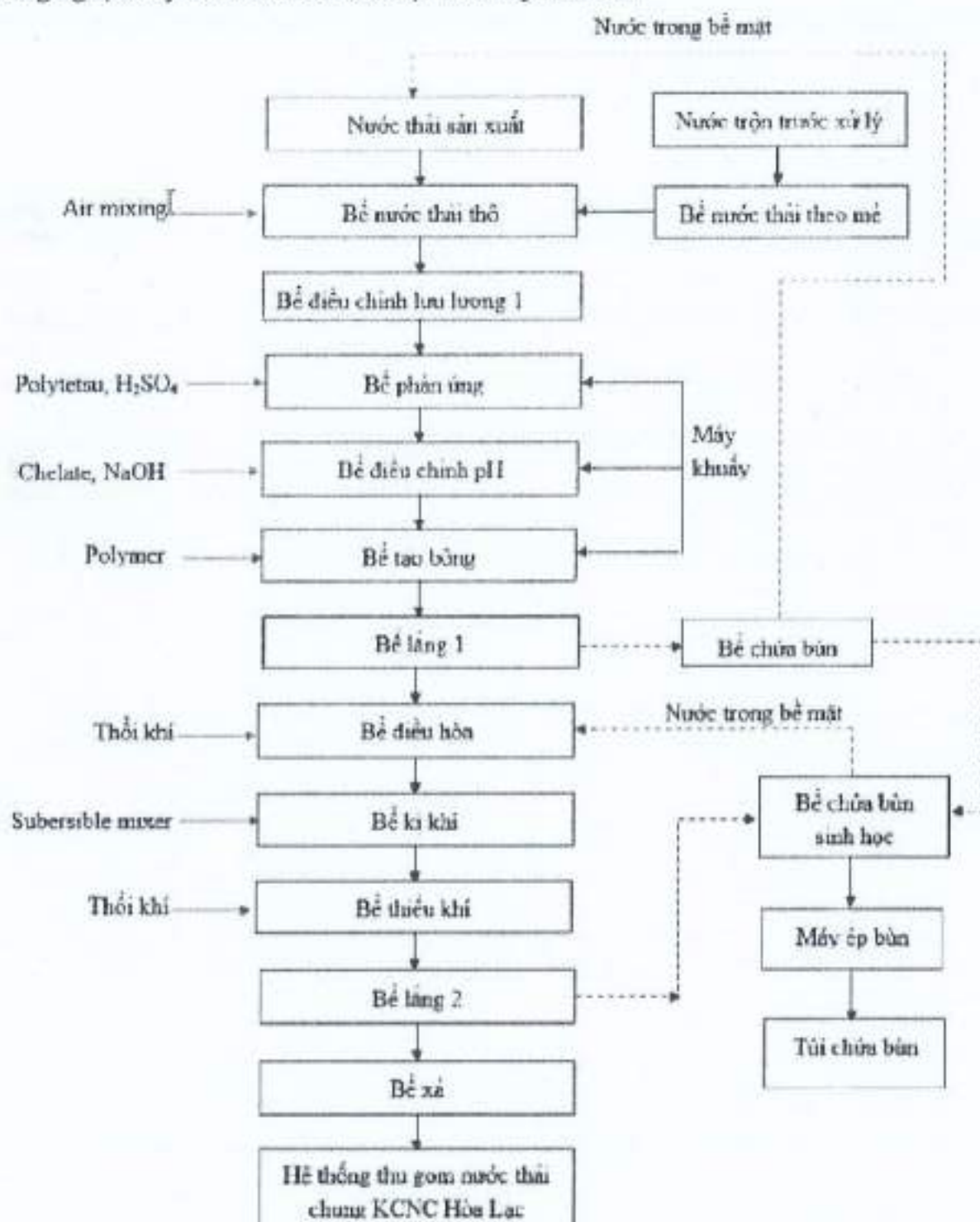
Tại thời điểm xin và được Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 28/8/2023 của UBND TP Hà Nội, nhà máy dự kiến sẽ có các công đoạn sản xuất phát sinh nước thải sản xuất gồm công đoạn làm sạch lưới mao dẫn (sản xuất buồng hơi) và công đoạn làm sạch ống đồng, ống nhiệt (sản xuất ống nhiệt) nên Công ty đã xin và được phê duyệt 01 hệ thống XLNT sản xuất công suất 36 m³/ngày. Công trình này cũng đã được Công ty hoàn công xây dựng và lắp đặt theo đúng GPMT đã được cấp.

Tuy nhiên đến nay do điều kiện hoạt động sản xuất thực tế với công suất thấp, các công đoạn làm sạch lưới mao dẫn (sản xuất buồng hơi) và làm sạch ống đồng, ống nhiệt (sản xuất ống nhiệt) được Cơ sở thuê gia công ngoài vì vậy tại Nhà máy hiện không phát sinh nước thải sản xuất tại các công đoạn này. Nước thải sản xuất hiện phát sinh rất ít (chỉ bao gồm nước thải rửa sản phẩm máy nén khí, nếu phát sinh, được thu gom CTNH) và không đủ lưu lượng để vận hành hệ thống XLNT SX đã được lắp đặt. Do đó, Công ty đang dừng vận hành hệ thống XLNT SX.

Tuy nhiên, để dự phòng thay đổi kế hoạch sản xuất trong tương lai, Cơ sở vẫn giữ nguyên công trình này và có thể sẽ đưa vào sử dụng khi các đoạn có phát sinh nước

thải sản xuất được thực hiện tại Nhà máy để tối ưu chi phí vận hành. Khi đó, Cơ sở sẽ thực hiện các thủ tục môi trường theo đúng quy định trước khi đưa hệ thống XLNT SX này đi vào hoạt động.

Hệ thống XLNT sản xuất công suất thiết kế 36m³/ngày đêm của cơ sở đã được xây dựng, lắp đặt bởi nhà thầu là công ty TNHH Goshu Kohsan Việt Nam. Quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất tại nhà máy như sau:



Hình 10: Quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất tại nhà máy

Thuyết minh công nghệ:

- Hệ thống xử lý hóa chất

1) Bể nước thải theo mẻ:

- Nước thải theo mẻ là nước có hóa chất đậm đặc, định kỳ xả thải theo tuần được chứa trong bể này trước khi bơm sang bể chứa nước thải để bắt đầu bơm đi xử lý. Bộ trộn khí được trang bị để trộn đều nước thải trong bể.

2) Bể nước thải thô:

- Nước thải thô là nước thải xả thải trong quá trình tẩy rửa sản phẩm, dây chuyền sản xuất, được chứa trong bể này trước khi bơm lên bể phản ứng. Bộ trộn khí được trang bị để trộn đều nước thải trong bể.

3) Bể phản ứng:

- Nước thải thô cấp vào bể phản ứng.

- Hóa chất được cấp vào bể phản ứng. Polytetsu được sử dụng làm chất xúc tác, đông tụ những thành phần hóa lý từ nước thải đầu vào. H_2SO_4 được sử dụng để giảm độ pH trong nước thải, kiểm soát bằng bộ điều khiển pH.

4) Bể điều chỉnh pH:

- Hóa chất được cấp vào bể Điều chỉnh pH. Chelate được sử dụng để loại bỏ kim loại nặng khỏi nước thải. NaOH được sử dụng làm hóa chất điều chỉnh pH của nước thải cho bước keo tụ tiếp theo, điều khiển bằng bộ điều khiển pH, nhằm cung cấp độ pH phù hợp cho bước keo tụ.

5) Bể keo tụ

- Polyme anion là nguồn cấp dữ liệu để làm mất ổn định các hạt keo. Các hạt sẽ được phủ một lớp dính polymer cho phép chúng kết tụ, tạo bông to hơn và lắng xuống trong một khoảng thời gian.

6) Bể lắng

- Bể lắng số 1 loại bỏ SS bằng phương pháp lắng trọng lực. Bộ thu bùn ở đáy bể sẽ thoát và hút bùn ra bể bùn.

- Hệ thống xử lý sinh học

1) Bể cân bằng:

- Bể cân bằng được chứa trong bể này trước khi bơm lên V-Notch của bể kỵ khí. Bộ trộn khí được trang bị để trộn nước thải.

2) Bể kỵ khí:

- Bể này được thiết kế để loại bỏ thành phần nitơ. Do Tổng Nitơ (T-N) và Amoniac (NH_3-N) của nước thải đầu vào có nồng độ cao nên Metanol được bổ sung liên tục với liều lượng tính toán để cung cấp dinh dưỡng & Bơm chìm được thiết kế để trộn nhằm tăng hiệu quả khử Tổng Nitơ & Amoniac.

3) Bể hiếu khí

- Tại bể này, chất thải trong nước thải được loại bỏ bằng bùn hoạt tính. Quạt gió được thiết kế để cung cấp không khí cho vi khuẩn sinh sống và phát triển. NaOH được cung cấp bằng tín hiệu từ bộ điều khiển pH.

4) Bể lắng

- Nước đã qua xử lý từ Bể hiếu khí được tiếp nhận và bùn - tách nước được tiến hành trong bể này, làm rõ nước tràn sang Bể xả, bùn lắng được đưa ra ngoài để tái chế đến Bể khử nitơ và bùn dư được định kỳ hút sang Bể chứa bùn bằng bơm và mở van thủ công.

5) Bể xả

- Tại bể này, nước thải đầu ra sau xử lý sẽ được khử trùng bằng viên Clo. Giữ nước trước khi xả ra hệ thống thoát nước cho Công nghiệp.

- Hệ thống tách nước bùn

1) Bể chứa bùn

- Sau khi bùn được thu gom từ bể lắng sẽ được chuyển sang bể chứa bùn để cô đặc nhiều bùn hơn trước khi cung cấp đi khử nước tiếp. Xử lý bể chứa này cần được chú ý cẩn thận hơn đối với khí mê-tan. Nó sẽ gây nổ trong điều kiện có lửa / tia lửa, gây ngạt thở cho con người.

2) Máy ép bùn khung bản:

Bùn trong bể chứa bùn được bơm liên tục sang máy ép bùn. Nó là một hệ thống dễ vận hành và bảo trì. Nước trong bùn được loại bỏ bằng máy này.

Bảng 13: Thông số kỹ thuật của các bể của hệ thống XLNT SX

TT	Tên Thiết Bị/Đặc Tính Kỹ Thuật	Số lượng	Đơn vị
1	Hố bơm	4	Hố
	Thể tích 5 m ³ . Vật liệu: Bê tông		
	Bơm hố	8	cái
	Kiểu: Bơm tự mỗi. Công suất: 150l/min×15mH×1,5kw		
2	Phao mức điều khiển máy bơm	16	cái
	Bể nước thải mề	1	Bể
	Thể tích 5 m ³ . Vật liệu: Bê tông		
	Bơm nước thải	2	cái
	Công suất: 2l/min×4mH×0,3kw. Kiểu bơm màng		
3	Phao mức điều khiển máy bơm	1	Bể
	Bể nước thải thô		
	Thể tích: 36m ³ . Vật liệu bằng bê tông	2	cái
	Bơm nước thải		
4	Công suất: 1,5m ³ /hr×10mH×0,75kw. Kiểu bơm tự mỗi	4	cái
	Phao mức điều khiển máy bơm		
	Bể phản ứng	1	Bể
	Thể tích: 0,5m ³ . Vật liệu bê tông.		
5	Máy khuấy	1	cái
	Công suất: 0,2kw, 85,3rpm, 3P, 380V, 50Hz	1	Bể
	Bộ điều khiển pH		
	Bể đo lưu lượng	1	Bể
6	Công suất: 1,5m ³ /h. Vật liệu bê tông.	1	Bể
	Bể điều chỉnh pH		
	Thể tích: 0,5m ³ . Vật liệu bê tông.	1	cái
	Máy khuấy		
6	Công suất: 0,2kw, 85,3rpm, 3P, 380V, 50Hz	1	cái
	Bộ điều khiển pH	1	cái
6	Bể tạo bông	1	Bể

	Thể tích: 0,3m ³ . Vật liệu: Bê tông		
	Máy khuấy: Công suất: 0,2kw, 41,4rpm, 3P, 380V, 50Hz	1	cái
7	Bể lắng số 1	1	cái
	Kích thước: D1740×H2800		
	Bơm chuyển bùn	1	cái
	Kiểu: Bơm màng khí Công suất: 1,5m ³ /hr×10mH		
8	Bể điều hòa	1	Bể
	Thể tích 15m ³ . Vật liệu bê tông		
	Bơm nước thải Công suất: 1,5m ³ /hr×5mH×0,25kw. Kiểu: Bơm chìm	2	cái
	Phao mức Kiểu: quả	5	cái
	Bộ điều khiển pH	1	cái
	Bể đo lưu lượng	1	cái
	Công suất: 1,5m ³ /hr. Vật liệu vê tông		
9	Bể kỵ khí	1	Bể
	Thể tích: 20m ³ . Vật liệu bê tông.		
	Máy khuấy chìm Công suất: 0,7kw, 3P, 380V, 50Hz. Kiểu chìm	1	cái
10	Bể hiếu khí	1	Bể
	Thể tích: 20m ³ . Vật liệu bê tông.		
	Bơm nước thải Công suất: 3m ³ /hr×6mH×0,4kw. Kiểu bơm chìm.	1	cái
	Bộ điều khiển pH	1	cái
11	Bể lắng số 2: Kích thước: L1600×W1600×H2400. Vật liệu bê tông.	1	Bể
	Bơm hồi bùn Kiểu: Bơm chìm Công suất: 1,5m ³ /hr×6mH×0,4kw	1	cái
12	Bể chứa nước đầu ra Thể tích: 5m ³ Vật liệu: Bê tông	1	Bể
	Bơm đầu ra Công suất: 3m ³ /hr×6mH×0,4kw. Kiểu bơm chìm	2	cái
	Phao mức Kiểu: quả	4	cái
	Đồng hồ đo lưu lượng	1	cái
13	Máy ép bùn Công suất: 150 lít/cycle Kiểu: Membrane_Semi-Automatic Motor: 2,2kw, 3P, 380V, 50Hz	1	cái
	Bể chứa nước ra Thể tích: 0,5m ³ . Vật liệu bằng bê tông.	1	Bể
	Bơm xả nước Công suất: 1m ³ /hr×6mH×0,25kw. Kiểu bơm chìm.	1	cái
	Máy nén khí Công suất: 3,7kw, 3P, 380V, 50Hz	1	cái
14	Máy thổi khí Công suất: 2m ³ /min×3,5mH×3,7kw	1	cái
15	Bể chelate Thể tích: 0,5m ³ . Vật liệu bằng bê tông.	1	Bể

	Phao mức Kiểu: từ	1	cái
	Bơm Chelate Kiểu: Bơm màng Công suất: 200cc/min×0,02kw	1	cái
16	Bể Polytetsu Thể tích: 0,5m ³ . Vật liệu nhựa PE.	1	Bể
	Máy khuấy Công suất: 0,2kw, 132rpm, 3P, 380V, 50Hz	1	cái
	Phao mức Kiểu: từ	1	cái
	Bơm Polytetsu Công suất: 200cc/min×0,02kw. Kiểu bơm màng.	1	cái
17	Bể H₂SO₄ Thể tích: 0,5m ³ . Vật liệu bằng bê tông.	1	Bể
	Phao mức Kiểu: từ	1	cái
	Bơm H₂SO₄ Kiểu: Bơm màng	1	cái
18	Bể Polymer Thể tích: 1m ³	1	Bể
	Máy Khuấy Công suất: 0,2kw, 132rpm, 3P, 380V, 50Hz	1	cái
	Phao mức Kiểu: que	1	cái
	Bơm Polymer Công suất: 200cc/min x 0,2kw. Kiểu bơm màng.	1	cái
19	Bể NaOH Thể tích: 0,5m ³ . Vật liệu bằng bê tông.	1	Bể
	Phao mức Kiểu: que	1	cái
	Bơm NaOH Công suất: 200cc/min×0,02kw. Kiểu bơm màng.	1	cái
20	Bể Methanol Thể tích: 0,5m ³ . Vật liệu bằng bê tông.	1	Bể
	Phao mức Kiểu: Que	1	cái
	Bơm Methanol Kiểu: Bơm màng Công suất: 200cc/min×0,02kw	1	cái
21	Chậu rửa mắt	1	cái

Quy trình và chế độ vận hành hệ thống XLNT sản xuất như sau:

+ Chuẩn bị: Trước khi vận hành hệ thống xử lý nước thải, đầu tiên người vận hành phải kiểm tra lại các thiết bị xem có trục trặc hoặc hỏng hóc nào không và sau đó kiểm tra điện áp trên tủ điều khiển.

+ Quy trình vận hành hệ thống điện: Đóng MCCB (aptomat) tổng trong tủ phân phối chính của tủ điện. Kiểm tra đủ số pha, kiểm tra nối đất an toàn và cách điện của thiết bị. Dùng đồng hồ Vôn kiểm tra tình trạng đủ điện áp của nguồn điện. Khi các điều kiện trên đã đáp ứng được yêu cầu thì tiến hành đóng MCCB tổng và đóng lần lượt các

MCB cho các thiết bị trong hệ thống.

+ Trình tự và nguyên tắc vận hành các thiết bị: Các thiết bị trong tủ chính đều có 2 chế độ vận hành: Hand (bằng tay), Auto (tự động):

+ Chế độ Auto: Khi chọn chế độ Auto tất cả các thiết bị chạy tự động theo lập trình trong Logo.

+ Máy thổi khí luôn để chế độ bật tự động cài đặt máy hoạt động 24 giờ trong suốt quá trình xử lý nước thải.

+ Bơm xả nước thải ra ngoài khi để chế độ auto hoạt động phụ thuộc vào phao tại bể xả thải.

+ Chế độ Hand (bằng tay): Khi chuyển chế độ Hand tất cả các máy hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào các thiết bị khác và mức nước trong bể. Khi chuyển sang chế độ Hand muốn chạy bơm nào thì ta bật công tắc của bơm đó.

Nhu cầu sử dụng hóa chất, vật liệu, năng lượng của hệ thống XLNT SX khi đi vào vận hành ổn định:

Bảng 14: Nhu cầu sử dụng hóa chất, vật liệu, năng lượng của hệ thống XLNT SX

Nhu cầu về hóa chất, vật liệu				
TT	Tên hóa chất	Khối lượng		
		Kg/m ³	Kg/ngày	Kg/năm
1	Polytesu	1,120	40,3	12.097
2	NaOH 32%	1,945	70,0	21.010
3	H ₂ SO ₄ 20%	3,301	118,8	35.654
4	Methanol 99%	0,413	14,9	4.457
5	Polymer Chelate	0,006	0,2	64
6	Chelate	0,206	7,4	2.228
Nhu cầu năng lượng (điện), nước sạch				
TT	Điện, nước	Khối lượng		
1	Điện	0,03	5	1.500
2	Nước sạch pha hóa chất: 0,2-0,5 (m ³ /ngày)			

c. Nước mưa chảy tràn

- **Thu gom và thoát nước mưa mái nhà xưởng:** Hệ thống ống thu gom nước mưa chảy từ mái tôn các nhà xưởng thông qua máng thu và hệ thống đường ống nhựa PVC dày 2,1 mm, đường kính 110 mm. Nước mưa từ mái nhà chảy qua ống dẫn để nhập vào rãnh thoát nước mưa bề mặt của Công ty được bố trí dọc hai bên đường vào hồ ga thu nước có song chắn rác, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN tại 1 điểm đầu nối thoát nước mưa ở sát tường nhà máy phía Bắc.

- **Thu gom và thoát nước mưa bề mặt sân bãi:** Nước mưa chảy tràn trên bề mặt đã được bê tông hóa (sân, đường giao thông, khu vực đất trống chưa sử dụng...) được thu gom theo mạng lưới đường ống thoát chung đã được bố trí xung quanh nhà máy. Trên đường cống có bố trí các hố ga đường kính D400, D600, D800, D1000 để lắng cặn sơ bộ. Mặt cống chính có lắp đặt các tấm đan bằng thép. Hệ thống thoát nước mưa được

thiết kế với độ dốc 1%, đảm bảo khi có mưa lớn trong thời gian dài liên tục, nước mưa sẽ chảy liên tục không ứ đọng. Định kỳ, 2 tháng/lần, cán bộ vệ sinh của Công ty sẽ kiểm tra và vệ sinh các hố ga. Cặn lắng được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt của Công ty.

Bảng 15: Khối lượng hạng mục thoát nước mưa ngoài nhà đã xây dựng

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Thu gom và thoát nước mưa trên mái nhà xưởng		
1	Máng thu gom bằng inox	m	420
2	Ống thoát bằng nhựa PVC dày 2,1 mm, D110	ống	64
II	Thu gom và thoát nước mưa bề mặt sân bãi		
1	D1000	m	27,5
2	D800	m	127
3	D600	m	229
4	D400	m	90
5	D300	m	241
6	Hố ga thu nước	Hố	37
7	Hố ga đầu nối thoát nước ngoài dự án	Hố	4

- **Số lượng và vị trí đầu nối thoát nước mưa của dự án:** Toàn bộ nước mưa của dự án được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu công nghệ cao Hòa Lạc qua 4 vị trí. Cụ thể:

+ **Điểm đầu nối số 1:** Đường kính ống đầu nối D1000, cao độ đáy ống +11,760m, Cao độ đáy ống hệ thống khu CNC: +11,610m.

+ **Điểm đầu nối số 2:** Đường kính ống đầu nối D1000, cao độ đáy ống +11,730m, cao độ đáy ống hệ thống khu CNC +11,630m.

+ **Điểm đầu nối số 3:** Đường kính ống đầu nối D800, cao độ đáy ống +11,860m, cao độ đáy ống hệ thống khu CNC +11,710m.

+ **Điểm đầu nối số 4:** Đường kính ống đầu nối D800, cao độ đáy ống +11,870m, cao độ đáy ống hệ thống khu CNC +11,770m.

Bảng 16: Thông số kỹ thuật các vị trí đầu nối nước mưa của dự án vào hệ thống thu gom và thoát nước mưa của khu CNC Hòa Lạc

Điểm đầu nối	Đường kính ống hệ thống khu CNC	Đường kính ống đầu nối	Cao độ đáy ống đầu nối	Cao độ đáy ống hệ thống khu CNC
1	D1050	D1000	+11,760	+11,610
2	D1050	D1000	+11,730	+11,630
3	D1050	D800	+11,860	+11,710
4	D1050	D800	+11,870	+11,770

- **Phương thức vận hành tại các điểm thoát nước mưa:** Nhà máy đã xây dựng hoàn thiện hệ thống cống rãnh ngầm đạt tiêu chuẩn. Mạng lưới thoát nước mưa được

thiết kế theo nguyên tắc tự chảy.

- Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của nhà máy:

Thu gom: Nước mưa → Song chắn rác → hệ thống mương thoát nước → hố ga → cống thoát nước nội bộ → hệ thống thoát nước mưa của khu CNC Hòa Lạc (4 vị trí).

Ngoài ra, Công ty còn kết hợp thực hiện các biện pháp sau:

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khơi thông hệ thống các hố ga, cống, rãnh dẫn nước mưa để đảm bảo tiêu thoát nước và phát hiện các hỏng hóc, từ đó có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời, tần suất kiểm tra khoảng 03 tháng/lần.

+ Đảm bảo vệ sinh sân, đường nội bộ luôn sạch sẽ; duy trì công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh môi trường theo đúng quy định không để chất thải rắn, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

+ Bố trí các thùng lưu giữ CTR sinh hoạt trong khuôn viên Nhà máy, thu gom và lưu giữ các chất thải một cách hợp lý và vệ sinh để tránh các chất này bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

4.2. Phương án thu gom, xử lý khí thải

a. Phương án thu gom, xử lý khí thải từ hoạt động của các máy hàn thiếc

Hiện nay cơ sở đang vận hành 01 hệ thống XLKT xử lý khí thải từ quá trình vận hành 05 lò hàn thiếc tại tầng 1 với quy mô công suất là 12.600 m³/giờ, tuy nhiên theo yêu cầu của các khách hàng, Cơ sở sẽ dịch chuyển các lò hàn thiếc từ tầng 1 lên tầng 2 cùng với đó là lắp đặt thêm 03 lò hàn thiếc nâng tổng số lò hàn thiếc lên thành 08 lò. Tương ứng với quy mô khí thải phát sinh, Cơ sở sẽ lắp đặt mới 01 hệ thống XLKT phát sinh với quy mô công suất như sau:

Áp dụng căn cứ tính toán lưu lượng quạt hút của hệ thống xử lý khí thải như hiện nay (theo tài liệu "*The Industrial*

Environment – Its Evaluation & Control, U.S Department of Health and Human Services, 1973"), công suất quạt hút cần lắp đặt được tính theo công thức:

$$Q = V \times A \times N \times 3600) \text{ (m}^3\text{/giờ)}$$

Trong đó:

+ V: Vận tốc khí thải tại miệng hút (m/s) (trung bình 5 – 7 m/s, lựa chọn V=6 m/s)

+ A: Tiết diện đường ống (m²) ($A = \pi r^2$)

+ N: Số lượng đầu hút (16 đầu hút)

Như vậy, với đường kính của đường ống thoát khí là D=0,2m - 0,25 và số lượng đầu hút là 16 đầu hút, lưu lượng quạt hút của hệ thống xử lý khí thải là:

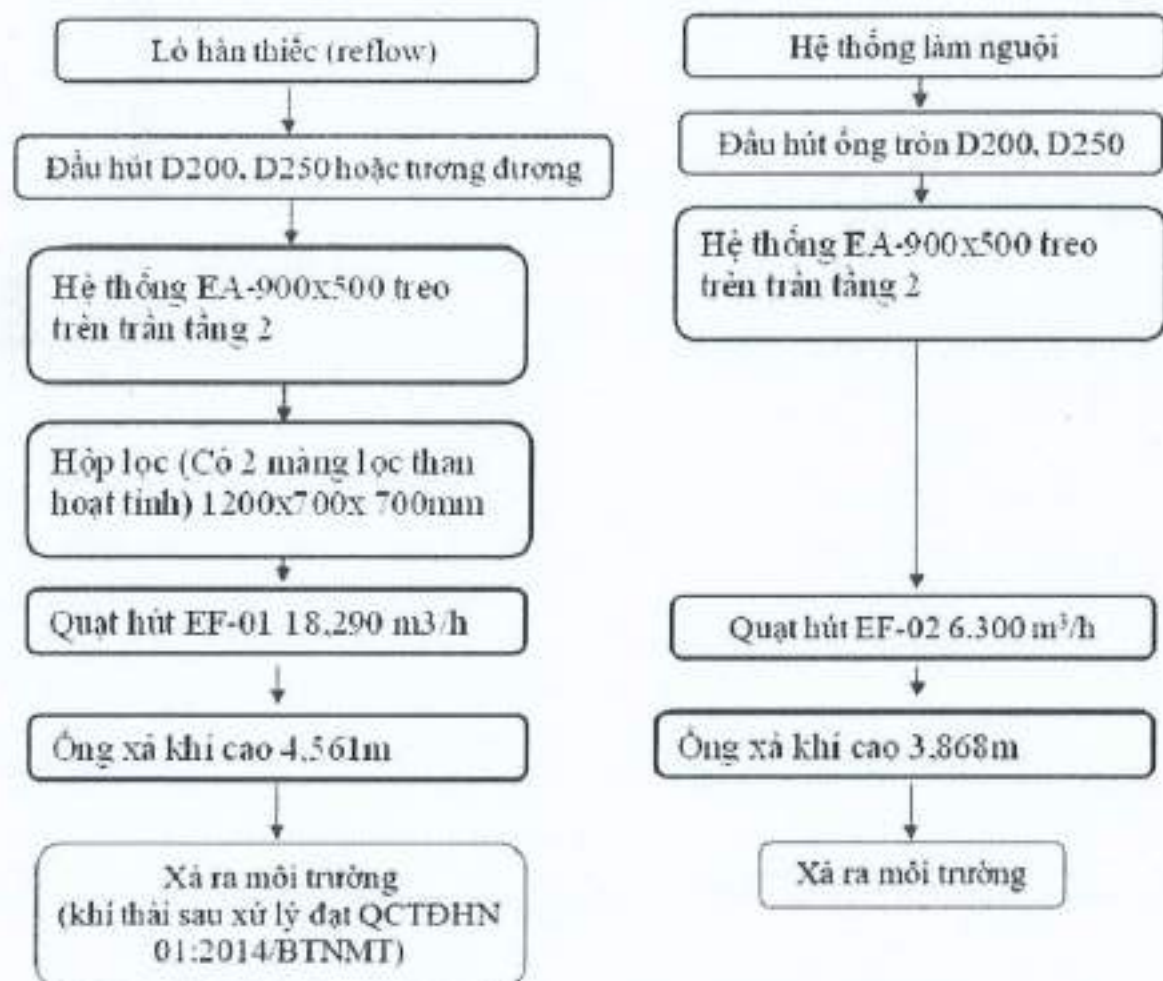
$$Q = 6 \times 3,14 \times ((0,2/2)^2 \times 8) + ((0,25/2)^2 \times 8) \times 3.600 = 13.903 \text{ (m}^3\text{/giờ)}$$

Tuy nhiên, do chiều dài đường ống dẫn khí tại Nhà xưởng tương đối lớn, do đó, ước tính tổn thất áp suất của khí thải qua đường ống và thiết bị xử lý khoảng 30%; như vậy công suất quạt cần thiết là: $13.903 \times 1.3 = 18.075 \text{ m}^3\text{/h}$.

Công ty đã chọn công suất quạt hút là $18.290 \text{ m}^3/\text{giờ}$ là phù hợp với công suất quạt cần thiết để thu gom và xử lý khí thải.

Quy trình công nghệ xử lý khí thải mới có cùng công nghệ với hệ thống xử lý khí thải hiện hữu như sau:

- Khí thải phát sinh từ lò hàn thiếc được hút lên hệ thống ống EA-1050×300 treo trên trần bởi các đầu hút D200, D250 → Hộp lọc có kích thước 1400×500×500mm (gồm 02 màng lọc than hoạt tính) và quạt ly tâm EF công suất $18.290 \text{ m}^3/\text{h}$ → thải ra môi trường. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.
- Nhiệt dư phát sinh từ hệ thống làm nguội được hút lên hệ thống ống EA-9000×300 treo trên trần bởi các đầu hút D200, D250 → Quạt ly tâm EF công suất $6.300 \text{ m}^3/\text{h}$ → Thải ra môi trường.



Hình 11: Quy trình công nghệ xử lý khí thải tại Cơ sở

Thuyết minh:

Khí thải từ các thiết bị trong sản xuất được phân theo 2 nhóm. Nhóm được thu gom, xử lý qua bộ lọc than hoạt tính và nhóm khí nóng có thể thải trực tiếp ra bên ngoài:

+ Nhóm khí thải được thu gom, xử lý bao gồm: khí thải phát sinh từ lò hàn (Reflow Oven) trong dây chuyền sản xuất module nhiệt.

+ Nhóm khí thải nóng xả trực tiếp ra bên ngoài: là nhiệt dư phát sinh từ thiết bị làm mát trong dây chuyền sản xuất modul nhiệt, nhiệt dư từ lò thiêu kết trong dây chuyền sản xuất heat pipe, khí nóng từ lò ủ nhiệt (aging).

Khí thải cần phải xử lý từ thiết bị của lò hàn được thu vào đường ống nhôm D200, D250, sau đó nối vào ống chính (vật liệu tôn mạ kẽm) có kích thước 500×300mm; 900×500mm và 700×500mm, sau đó được nối với hệ thống xử lý bằng màng lọc than hoạt tính trước khi xả ra môi trường.

Bộ lọc than hoạt tính được thiết kế lắp vào đường ống trước quạt hút xả ra bên ngoài.

Khí thải từ lò hàn reflow sẽ được xử lý bằng bộ lọc với 2 lớp lọc than hoạt tính. Trong buồng hấp phụ bằng than hoạt tính, tốc độ dòng khí trên tiết diện nằm ngang trong khoảng 0,1-0,5m/s; Thời gian lưu của dòng khí nằm trong khoảng 1-6s. Các chất độc trong khí thải được giữ lại trên bề mặt vật liệu hấp phụ, khí sạch sau khi xử lý sẽ được thoát ra ngoài môi trường theo ống thải (vật liệu kẽm không rỉ) cao 4,561m.

Than hoạt tính (Activated Carbon – AC) là vật liệu hấp phụ tương đối thông dụng, kích thước hạt phổ biến nằm trong khoảng 6-10mm. Độ rỗng của than hoạt tính có được là nhờ các mao quản nhỏ li ti nằm bên trong khối vật liệu.

Cấu tạo của than hoạt tính chủ yếu là nguyên tố carbon ở dạng vô định hình (bột), một phần nữa có dạng tinh thể vụn grafit.

Than hoạt tính có diện tích bề mặt riêng rất lớn, đó là kết quả của cấu trúc xơ rỗng mà chủ yếu là do thừa hưởng từ nguyên liệu hữu cơ có xuất xứ từ quá trình chưng khô (sấy) ở nhiệt độ cao, trong điều kiện thiếu khí. Phần lớn các vết rỗng - nứt vi mạch, đều có tính hấp phụ rất mạnh và chúng đóng vai trò các rãnh chuyển tải (kẽ nối).

Đối với các chất hữu cơ dễ bay hơi, mức độ hấp phụ của than hoạt tính khá lớn. Trong ngưỡng hấp phụ cho phép, hiệu suất xử lý VOCs có thể đạt 99%. Để đảm bảo hiệu quả xử lý, lớp than hoạt tính sẽ được Công ty định kỳ thay khoảng 3 tháng/lần khi cơ sở đi vào vận hành ổn định. Lượng than thải bỏ được thu gom và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại của Công ty. Sau đó, Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Công nhân làm việc tại các công đoạn có phát sinh khí thải được trang bị khẩu trang, găng tay và quần áo bảo hộ lao động khi làm việc.

Bảng 17: Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom khí thải

TT	Hệ thống	Đơn vị	Số lượng
1	Đầu/ chụp hút (D200, 250)	cái	28
2	Hệ thống đường ống thu gom		
-	Ống chính DxR 0,5x0,3 (m)	m	130
-	Ống chính DxR 0,9x0,5 (m)	m	70
-	Ống chính DxR 0,9x0,3 (m)	m	35
-	Ống chính DxR 0,7x0,5 (m)	m	35

Bảng 18: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút khí thải	1 cái	Công suất: 18.290 m ³ /h
2	Khoang than hoạt tính	-	Kích thước D×R×C = 1,2×0,7×0,7 (m). Kích thước lớp than hoạt tính D×R×C = 1,18×0,68×0,05 (m) Xuất xứ: Việt Nam. Vật liệu vỏ Modul: Kẽm không rỉ. Chân đỡ: Thép CT3, U mạ kẽm nhúng nóng. Vật liệu hấp phụ: Than hoạt tính. Ống kết nối bằng tôn mạ kẽm. Kích thước dày 0,4-0,75 mm
3	Ống thải	01	Chiều cao: 4,561m, đường kính ống D450 mm, vật liệu kẽm không rỉ.

Bảng 19: Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nhiệt dư

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống thu gom	1 bộ	
-	Đầu/ chụp hút (D200, 250)	cái	18 (vật liệu tôn mạ kẽm)
-	Đường ống nhánh D×R 0,5×0,2 (m)	m	100 (vật liệu tôn mạ kẽm)
-	Đường ống nhánh D×R 0,5×0,3 (m)	m	60 (vật liệu tôn mạ kẽm)
-	Ống chính D×R 0,9×0,5 (m)	m	50 (vật liệu tôn mạ kẽm)
2	Quạt hút khí nóng	1 cái	Công suất: 6.300m ³ /h
3	Ống thoát nhiệt dư	01	Chiều cao: 3,868m, đường kính ống D450 mm, vật liệu kẽm không rỉ.

b. Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất khác

❖ Đối với hơi dầu từ các máy CNC

Cơ sở có hoạt động vận hành của 15 máy CNC, quá trình hoạt động máy CNC sử dụng các loại dầu cắt chống cháy sẽ phát sinh hơi dầu, nhằm đảm bảo môi trường lao động cho lao động làm việc tại khu vực sản xuất, Cơ sở đã đầu tư các thiết bị lọc hơi dầu phát sinh từ các máy CNC với quy mô 1 thiết bị lọc hơi dầu sẽ xử lý hơi dầu cho 3 máy CNC tương ứng tại khu vực máy CNC sẽ bố trí 5 thiết bị lọc hơi dầu (Chi tiết lắp đặt các thiết bị xử lý hơi dầu được thể hiện trong bản vẽ đính kèm phụ lục).

Quy trình thu gom xử lý hơi dầu của nhà máy như sau:

Chụp hút → Đường ống thu gom (D110) → Thiết bị lọc hơi dầu → Môi trường sản xuất.

Định kỳ màng lọc của thiết bị sẽ được thay thế với tần suất 6 tháng/lần và được thu gom, phân định là CTNH lưu giữ tại khu vực lưu giữ CTNH và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

❖ ***Đối với nhiệt dư từ quá trình thiêu kết, lò aging (ủ nhiệt)***

Lò thiêu kết (Diffusion Bonding) và lò ủ nhiệt (Aging) đều sử dụng điện năng làm nguồn gia nhiệt. Trong đó, lò thiêu kết sử dụng hỗn hợp khí Hydro (H_2) và Nitơ (N_2) làm khí bảo vệ nhằm tạo môi trường thích hợp cho quá trình thiêu kết, hạn chế oxy hóa sản phẩm; lò ủ nhiệt (Aging) không sử dụng khí bảo vệ hoặc nhiên liệu đốt trong quá trình vận hành.

Khí nóng phát sinh từ quá trình gia nhiệt của hai lò, cùng với lượng khí bảo vệ dư từ lò thiêu kết, được thu gom thông qua đường ống hút và xả trực tiếp ra môi trường bên ngoài nhà xưởng nhằm duy trì điều kiện vận hành của thiết bị và môi trường làm việc trong khu vực sản xuất. Do cả hai lò đều gia nhiệt bằng điện, không sử dụng nhiên liệu đốt nên không phát sinh khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu. Hệ thống chỉ bao gồm đường ống thu gom và xả khí nóng, không bố trí công trình xử lý khí thải, và được vận hành theo đúng thiết kế công nghệ của thiết bị cũng như các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường.

❖ ***Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng:***

Để chủ động trong quá trình hoạt động cũng như công tác PCCC, Công ty đã trang bị máy phát điện sử dụng nhiên liệu là dầu DO, phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy.

Máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi mất điện và sử dụng nhiên liệu là dầu DO nên vấn đề ô nhiễm không khí từ nguồn phát sinh này không đáng lo ngại. Tuy nhiên, để giảm thiểu tác động do hoạt động của máy phát điện, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Máy phát điện được đặt ở khu riêng, cao, rộng, kín và được đặt ở địa điểm có khoảng cách hợp lý với khu vực văn phòng và khu vực sản xuất.

- Đảm bảo luôn sử dụng nhiên sạch trong mọi trường hợp.

Ngoài ra, Nhà máy chỉ sử dụng máy phát điện trong các trường hợp cần thiết và nhiên liệu sử dụng phải đạt tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện để kịp thời sửa chữa khi có hỏng hóc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, đối với nguồn thải từ máy phát điện dự phòng sẽ không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

❖ ***Đối với bụi và khí thải từ phương tiện giao thông:***

- Xe chuyên chở nguyên, vật liệu đúng tải trọng và chạy đúng tốc độ cho phép để tránh phát tán bụi ra ngoài môi trường;

- Trồng và duy trì hệ thống cây xanh tại khuôn viên Nhà máy và khu vực hàng rào xung quanh để hạn chế sự lan truyền bụi, tiếng ồn, khí thải. Diện tích cây xanh, tiểu cảnh, thảm cỏ chiếm tỉ lệ 20% diện tích cơ sở;

4.3. Phương án thu gom, xử lý Chất thải rắn thông thường

a. Công tác thu gom, lưu giữ:

Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp lưu giữ đối với CTRTT cụ thể như sau:

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt(CTRSH)**

Rác thải sinh hoạt với thành phần hữu cơ phân hủy nhanh, trong điều kiện khí hậu nóng ẩm tại khu vực, gây mùi hôi thối khó chịu. Do đó, loại chất thải rắn này cần được thu gom xử lý ngay trong ngày.

- Công ty đã bố trí các thùng chứa chất thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng, phòng ăn, khu vực sản xuất, đường giao thông để thu gom rác thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân.

- Công ty đã bố trí công nhân viên vệ sinh thu gom chất thải. Rác thải sinh hoạt được thu gom liên tục tại các khu vực phát sinh và chuyển về kho chứa chất thải có diện tích 190m², trong đó khu vực lưu giữ CTRSH là khoảng 15 m². Rác thải này sẽ được công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định. Tần suất vận chuyển: 2 lần/tuần hoặc tăng tần xuất thu gom dựa trên khối lượng chất thải phát sinh thực tế (nếu có).

❖ **Chất thải rắn thông thường (CTRTT):**

CTRTT tại cơ sở phát sinh từ hoạt động sản xuất, đóng gói sản phẩm, hoạt động văn phòng và hệ thống XLNT sinh hoạt sẽ được thu gom, phân loại tại nguồn trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Cơ sở Đã xây dựng 1 kho chứa chất thải chung có diện tích 190 m², kho chứa chất thải lưu giữ CTRSH, CTRTT và CTNH. Trong kho chứa khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường (có khả năng tái chế) có diện tích 15 m².

Công ty sẽ thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, hàng năm có tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ công nhân về công tác bảo vệ môi trường tại nhà máy.

Công ty đã bố trí các thùng chứa chất thải có dung tích 25- 60 lít tại các khu vực sản xuất, khu văn phòng, khu vệ sinh, nhà ăn để phân loại và thu gom rác thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp và thu mua phế liệu tái chế với Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành để tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tần suất vận chuyển: 1 lần/tuần hoặc theo yêu cầu của nhà máy.

+ Đối với bùn thải từ các công trình xử lý chất thải

Bùn thải từ hệ thống XLNT sinh hoạt có công suất 150 m³/ngày đêm được chứa tại bể chứa bùn. Định kỳ công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng tiến hành hút bùn lên xe tải và vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định. Tần suất vận chuyển: 3 tháng/lần trong trường hợp hệ thống XLNT SH vận hành ổn định công suất.

c. Công tác chuyển giao:

Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải như sau:



+ Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành xử lý CTRTT từ quá trình bóc dỡ bao bì đóng gói nguyên vật liệu của nhà cung cấp và CTRTT không thuộc đối tượng tiêu hủy hải quan.

+ Công ty TNHH MTV Thu Anh, Công ty TNHH Môi trường Sông Công thu mua chất thải tái chế phát sinh từ quá trình tiêu hủy hải quan (hàng hủy).

(Hợp đồng chuyển giao chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo).

4.3. Phương án thu gom, xử lý CTNH

b. Công tác lưu giữ:

Nhà máy sẽ bố trí 01 khu lưu giữ CTNH diện tích 60 m². Các CTNH phát sinh được phân loại và thu gom vào các thùng chứa có nắp riêng biệt đặt tại từng khu vực phát sinh. Sau đó, CTNH được chuyển về lưu giữ tại kho.

Tại kho lưu giữ, CTNH được lưu giữ trong các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy và được dán dấu hiệu cảnh báo theo quy định tại TCVN 6707:2009. Thiết bị lưu chứa CTNH tại dự án gồm có thùng nhựa PVC dung tích 600l, 50, tank chứa 1200 lít...bố trí theo đặc thù chất thải phát sinh của nhà máy.

Kho chứa có nền nhà được thiết kế cao ráo, xây thành cao bao quanh, có rãnh thoát nước. Khu vực kho CTNH cũng được trang bị bình bột chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định và trang bị cát khô, xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH.

- Quy trình vận hành: CTNH phát sinh từ hoạt động văn phòng và hoạt động sản xuất của Nhà máy sẽ được thu gom và lưu giữ riêng theo từng loại chất thải nguy hại trong các kho chứa CTNH.

c. Công tác chuyển giao:

Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành là đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh tại Nhà máy *(Các hợp đồng vận chuyển, chuyển giao xử lý chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo).*

Các trang thiết bị và công trình kho lưu giữ chất thải đã được xây dựng hiện nay tiếp tục được sử dụng. Để đảm bảo thu gom triệt để các loại chất thải phát sinh, không gây tổn động lâm mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường trong khu vực Nhà máy, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí thêm các thùng rác đựng CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTNH tại các khu vực phát sinh.

- Tiếp tục ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;

- Tùy tình hình phát sinh chất thải, Công ty yêu cầu các đơn vị có chức năng đã được Công ty ký hợp đồng tăng cường tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý để giảm thiểu lượng CTR thải tồn đọng tại kho lâu ngày.

4.4. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó các sự cố

a). Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống XLNT theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy,... để thay thế khi cần thiết.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên vận hành hệ thống.

- Quan trắc chất lượng nước thải đầu ra định kỳ của hệ thống xử lý.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Công ty sẽ tiến hành dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản của công ty, công ty lân cận,...; Khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

b). Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải

** Nguyên tắc chung*

Để phòng ngừa ứng phó sự cố của hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Lập quy trình vận hành cho hệ thống xử lý khí thải;

- Lập quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

- Thường xuyên kiểm tra tình hình vận hành của máy móc, thiết bị trong hệ thống;

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

- Dự trữ đủ lượng than hoạt tính phục vụ cho quá trình hoạt động của hệ thống xử lý khí thải

- Định kỳ quan trắc chất lượng khí thải khi xử lý theo tần suất quy định.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, kiểm soát và bảo trì hệ thống.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải, có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Công ty sẽ tiến hành dừng ngay hoạt động sản xuất; Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản của công.

** Các sự cố thường gặp trong quá trình vận hành và cách khắc phục:*

- Hỏng quạt: định kỳ kiểm tra, thay thế kịp thời.

- Hỏng đường ống thu gom (cong, vênh, bục,...): định kỳ kiểm tra, thay thế kịp thời.

c). Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động

- Công ty sẽ tổ chức huấn luyện nội quy an toàn và quy trình vận hành thiết bị, máy móc, đánh giá rủi ro cho cán bộ công nhân viên trước khi phân bổ xuống các bộ phận làm việc tại các phân xưởng.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cần thiết để bảo vệ công nhân khi làm việc (quần áo bảo hộ lao động, mũ, khẩu trang, ủng cách điện, găng tay cách điện,...)

- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng phù hợp với yêu cầu lao động và tiêu chuẩn vệ sinh lao động.

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, lập danh mục các loại thiết bị, máy móc, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động (Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH về Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành có hiệu lực từ 01/03/2020). Có biển hướng dẫn, đánh giá các rủi ro có thể xảy ra tại các khu vực, máy móc tiềm ẩn nguy cơ cao.

- Tiến hành công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân, giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, hạn chế bệnh nghề nghiệp.

- Một năm nhà máy tiến hành khám sức khỏe định kỳ 01 lần cho toàn thể cán bộ công nhân viên nhà máy, thuê cán bộ y tế có đủ chức năng về kiểm định sức khỏe,...

- Lập phương án phù hợp để xử lý khi xảy ra tai nạn, thực hiện diễn tập và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ phụ trách định kỳ 1 năm/lần (có thể thành lập phòng/ban về HSE, an toàn lao động, có cán bộ chuyên trách thực hiện công việc).

d). Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy được chia thành các tổ thường trực (24/24h), ban chuyên trách tại từng phân xưởng sản xuất, sẵn sàng ứng cứu khi có dấu hiệu cháy nổ xảy ra.

- Hàng năm toàn bộ cán bộ, nhân viên được huấn luyện định kỳ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

- Hàng năm, Chủ dự án kết hợp với Phòng cảnh sát PCCC trong việc tổ chức hướng dẫn và tập huấn về công tác PCCC và an toàn cháy nổ.

- Cấm hút thuốc lá, bật lửa... trong khu vực dễ cháy nổ (Bãi đỗ xe, khu văn phòng, nhà kho, xưởng sản xuất,...).

- Định kỳ hàng năm mời các cơ quan chuyên môn về phòng chống cháy nổ tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho toàn thể cán bộ, công nhân đặc biệt là bộ phận chuyên trách và kiểm tra về công tác an toàn và phòng chống cháy nổ.

- Hệ thống báo cháy:

+ Hệ thống báo cháy tự động gồm chuông báo cháy, đầu báo khói quang, đầu báo nhiệt gia tăng, tổ hợp chuông, nút báo cháy.

- + Hệ thống báo cháy tự động được thiết kế cho công trình bao gồm: 01 tủ trung tâm báo cháy tự động được đặt ở phòng bảo vệ có công nhân viên thường trực 24/24h của công trình. Các đầu báo cháy được trang bị ở toàn bộ các khu vực của công trình. Các chuông báo cháy, đèn báo cháy và nút ấn báo cháy được trang bị ở khu vực sảnh, hành lang, khu vực xưởng/ khu vực làm việc của công nhân viên trong nhà máy.
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn exit:
 - + Các đèn chiếu sáng sự cố được lắp đặt ở nhiều vị trí trọng yếu trong công trình nhằm cung cấp nguồn sáng khi bị sự cố mất điện, đặc biệt là trong trường hợp có cháy xảy ra. Khi đó, ánh sáng của đèn sự cố sẽ giúp người chạy thoát nạn được nhanh hơn, chính xác hơn. Các đèn này được nối với nguồn điện lưới 220V của công trình. Khi có điện 220V thì đèn tắt. khi mất điện thì đèn tự động bật sáng.
 - + Các đèn exit được lắp đặt trong công trình để hướng dẫn đường thoát nạn. các đèn này được lắp đặt phía trên các cửa, trên đường thoát ra ngoài. Bề mặt đèn có chữ "EXIT" luôn được thấp sáng, kể cả khi có điện. Khi công trình bị ngắt điện thì đèn vẫn còn duy trì sáng tối thiểu là 2 giờ. Tương tự như đèn chiếu sáng sự cố, đèn exit được nối với nguồn điện 220V để thấp sáng liên tục và đồng thời cũng để sạc cho pin dự phòng ở bên trong đèn.
- Hệ thống chữa cháy bằng nước vách tường và trụ chữa cháy ngoài nhà kết hợp với hệ thống chữa cháy Sprinkler:
 - + Hệ thống chữa cháy bằng nước vách tường được thiết kế trong công trình theo TCVN 2622-1995 và TCVN 6160-1996 đảm bảo mỗi vị trí bên trong công trình có đồng thời 2 họng nước chữa cháy phun tới. Cuộn vòi dùng cho hệ thống chữa cháy vách tường là cuộn vòi theo TCVN có đường kính D50mm và chiều dài 20m.
 - + Các hộp họng nước chữa cháy vách tường được trang bị ở các khu vực hành lang của công trình, trên tổng mặt bằng được bố trí sao cho có thể bảo vệ được mọi vị trí trong công trình khi có cháy xảy ra. Các hộp cứu hỏa có 1 cuộn vòi chữa cháy D50, dài 20m, 1 lăng phun chữa cháy D50/13, 1 van góc chữa cháy chuyên dụng.
 - + Hệ thống trụ tiếp nước và trụ chữa cháy ngoài nhà được bố trí ở bên ngoài công trình, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc tiếp nước và chữa cháy cho công trình. Các hộp đựng phương tiện chữa cháy ngoài nhà gồm 2 cuộn vòi chữa cháy D65 dài 20m, 2 lăng phun chữa cháy D65/19.
 - + Các đầu phun của hệ thống sprinkler được thiết kế trên trần ở bên trong các phòng trong công trình. Khoảng cách giữa các đầu phun đảm bảo tuân thủ theo TCVN 7336-2003.
 - + Hệ thống chữa cháy vách tường và trụ chữa cháy ngoài nhà kết hợp với hệ thống chữa cháy Sprinkler. Hộp chứa dây và vòi nước chữa cháy, bên trong nhà sử

dụng cuộn dây 20m D50 cho mỗi hộp, bên ngoài nhà sử dụng các hộp chứa dây và vòi nước chữa cháy D65.

- Trang bị các bình chữa cháy cho công trình tại nhiều vị trí trong công trình, ở các vị trí gần lối ra vào của công trình.

e). Phòng cháy các thiết bị điện

- Mỗi khu vực cấp điện khác nhau đều được đặt hệ thống Aptomat bảo vệ quá tải ngắn mạch tại các tủ điện: tủ điện tổng, tủ điện sản xuất, tủ điện chiếu sáng.

- Hệ thống Aptomat này được tính chọn và bố trí một cách chọn lọc, phân cấp và khoa học. Đảm bảo loại trừ nhanh và chính xác khi có sự cố về điện xảy ra tại mỗi khu vực trong nhà máy.

- Hệ thống nối đất an toàn cho thiết bị được thực hiện độc lập với hệ thống nối đất chống sét. Tất cả các kết cấu kim loại của các thiết bị dùng điện như: khung tủ điện, vỏ động cơ máy bơm, máy điều hòa nhiệt độ đều được nối vào đây nối đất an toàn của nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây điện trong toàn khu vực hoạt động của nhà máy. Hộp cầu dao phải kín, cầu dao tiếp điện tốt.

- Hàng năm, Công ty kết hợp với Phòng cảnh sát PCCC trong việc tổ chức hướng dẫn và Hội thảo về công tác PCCC và an toàn cháy nổ cho toàn công ty.

f). Hệ thống chống sét

Định kỳ hàng năm tổ chức đo kiểm tra điện trở của hệ thống nối đất chống sét ít nhất 1 lần theo quy định TCVN 9538:2012 Hệ thống chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

g). An toàn lao động

Đối với công tác về an toàn lao động, nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Quy định tính nghiêm túc của công nhân tại nơi làm việc như: thời gian làm việc, thái độ làm việc, thao tác quy trình kỹ thuật hoạt động máy móc,...

- Mỗi một bộ phận hay một dây chuyền, nhà máy bố trí cán bộ giám sát trong quá trình làm việc tại xưởng sản xuất.

- Nhà máy tổ chức thường xuyên các lớp học, tập huấn và tuyên truyền về pháp luật lao động nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm về an toàn lao động và kỷ luật lao động cho công nhân mới vào làm việc.

- Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết như: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay,....

- Nhà máy đảm bảo vệ sinh môi trường lao động cho người công nhân. Cụ thể như: Môi trường làm việc phải thông thoáng đảm bảo lượng không khí sạch tối thiểu cho công nhân; đảm bảo nồng độ các chất độc hại trong phân xưởng dưới mức tiêu chuẩn cho phép. Hệ chiếu sáng phải hoạt động tốt để đạt được các qui định về chiếu sáng cho công nhân lao động trong phân xưởng. Hệ thống điều hòa hoạt động tốt đảm bảo nhiệt

độ làm việc tốt nhất cho công nhân nhà máy.

- Đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, người lao động được giao nhiệm vụ vận hành quản lý, sửa chữa đều phải được học tập và có chứng chỉ vận hành, được hướng dẫn và thực tập qui trình xử lý theo đúng quy tắc an toàn.

- Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng.

- Khi có sự cố về an toàn lao động xảy ra, phòng y tế của nhà máy kịp thời làm công tác sơ, cấp cứu ban đầu và chuyển tuyến bệnh viện cấp trên.

h). Biện pháp giảm thiểu mùi khu vực lưu chứa rác thải

Để hạn chế tác động do mùi từ khu vực lưu chứa chất thải, công ty sẽ thực hiện một số biện pháp như: Công ty sẽ yêu cầu công nhân vệ sinh, dọn dẹp và sắp xếp các thùng chứa, kho chứa rác hàng ngày, thường xuyên thu gom và bán giao cho rác thải cho đơn vị thu gom và xử lý, hạn chế việc lưu trữ rác thải lâu ngày, đặc biệt là mùa hè

i). Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố PCCC

Công ty đã thực hiện trang bị hệ thống PCCC và được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an Thành phố Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC tại Văn bản số 492/NT-PCCC ngày 25/9/2022 như sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bố trí mặt bằng, bậc chịu lửa, lối ra thoát nạn, giải pháp ngăn cháy lan.

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy sprinkler tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, họng tiếp nước từ xe chữa cháy, giải phóng chống tụ khối cho không gian; đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy.

- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy, quạt hút khói.

❖ Phương án phòng cháy, chữa cháy

Để đảm bảo sản xuất an toàn và hiệu quả, Chủ cơ sở đã trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ hiện đại. Hàng năm tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công nhân viên để đảm bảo ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố. Ngoài ra, Chủ cơ sở đã phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương lên các phương án phòng cháy, chữa cháy như sau:

- Biện pháp chung:

- + Nghiêm cấm công nhân không được hút thuốc hay mang chất gây cháy vào khu vực sản xuất, kho nguyên liệu.

- + Nguyên liệu và sản phẩm được sắp xếp gọn gàng, xa khu vực có nguồn điện

- + Nhiệt độ trong các xưởng sản xuất và kho duy trì đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quyết định 3733/2002/QĐ-BYT.

- + Đường giao thông nội bộ đảm bảo độ rộng, thông thoáng chạy xung quanh các xưởng để đảm bảo đủ diện tích cho các công tác cứu hỏa / cứu nạn ra vào khi có hỏa hoạn.

+ Xây dựng hệ thống thoát nạn khi có sự cố cháy xảy ra như: Bố trí các lối thoát hiểm là các cửa ra vào to rộng, có đèn chiếu sáng, đèn báo.

+ Thiết kế hệ thống chống sét nổi đất là các kim thép mạ đồng chống rỉ cho nhà xưởng.

+ Hàng năm Công ty lập kế hoạch thực hiện phương án PCCC& CNCH và cử các cán bộ, công nhân viên & nhà thầu làm việc tại tất cả các ca làm việc tham gia huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH theo quy định và thực hiện diễn tập PCCC&CNCH và thoát hiểm thoát nạn 1 lần/năm.

- Biện pháp chữa cháy:

+ Khi phát hiện có sự cố cháy nổ báo ngay cho toàn cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.

+ Cắt điện toàn bộ nhà máy.

+ Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại nhà máy.

- Lực lượng chữa cháy tại cơ sở:

+ Ban chỉ huy chữa cháy bao gồm: Ban Lãnh đạo, Ban giám đốc, Đội trưởng đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở, trưởng các bộ phận, cán bộ phụ trách an toàn phòng cháy, chữa cháy.

+ Đội phòng cháy chữa cháy &CNCH cơ sở gồm: 36 thành viên hàng năm đều được tập huấn nghiệp vụ PCCC &CNCH.

j). Tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Công nhân, nhân viên được tập huấn về cách vận hành máy móc và an toàn lao động.

- Công nhân, nhân viên được trang bị quần áo bảo hộ lao động và các thiết bị cần thiết đảm bảo an toàn lao động trong quá trình làm việc.

- Có biển báo hiệu cần thiết phục vụ an toàn lao động và giao thông.

- Có chế độ đãi ngộ, bảo hiểm, thăm hỏi cho công nhân, nhân viên nếu gặp các tai nạn đáng tiếc xảy ra.

k). Hệ thống máy móc bị hỏng, chập cháy hoặc không đảm bảo với điều kiện an toàn lao động.

- Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thường xuyên.

- Trong trường hợp các trang thiết bị trong hệ thống vận hành bị hỏng hóc trên 01 ngày và chưa sửa chữa kịp thời thì công ty sẽ tạm ngừng hoạt động khu vực xảy ra sự cố đến khi khắc phục được tình trạng mới tiếp tục.

l). Sự cố ô nhiễm môi trường, chập cháy nổ, thời tiết cực đoan do nguyên nhân khách quan

- Tạm dừng mọi hoạt động của khu nhà văn phòng và nhà xưởng.

- Khi điều kiện đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường lao động sẽ tiếp tục hoạt động.

- Có biện pháp hướng dẫn, sơ tán kịp thời cho công nhân, nhân viên nếu có các hiện tượng tiêu cực nguy hiểm từ thời tiết hay có sự ô nhiễm môi trường đáng tiếc xảy ra.

m). Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

❖ Phương án phòng ngừa sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:

Các hóa chất sử dụng tại Nhà máy hầu hết có tính nguy hại đến môi trường và sức khỏe con người. Do đó, để phòng ngừa sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng kế hoạch/biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Thuê đơn vị có chức năng tổ chức đào tạo, huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.

- Về thiết bị lưu giữ sẽ phù hợp với từng loại hóa chất, khu vực lưu giữ hóa chất được sắp xếp ngay ngắn, cẩn thận cho từng loại riêng biệt, không lưu giữ các hóa chất có phản ứng chung với nhau. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, thùng, can để đảm bảo không có hiện tượng nứt, vỡ, rách thùng. Phân loại và ghi nhãn hóa chất theo đúng Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17/01/2026 của Bộ Công thương.

❖ Biện pháp áp dụng cụ thể như sau:

- Tại Khu vực sản xuất:

- + Cháy nổ hóa chất:

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị;
- Có nội quy vận hành máy móc thiết bị theo đúng quy trình.
- Có biển cảnh báo nguy hiểm tại các khu vực sản xuất có sử dụng hóa chất.

- + Rơi, vãi, tràn, đổ hóa chất

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị;
- Thực hiện thay mới trang thiết bị khi có sự cố. Không sử dụng các loại thiết bị không đảm bảo an toàn;
- Vận hành dây chuyền theo đúng quy trình, công nhân vận hành thường xuyên theo dõi mức hóa chất trong các thiết bị đang hoạt động, các thiết bị phối trộn, thiết bị phối trộn cao tốc, kết hợp với đo lượng hóa chất trong thiết bị để bổ sung đúng quy định.

- + Hóa chất văng bắn

- Không quăng vút, va chạm làm đổ vỡ hoặc rơi hóa chất văng bắn vào người.
- Định kỳ tổ chức huấn luyện, kiểm tra công nhân vận hành về quy trình vận hành tại từng công đoạn sản xuất như: quá trình sang chiết hóa chất từ thiết bị này sang thiết bị khác.

- Tại kho chứa hóa chất

- + Cháy nổ hóa chất

- Bảo quản hóa chất theo đúng quy định của nhà sản xuất.
- Sắp xếp hóa chất theo từng khay từng giá riêng biệt đúng theo quy định, không để tình trạng các hóa chất có thể phản ứng với nhau xếp gần nhau.
- Hệ thống chiếu sáng kho thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

+ Rơi vãi hóa chất

- Thường xuyên kiểm tra số lượng, chủng loại hóa chất, khối lượng tồn của từng loại hóa chất, dán nhãn cảnh báo, nhãn an toàn hóa chất theo quy định cho từng loại hóa chất;
- Kiểm tra các dụng cụ, thiết bị chứa. Không sử dụng các loại dụng cụ không đúng quy định, quy chuẩn của từng loại hóa chất;
- Khi có sự cố rò rỉ hóa chất phải phối hợp với bộ phận chức năng của công ty cũng như cơ quan chức năng tại địa phương để kịp thời xử lý;
- Thực hiện thay mới thiết bị sản xuất, thùng chứa định kỳ khi tình trạng kỹ thuật suy giảm đến thông số thiết kế. Không sử dụng các thiết bị không đảm bảo kỹ thuật an toàn.
- Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động như: mặt nạ phòng độc, áo bảo hộ, găng tay cao su, ủng, kính bảo hộ khi làm việc với hóa chất.

+ Hóa chất văng bắn

- Việc sắp xếp, san chiết, di chuyển hóa chất trong kho phải đúng quy định; Trước khi tiến hành xếp dỡ/ san chiết/ di chuyển, người phụ trách kho hóa chất phải kiểm tra bao bì, nhãn hiệu và trực tiếp điều khiển hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn;
- Không xếp các loại hóa chất có khả năng phản ứng với nhau, kỵ nhau, hoặc cách chứa cháy khác trong cùng một chỗ.
- Không quăng vứt, va chạm làm đổ vỡ, không được ôm vác hóa chất nguy hiểm vào người.
- Định kỳ tổ chức huấn luyện, kiểm tra công nhân vận hành về quy trình vận hành tại từng công đoạn như: trong bơm rót, sang chiết hóa chất từ thiết bị sản xuất vào các thùng chứa.
- Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động như: mặt nạ phòng độc, áo bảo hộ, găng tay cao su, ủng, kính bảo hộ khi làm việc với hóa chất.

❖ *Phương án ứng phó, khắc phục sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:*

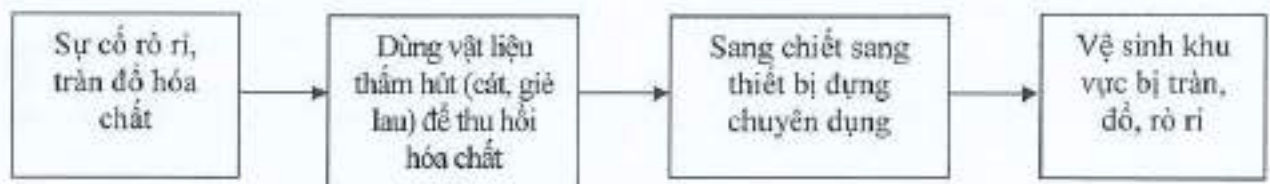
Khi xảy ra sự cố tràn, đổ hóa chất và trở thành nguồn gây ô nhiễm môi trường thì việc đầu tiên Công ty cần thực hiện là xác định mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người sau đó thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng cùng các tác động của hóa chất. Khi xảy ra sự cố, Công ty sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các công tác ứng phó như sau:



Hình 12: Sơ đồ mô phỏng công tác ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Bước 1: Xử lý khẩn cấp tại chỗ

Biện pháp xử lý sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất có thể khái quát bằng sơ đồ sau:



+ Trường hợp rò rỉ, tràn đổ ở mức nhỏ:

Khi sự cố xảy ra, để ngăn chặn sự tiếp xúc của hóa chất tới cơ thể con người thì cần trang bị bảo hộ lao động và các thiết bị chuyên dụng cho người lao động. Hấp phụ hóa chất bằng bằng vật liệu trơ (cát, giẻ lau), không sử dụng chất liệu dễ cháy sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng kín để thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Dùng nước sạch rửa khu vực bị tràn đổ, rò rỉ sau đó thu gom lượng nước này và xử lý như CTNH mà không xả vào hệ thống thoát nước chung. Dùng các thiết bị để khử hơi hóa chất bay vào không khí.

+ Trường hợp tràn đổ, rò rỉ lớn trên diện rộng:

Thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, hủy bỏ tất cả các nguồn phát lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn, đổ hóa chất. Hấp phụ hóa chất bằng vật liệu trơ, không sử dụng vật liệu dễ cháy sau đó thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng kín rồi thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. Dùng nước sạch rửa khu vực bị tràn đổ, rò rỉ sau đó thu gom lượng nước này và xử lý như CTNH mà không xả vào hệ thống thoát nước chung. Dùng các thiết bị để khử hơi hóa chất bay vào không khí.

Bước 2: Phối hợp hành động:

Tùy vào tình hình sự cố mà Công ty sẽ thông báo khẩn cấp tới các cơ quan chức năng của địa phương và các cơ sở sản xuất xung quanh để phối hợp khắc phục.

Bước 3: Kế hoạch sơ tán người và tài sản:

Khi xảy ra sự cố hóa chất thì lập tức sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực tràn đổ, rò rỉ và các khu vực có khả năng chịu tác động. Sơ tán những nguồn có thể gây nguy hiểm hoặc là tác nhân gây ra các sự cố tiếp theo (*nguồn lửa, nhiệt, ...*) và cắt cầu dao điện. Sau khi sơ tán người và tài sản ra thì cô lập vùng nguy hiểm.

Bước 4: Khắc phục hậu quả sự cố:

Khi sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất thì việc đầu tiên Công ty cần thực hiện là đánh giá mức độ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người, thực hiện các biện pháp ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng và tác động của hóa chất, đưa người bị thương đến cơ sở y tế gần nhất để sơ cứu trong trường hợp nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng nhanh chóng chuyển nạn nhân lên các cơ sở y tế tuyến trên để chữa trị chuyên sâu. Hỗ trợ, đền bù thiệt hại cho nạn nhân và công tác xử lý môi trường (nếu có) theo quy định liên quan.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường như sau:

a) Thực hiện đúng theo quy định về Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

b) Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam (QCVN) theo quy định hiện hành. Cụ thể là:

- Tiếng ồn trong quá trình vận hành dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2025/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường)

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành được thu gom và xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Hòa Lạc, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn đầu nối của KCN Hòa Lạc.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các lò hàn được thu gom và xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

- Chịu trách nhiệm thực hiện và áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đi vào hoạt động của nhà máy, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây:

- CTRSH, CTRTT, CTNH phải được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

- Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở Nidec Chaun Choung Việt Nam./.

**CÔNG TY TNHH
NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM**

Tổng giám đốc

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.



YAMAOKA NAOTO

PHỤ LỤC

-Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam

-Giấy chứng nhận đầu tư;

-GPMT đã được cấp;

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

-Hợp đồng thuê đất cùng cấp dịch vụ xử lý nước thải;

-Giấy phép môi trường của Khu CNC Hòa Lạc;

-Giấy phép xây dựng của cơ sở;

-Biên bản nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy; Biên bản nghiệm thu hệ thống XLNT; xử lý khí thải;

-Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải;

-Bản vẽ tổng mặt bằng nhà máy;

-Bản vẽ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải;

-Bản vẽ hệ thống thu gom khí thải;

-Bản vẽ hoàn công hệ thống XLNT;

-Bản vẽ thiết kế hệ thống XLKT (công suất 18.290 m³/giờ).

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0109149706

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 29 tháng 01 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

Tên công ty viết tắt: NCCV

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84-24)32233399

Số Fax:

Thư điện tử: *huong_nguyen@nccv.com.vn*

Website:

3. Vốn điều lệ : 808.342.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám trăm lẻ tám tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu đồng

Tương đương 34.904.000 USD - Ba mươi tư triệu chín trăm linh bốn nghìn Đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: NIDEC CHAUN-CHOUNG TECHNOLOGY CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 34005476

Ngày cấp: 08/01/2021 Nơi cấp: Vụ Thương mại, Bộ Kinh tế, Trung Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: Số 184-3, Phố Zhongxing Bắc, Quận Sanchong, Thành phố Tân Bắc (241), Đài Loan, Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: MIYOSHI AKIHIRO

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 11/09/1973

Quốc tịch: Nhật Bản

Hộ chiếu nước ngoài: TS1470345

Ngày cấp: 22/05/2019

Nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản tại Thái Lan

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Địa chỉ liên lạc: *Tầng 5, số 8, ngách 12, ngõ 171, đoạn 1, đường Trung Thành, quận Sĩ Lâm, thành phố Đài Bắc, Trung Quốc (Đài Loan)*

* Họ, chữ đệm và tên: YAMAOKA NAOTO

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *20/04/1980*

Quốc tịch: Nhật Bản

Hộ chiếu nước ngoài: *TM1255035*

Ngày cấp: *18/09/2025*

Nơi cấp: *Đại sứ quán Nhật bản tại Hà Nội, Việt Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 2526 tòa B Mastersie, Khu đô thị Vinhomes Smart City,
Phường Tây Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Quang Hưng

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6591366879

Chứng nhận lần đầu: ngày 20 tháng 3 năm 2020

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: ngày 04 tháng 02 năm 2021

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: ngày 31 tháng 01 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ);

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-CNCHL ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-CNCHL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-CNCHL ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc cho thuê đất để thực hiện dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam" Giai đoạn 1 tại Khu Công nghiệp công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và Hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam nộp ngày 27 tháng 6 năm 2023, Văn bản giải trình số 241107/NCCV ngày 24/11/2023 và số 26012024/NCCV ngày 26/01/2024 của Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Hợp tác và Đầu tư, Ban Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường và Ban Khoa học và Công nghệ.

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

Chứng nhận

Dự án đầu tư: "Nidec Chaun Choung Việt Nam"; Mã số Dự án: 6591366879, do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp lần đầu ngày 20 tháng 3 năm 2020,

thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 02 năm 2021; được đăng ký điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án và quy mô Dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Tên nhà đầu tư: Nidec Chaun-Choung Technology Corporation

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 34005476 do Cục Giao dịch quốc gia khu vực phía Bắc, Bộ Tài chính Đài Loan (Trung Quốc) cấp ngày 14/12/1973, được sửa đổi ngày 08/01/2021 tại Sở Thương mại, Bộ Kinh tế, Đài Loan (Trung Quốc).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 184-3, phố Zhongxing Bắc, quận Sanchong, thành phố Tân Bắc 24158, Đài Loan (Trung Quốc).

Điện thoại: +886-2-2995-2666

Fax: +886-2-2995-8258

Website: <http://www.ccic.com.tw/index.php>.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: Nagai Junichi

Giới tính: Nam

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 22/3/1958

Quốc tịch: Nhật Bản

Hộ chiếu số: TS1470434, do Đại sứ quán Nhật Bản tại Thái Lan cấp ngày 07/6/2019

Địa chỉ thường trú: Số 2-32 Futagawa, Asahi-ku, Yokohama, Kanagawa, Nhật Bản

Chỗ ở hiện nay: Tầng 1, Số 22, Ngõ 154, Khu phố 2, phố Zhongcheng, quận Shilin, Thành phố Đài Bắc 111, Đài Loan (Trung Quốc)

Điện thoại: +886-928-701-033

Fax: +886-2-2995-8258

Email: nagai_junichi@ccic.com.tw

Tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án đầu tư:

Tên tổ chức kinh tế: Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109149706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/3/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/10/2020; mã số thuế: 0109149706.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM

2. Mục tiêu dự án:

- Nghiên cứu, phát triển, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, mô-đun nhiệt hiệu năng cao;

- Tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án đầu tư được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất khi quy định của pháp luật cho phép thực hiện.

3. Quy mô dự án:

- Quy mô sản xuất: Công suất tối đa của Dự án dự kiến khoảng 400.909.000 sản phẩm/năm, trong đó:

- + Công suất tối đa của Nhà máy 1: khoảng 141.865.000 sản phẩm/năm;
- + Công suất tối đa của Nhà máy 2: khoảng 129.522.000 sản phẩm/năm;
- + Công suất tối đa của Nhà máy 3: khoảng 129.522.000 sản phẩm/năm.

- Quy mô sử dụng đất: khoảng 60.770 m² (*Diện tích chính xác sẽ được xác định sau khi Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có Quyết định cho thuê đất và bàn giao mốc giới trên thực địa*).

- Quy mô xây dựng: khoảng 76.200 m² sản xây dựng

- Quy mô lao động:

- + Giai đoạn đầu (đến năm 2025): 1.439 người
- + Giai đoạn ổn định (từ năm 2027): 5.256 người

4. Tiêu chí về nghiên cứu và phát triển (R&D):

- Nhân lực R&D: Số lao động có trình độ đại học trở lên trực tiếp tham gia R&D của Dự án phải đạt ít nhất 5% tổng số lao động của Dự án, đáp ứng quy định tại Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

- Chi cho hoạt động R&D: Tỷ lệ chi cho các hoạt động R&D của Dự án được thực hiện tại Việt Nam phải chiếm tỷ lệ không dưới 1% tổng doanh thu hàng năm đáp ứng quy định tại Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

5. Địa điểm thực hiện dự án:

Lô CN1-05-1, CN1-05-5 và CN1-05-6, Khu Công nghiệp công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

6. Tổng vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư của Dự án: **4.041.639.000.000 đồng** (*bằng chữ: Bốn nghìn không trăm bốn mươi một tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu đồng chẵn*), tương đương khoảng 174.517.000 đô la Mỹ (*bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư, triệu năm trăm mười bảy nghìn đô la Mỹ*) (Tỷ giá quy đổi: 1 đô la Mỹ = 23.159 đồng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 04/12/2019). Toàn bộ vốn đầu tư cho Dự án do Nidec Chaun-Choung Technology Corporation thực hiện góp, cụ thể:

- Vốn góp bằng tiền mặt của Nhà đầu tư để thực hiện dự án: **808.342.000.000 đồng**, tương đương khoảng 34.904.000 đô la Mỹ, chiếm 20% tổng vốn đầu tư.

- Vốn hóa thu nhập giữ lại phát sinh từ Dự án để tái đầu tư: **3.233.297.000.000 đồng**, tương đương khoảng 139.613.000 đô la Mỹ, chiếm 80% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu (ngày 20/3/2020).

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Khởi công xây dựng và đưa nhà máy đầu tiên và các công trình phụ trợ vào hoạt động: Tháng 7 năm 2021 - Tháng 12 năm 2021 (Đã hoàn thành).

- Khởi công xây dựng và đưa nhà máy thứ hai và các công trình phụ trợ vào hoạt động: Quý I/2024 - Quý IV/2024, trong đó:

+ Quý I/2024 - Quý II/2024: Thực hiện các thủ tục pháp lý về xây dựng, đất đai, môi trường;

+ Quý III/2024 - Quý IV/2024: Khởi công xây dựng và đưa Nhà máy thứ hai và các công trình phụ trợ vào hoạt động.

- Khởi công xây dựng và đưa nhà máy thứ ba và các công trình phụ trợ vào hoạt động: Quý I/2025 - Quý IV/2025, trong đó:

+ Quý I/2025 - Quý III/2025: Thực hiện các thủ tục pháp lý về xây dựng, đất đai, môi trường;

+ Quý III/2025 - Quý IV/2025: Khởi công xây dựng Nhà máy thứ ba và đưa Nhà máy thứ ba và các công trình phụ trợ vào hoạt động.

- Hoàn thành lắp đặt máy móc, thiết bị cho toàn bộ Dự án: Quý IV/2027.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhà đầu tư được hưởng thuế suất ưu đãi; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Điểm b Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 32/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 74/2017/NĐ-CP khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư mới tại Khu Công nghệ cao.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo các quy định hiện hành.

3. Ưu đãi về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Nhà đầu tư được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 83/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Điểm d Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại Khu Công nghệ cao (thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

4. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất

Nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính

phù quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước tại Khu kinh tế, Khu công nghệ cao.

Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại Khu công nghệ cao.

5. Ưu đãi, hỗ trợ khác

Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật và các quy định riêng đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ được quy định từ Khoản 1 đến Khoản 5 Điều này khi đáp ứng đủ các điều kiện hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định.

Điều 3. Quy định đối với Nhà đầu tư và tổ chức kinh tế thực hiện Dự án

Nhà đầu tư và tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện Dự án có trách nhiệm:

- Thực hiện Dự án đúng mục tiêu, quy mô, tiến độ quy định tại Mục 2, 3, 4 và 8 Điều 1 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này và các quy định của pháp luật có liên quan đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh của Dự án.

- Đáp ứng các điều kiện đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định trong suốt quá trình hoạt động. Trong trường hợp không đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc không thực hiện đúng cam kết, Dự án sẽ không được hưởng ưu đãi đầu tư và chấm dứt hoạt động, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc sẽ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Dự án.

- Sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả. Trường hợp tổ chức được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cho thuê đất không sử dụng đất trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ cam kết kể từ ngày nhận bàn giao đất trên thực địa mà không được gia hạn sử dụng đất, tổ chức sử dụng đất sẽ bị Ban Quản lý thu hồi đất mà không được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất.

- Bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 2014.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm góp vốn cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam (Tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện Dự án) để đảm bảo Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam có vốn chủ sở hữu đáp ứng quy định Điểm a Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai trước khi lập hồ sơ đề nghị Ban Quản lý cho thuê đất các giai đoạn tiếp theo của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai. Trường hợp Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại thời điểm đề nghị Ban Quản lý thẩm định nhu cầu sử dụng và điều kiện cho thuê đất, Ban Quản lý sẽ không ban hành Quyết định cho thuê đất các giai đoạn tiếp theo của Dự án và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc chậm tiến độ khởi công, xây dựng và đi vào hoạt động của Dự án, đồng thời sẽ xem xét thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp.

- Hoàn trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cho Nhà nước, nộp tiền thuê đất (trong trường hợp Nhà đầu tư có nguyện vọng không hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất) và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và quy định của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

- Trả tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình do Nhà nước đầu tư, tiền xử lý nước thải và các loại phí, lệ phí khác theo quy định.

- Ký kết Hợp đồng thuê hạ tầng với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp công nghệ cao 1 khi có đủ điều kiện theo quy định và sau khi Dự án được Ban Quản lý quyết định cho thuê đất.

- Kê khai, cung cấp và chứng minh với cơ quan xét duyệt ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bằng các tài liệu, thông tin,... đáp ứng điều kiện để hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, kinh doanh, xây dựng, đất đai, môi trường, chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện Dự án phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp chế xuất để được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

- Báo cáo Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án để được hướng dẫn thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường do dự án điều chỉnh quy mô, công suất. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện các thay đổi sau khi Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc có ý kiến chấp thuận.

- Thực hiện nghiêm ngặt các giải pháp về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, phòng ngừa, ứng phó sự cố,... đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan; Quá trình xây dựng và vận hành Dự án nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng xấu đến môi trường, Ban Quản lý sẽ thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định mà không có trách nhiệm bồi hoàn.

- Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư 2020 và cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của Điều 71 Luật Đầu tư 2020; thực hiện chế độ giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Tuân thủ và đáp ứng các điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực của hồ sơ cũng như các tài liệu về tư cách pháp lý và năng lực tài chính.

Trường hợp dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư 2020 hoặc Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án không được phê

duyet, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc quyết định thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư. Nhà đầu tư tự thanh lý Dự án theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động và bàn giao lại mặt bằng sạch cho Ban Quản lý trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bị thu hồi đất. Trường hợp Nhà đầu tư không tự thanh lý tài sản gắn liền với đất trong thời hạn nêu trên, Ban Quản lý tổ chức thanh lý tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6591366879 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp lần đầu ngày 20/3/2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 04/02/2021.

Điều 5. Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho Nhà đầu tư, 01 (một) bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND TP Hà Nội;
- Chi cục Hải quan Hòa Lạc;
- Công ty FHL (để p/h);
- Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc:
 - + Trưởng ban (để b/c);
 - + Ban QHIXDMT, Ban KHCN;
 - + Lưu: VT, HTĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Đức Trung

Số: 142/GPMT-UBND

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam tại Văn bản số 20/CV-GPMT ngày 20/7/2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam – Giai đoạn 1 (Điều chỉnh)" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 6063/TTr-STNMT-TNN ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc cấp Giấy phép môi trường cho dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam – Giai đoạn 1 (Điều chỉnh)" của Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam tại Lô CN1-05-1, 5&6, Khu Công nghiệp công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, km 29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam – Giai đoạn 1 (Điều chỉnh)" tại Lô CN1-05-1, 5&6, Khu Công nghiệp công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, km 29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: "Nidec Chaun Choung Việt Nam – Giai đoạn 1 (Điều chỉnh)".

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN1-05-1, 5&6, Khu Công nghiệp công nghệ

cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, km 29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; mã số doanh nghiệp: 0109149706; đăng ký lần đầu ngày 31/3/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26/3/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0109149706.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: nghiên cứu, phát triển, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, mô đun nhiệt hiệu năng cao.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô sử dụng đất:

+ Diện tích khu đất: khoảng 60.769m².

+ Diện tích đất sử dụng thực hiện Giai đoạn 1: 26.045m² tại các lô đất CN1-05-1, CN1-05-5 và CN1-05-6.

- Quy mô sản phẩm: công suất 151.585.000 sản phẩm/năm trong đó:

+ Sản phẩm cuối là mô đun nhiệt: 7.382.129 sản phẩm/năm (trong đó có sản phẩm trung gian là ống nhiệt: 11.811.406 sản phẩm/năm).

+ Sản phẩm cuối là buồng hơi: 144.202.871 sản phẩm/năm.

- Quy mô lao động:

+ Giai đoạn đầu (đến năm 2023): 1.439 người.

- Giai đoạn ổn định (từ năm 2024): 5.256 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: từ ngày 28 tháng 8 năm 2023 đến hết ngày 28 tháng 8 năm 2033 (10 năm).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Thạch Thất, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND Thành phố; (để b/c)
 - PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền;
 - VPUBTP: CVP, PCVP_{NM, QH}
 - Các phòng: TH, TNMT;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường;
 - UBND: huyện Thạch Thất;
 - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc;
 - CTy TNHH Nidec Chau Choung Việt Nam;
 - Công thông tin điện tử Sở TN&MT;
 - Lưu: VT, TNMT
- Mhuc: 51668/2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

934(6)

Phụ lục 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố Hà Nội)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: bao gồm nước thải đen (bồn cầu, xí tiêu) được dẫn về 02 bể tự hoại 3 ngăn (dung tích $20m^3$ và $40m^3$) để xử lý sơ bộ; nước thải nhà bếp từ khu vực căng tin được dẫn về bể tách mỡ (dung tích $6m^3$) để xử lý sơ bộ và nước thải rửa tay, thoát sàn theo hệ thống các đường ống thoát nước riêng chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $150m^3$ /ngày đêm.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải loãng phát sinh tại tầng 1 về bể gom nước thải 1, nước thải loãng phát sinh tại tầng 2 về bể gom nước thải 2 và nước thải đặc theo hệ thống các đường ống thoát nước riêng chảy về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $36m^3$ /ngày đêm.

+ Nước thải rửa sàn phòng máy nén khí (trong trường hợp có sự cố tràn dầu) về bể tách dầu (dung tích $5,5m^3$) để xử lý sơ bộ sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $36m^3$ /ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

a) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt → bể thu gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → bể chứa nước sau xử lý → hệ thống thu gom nước thải của Khu CNC Hòa Lạc.

- Công suất thiết kế: $150 m^3$ /ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: $FeCl_3$, Methanol, NaOCl.

b) Hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sản xuất → bể nước thải thô → bể điều chỉnh lưu lượng → bể phản ứng → bể điều chỉnh pH → bể tạo bông → bể lắng 1 → bể điều hòa → bể kỵ khí → bể hiếu khí → bể lắng 2 → bể xả → hệ thống thu gom nước thải của Khu CNC Hòa Lạc.

- Công suất thiết kế: $36 m^3$ /ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Polytetsu, H_2SO_4 , Chelate, NaOH, Polymer, Methanol, Clorin.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Tuân thủ quy trình kỹ thuật về vận hành hệ thống xử lý nước thải và kiểm tra định kỳ máy móc, thiết bị, vật liệu thuộc hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải kịp thời thực hiện các biện pháp

ứng phó sự cố như: kiểm soát lưu lượng tăng đột biến, khắc phục chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, khắc phục sự cố hỏng máy móc, thiết bị, vật liệu xử lý nước thải...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: trong 03 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Dự kiến từ tháng 10/2023 đến tháng 01/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 150 m³/ngày đêm.
- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 36 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

a. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tại đầu vào: bể gom nước thải đầu vào.
- Tại đầu ra: nước thải sau hệ thống xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghệ cao Hòa Lạc.

b. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Tại đầu vào: bể nước thải thô đầu vào.
- Tại đầu ra: nước thải sau hệ thống xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghệ cao Hòa Lạc.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải tại Hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải với Ban Quản lý các dự án và khai thác hạ tầng.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải: tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra) trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

b) Giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải: ít nhất 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ công ty sau khi được xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 150m³/ngày đêm và Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 36m³/ngày đêm được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghệ cao Hòa Lạc sau đó chảy về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc để tiếp tục xử lý theo quy định trước khi xả thải ra môi trường theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải số 33/XLNT/KTHT-NIDECCHAUN ngày 03/01/2023 giữa Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam và Ban Quản lý các dự án và khai thác hạ tầng.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 142/GPMT-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: từ hệ thống xử lý khí hàn thiếc.

2. Dòng khí thải xả, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Lô CN1-05-1, 5&6, Khu Công nghiệp công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, km 29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000):

$X = 2\,329\,708$; $Y = 555\,685$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $12.600\text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội – QCTĐHN 01:2014/BTNMT hệ số $K_p=1$, $K_v=0,9$ (đối với Bụi tổng, SO_2); hệ số $K_p=1$, $K_v=1$ (đối với NO_x , CO); cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	180
2	Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	450
3	Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850
4	Carbon oxit, CO	mg/Nm^3	1.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: khí thải phát sinh từ lò hàn thiếc được thu gom theo hệ thống đường ống thu gom gồm 07 chụp hút ống tròn D200, D250 và hệ thống ống EA-1050x300 treo trên tầng 1 về hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: khí thải từ lò hàn thiếc → đường ống thu gom → hộp lọc (có 2 màng lọc than hoạt tính) → quạt hút → ống xả khí → khí thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: $12.600\text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Tuân thủ quy trình kỹ thuật về vận hành hệ thống xử lý khí thải và định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, vật liệu thuộc hệ thống xử lý khí thải. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải cần ngừng ngay hoạt động của nhà máy để khắc phục sự cố; hệ thống chỉ được vận hành trở lại sau khi khắc phục xong sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: trong vòng 03 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Dự kiến từ tháng 10/2023 đến tháng 01/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: sau hệ thống xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải lò hơi: tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra) trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

b) Giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải lò hơi: ít nhất 01 ngày/lần trong ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý khí thải đúng quy trình và đạt quy chuẩn về chất lượng bụi, khí thải trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 494/GPMT-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Khu vực sản xuất của nhà máy.
- Nguồn số 2: Khu vực hệ thống xử lý khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ: X = 2 329 654; Y = 555 252.
- Nguồn số 2: Tọa độ: X = 2 329 708; Y = 555 685.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng độ rung: Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị, kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 442/GPMT-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023
của UBND thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Dầu thải (dầu động cơ, dầu làm mát, dầu tản nhiệt ...)	17 02 03	120
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1
3	Kim loại và vụn kim loại dính dầu	11 04 02	42
4	Hộp mực in thải	08 02 04	5
5	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ thải	18 02 01	10
6	Đệm tản nhiệt hư thải bỏ	11 06 02	171
7	Xi hàn thải bỏ	07 04 02	47
8	Vỏ bao bì bằng nhựa chứa hóa chất	18 01 03	30
9	Than hoạt tính thải bỏ	12 01 04	635
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất	12 06 05	234

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: khoảng 11,25 tấn/năm.
- Chất thải công nghiệp thông thường khác (chất thải từ quá trình sản xuất, giấy, bìa các tông, khay, vỏ chai...): khoảng 64,71 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 719,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu chứa tại 10 thùng riêng biệt, dung tích 500-1000 lít/thùng; có nắp đậy, được dán nhãn tên, mã CTNH theo quy định và được lưu giữ tại kho lưu chứa CTNH.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất được lưu chứa tại bể chứa bùn có dung tích $25m^3$.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: kho lưu chứa CTNH có diện tích $229m^2$. Việc lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: kho chứa CTNH có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có thiết bị PCCC, có cửa khóa và được treo biển cảnh báo CTNH theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được lưu chứa tại bể chứa bùn có dung tích $25m^3$.

- Dầu mỡ (từ bể tách dầu, mỡ) được lưu chứa tại bể tách dầu có dung tích $6m^3$; bùn thải từ bể tự hoại được lưu chứa tại 02 bể tự hoại có dung tích $40m^3$ và $20m^3$.

- Chất thải rắn thông thường khác (chất thải từ quá trình sản xuất, giấy, bìa các tông, bao bì nhựa, khay, vỏ chai ...): được phân loại, thu gom tại 20 thùng chứa bằng nhựa có dung tích 25-100 lít/thùng.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích $396m^2$ (trong kho chia thành khu vực chứa chất thải sinh hoạt và khu vực chứa chất thải rắn thông thường).

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời: kho chứa được xây gạch, tường bao và mái bằng khung thép mái tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 10-20 lít/thùng tại các khu vực phát sinh rác thải (01 thùng chứa rác có khả năng tái chế và 01 thùng chứa rác khác); khu vực bếp bố trí thêm 01 thùng chứa có nắp đậy dung tích 500 lít để lưu chứa chất thải thực phẩm. Hằng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom vận chuyển tới kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích $396m^2$ (trong kho chia thành khu vực chứa chất thải sinh hoạt và khu vực chứa chất thải rắn thông thường).

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: kho chứa được xây gạch, tường bao và mái bằng khung thép mái tôn.

2.4. Yêu cầu chung đối với chủ dự án/cơ sở và thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường,

chất thải rắn sinh hoạt:

- Thực hiện các trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 83; chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Điều 81; chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Chương X Luật Bảo vệ môi trường, Chương IX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với đặc điểm hiện trạng. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 442/GPMT-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

6. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUẾ ĐẤT

Số: 06 /2021/HĐTD-CNCHL

Căn cứ Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ);

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 6591366879 ngày 20/3/2020, Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04/02/2021 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam để thực hiện dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam";

CHỖ ĐÓNG CHỮ

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-CNCHL ngày 08/03/2021 của Ban Quản lý về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhà máy Nidec Chaun Choung Việt Nam tại các lô đất CN1-05-1, CN1-05-5 và CN1-05-6 Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 3006/2021/NCCV-QĐ ngày 30/6/2021 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam về việc phê duyệt dự án Nidec Chaun Choung Việt Nam Giai đoạn 1 tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-CNCHL ngày 12/7/2021 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam thuê đất để thực hiện dự án “Nidec Chaun Choung Việt Nam” (Giai đoạn 1) tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1- Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-CNCHL ngày 14/12/2021 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam thuê đất để thực hiện dự án “Nidec Chaun Choung Việt Nam” (Giai đoạn 1) tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1- Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ ĐẤT : BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

Người đại diện : Ông Lưu Hoàng Long

Chức vụ : Trưởng Ban

Địa chỉ : Km 29, Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Điện thoại : 0246.3269292

BÊN THUÊ ĐẤT : CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM

Người đại diện : Ông Hsieh Chi-Feng

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : +84 982 711 790

Mã số thuế : 0109149706

Số tài khoản : 10105101 - Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh Hà Nội

Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây

Điều 1. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Bên cho thuê đất) cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam (Bên thuê đất) thuê khu đất như sau:

1. Diện tích cho thuê: 26.045 m² tại các lô đất CN1-05-1, CN1-05-5 và CN1-05-6, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, thành phố Hà Nội

2. Vị trí và ranh giới khu đất: được xác định bởi 14 mốc giới, gồm 10 mốc (M1, M2, ... đến M10) theo bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500 dự án Nidec Chaun Choung Việt Nam do Công ty Cổ phần kiến trúc và xây dựng

A.S.T lập và được Ban Quản lý phê duyệt tại Quyết định số 16/QĐ-CNCHL ngày 08/03/2021 và 04 mốc (M10.1, M10.2, M10.3 và M20) được xác định căn cứ phạm vi đầu tư Giai đoạn 1 của dự án.

3. Thời hạn thuê đất: 48 năm 08 tháng 08 ngày, kể từ ngày 12/7/2021 đến hết ngày 20/3/2070.

4. Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

5. Mục đích sử dụng đất thuê: đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định sau:

1. Bên thuê đất được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê theo Quyết định số 189/QĐ-CNCHL ngày 14/12/2021 của Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc.

2. Bên thuê đất phải hoàn trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB) cho ngân sách nhà nước.

- Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc sẽ xác định và thông báo số tiền bồi thường GPMB hoàn trả mà Bên thuê đất phải nộp cho ngân sách nhà nước sau khi mức thu tiền bồi thường GPMB hoàn trả được phê duyệt.

- Phương thức nộp tiền bồi thường GPMB hoàn trả: chuyển khoản

- Nơi nộp tiền bồi thường GPMB hoàn trả: theo địa điểm nộp ghi tại Thông báo của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

3. Bên thuê đất có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Phát triển Khu CNC Hòa Lạc FPT (chủ đầu tư hạ tầng) số tiền mà chủ đầu tư hạ tầng đã ứng trước để GPMB diện tích đất Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cho thuê tại Quyết định số 88/QĐ-CNCHL ngày 14/12/2021 theo phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bên thuê đất được khấu trừ số tiền này vào tiền bồi thường GPMB hoàn trả phải nộp cho Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 88/QĐ-CNCHL ngày 12/7/2021 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam thuê đất để thực hiện dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam" Giai đoạn 1 tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1- Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khoản 5 Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho thuê đất

- Bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba.

- Thực hiện thủ tục đăng ký vào hồ sơ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu về đất đai tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất

Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 2 và Điều 3 Hợp đồng này Bên thuê đất còn có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Có quyền và nghĩa vụ của tổ chức được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với diện tích 26.045 m² đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

- Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thì hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là sáu (06) tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian ba (03) tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

- Có nghĩa vụ hoàn trả tiền bồi thường GPMB vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu Công nghệ cao; nộp tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải, các khoản phí và lệ phí liên quan khác theo quy định của pháp luật và của Khu Công nghệ cao Hoà Lạc.

- Có trách nhiệm sử dụng đất đúng phạm vi ranh giới được thuê theo đúng mục tiêu, nội dung, quy mô và tiến độ của dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam" (Giai đoạn 1) đã được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các quy định khác có liên quan được áp dụng tại Khu Công nghệ cao Hoà Lạc; thực hiện thủ tục xin cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất"; chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Trong trường hợp Bên thuê đất không thực hiện đúng mục tiêu, quy mô, tiến độ của dự án hoặc có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai theo các quy định tại điểm a, b, d, e, g và i khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai 2013, chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật hoặc tự nguyện trả lại đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai 2013, Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hoà Lạc sẽ thu hồi đất đã cho thuê theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình sử dụng đất, nếu Bên thuê đất không đáp ứng các điều kiện để được miễn tiền thuê đất mà có nguyên nhân từ phía Bên thuê đất thì phải thực hiện hoàn trả ngân sách Nhà nước số tiền thuê đất đã được miễn và cộng thêm khoản tiền tương đương với mức thu tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý thuế tính trên số tiền thuê đất được miễn.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tài liệu tham khảo

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành năm (05) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản và gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi ưu tiên bồi thường GPMB hoàn trả.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021.

Bên thuê đất
Công ty TNHH Nidec Chaun Choung



TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Chí Tông

Bên cho thuê đất *Ths*
Ban Quản lý Khu Công nghệ cao
Hòa Lạc



TRƯỞNG BAN
Lưu Hoàng Long



Số: 189 /QĐ-CNCHL

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam thực hiện dự án “Nidec Chaun Choung Việt Nam” Giai đoạn 1 tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

**TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC**

Căn cứ Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ);

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi



hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-CNCHL ngày 08/12/2021 của Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ xác định giá đất cụ thể tính thu tiền thuê đất và tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hàng năm tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc năm 2021;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 6591366879 ngày 20/3/2020, Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04/02/2021 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam để thực hiện dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam";

Căn cứ Quyết định số 3006/2021/NCCV-QĐ ngày 30/6/2021 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam về việc phê duyệt dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam Giai đoạn 1" tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-CNCHL ngày 12/7/2021 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam thuê đất để thực hiện dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam Giai đoạn 1" tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam tại văn bản đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất ngày 21/7/2021 kèm theo hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam, mã số thuế 0109149706, địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam để thực hiện dự án "Nidec Chaun Choung Việt Nam" (Giai đoạn 1) tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc với nội dung như sau:

1. Mục đích sử dụng đất: đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ.

2. Lý do được miễn tiền thuê đất: Dự án thuộc Danh mục ngành, nghề (lĩnh vực) đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại Khu công nghệ cao quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của

Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao.

3. Giá đất tính thu tiền thuê đất (chưa tính đến yếu tố thời gian thuê đất được miễn, giảm) là: 1.827.086 đồng/m². Trong đó: áp dụng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại Bảng giá đất đối với khu đất tiếp giáp tuyến đường có mặt cắt $\geq 29\text{m}$ đến $< 34\text{m}$ (đường 7 có mặt cắt ngang 31m) là 2.190.000 VNĐ/m² và hệ số 1,2 lần đối với khu đất tiếp giáp 02 tuyến đường là đường 7 và đường 12 theo quy định tại điểm a khoản 2.2 Điều 3 Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội; hệ số điều chỉnh giá đất $k = 1,0$ lần đối với khu đất tiếp giáp tuyến đường có mặt cắt $\geq 29\text{m}$ đến $< 34\text{m}$ theo quy định tại Quyết định số 180/QĐ-CNCHL ngày 08/12/2021 của Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; thời hạn thuê đất là 48 năm 08 tháng 08 ngày (làm tròn 584 tháng).

4. Thời gian được miễn tiền thuê đất: trong toàn bộ thời gian thuê là 48 năm 08 tháng 08 ngày.

5. Diện tích đất được miễn tiền thuê đất: 26.045 m² tại các lô đất CN1-05-1, CN1-05-5 và CN1-05-6, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, thành phố Hà Nội

6. Số tiền thuê đất được miễn: 1.827.086 VNĐ/m² x 26.045 m² = 47.586.454.870 đồng, làm tròn 47.586.455.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Điều 2. Trong quá trình sử dụng đất, nếu Ban Quản lý kiểm tra và đánh giá Dự án không đáp ứng các điều kiện để được miễn tiền thuê đất mà có nguyên nhân từ phía Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam thì phải thực hiện hoàn trả ngân sách Nhà nước số tiền thuê đất đã được miễn và cộng thêm khoản tiền tương đương với mức thu tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về quản lý thuế tính trên số tiền thuê đất được miễn.

Định kỳ hàng năm, giao Ban Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất của Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam. Trong trường hợp phát hiện Dự án không đáp ứng các điều kiện để được miễn tiền thuê đất nêu trên, Ban Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường báo cáo, đề xuất với Ban Quản lý về việc xử lý tiền thuê đất đã được miễn của Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông/Bà: Giám đốc Ban Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường, Giám đốc Ban Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Ban Hợp tác và Đầu tư, Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam, các cá nhân và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PTB. Nguyễn Trọng Trường (để chỉ đạo);
- Ban HTĐT, KHTC (để p/h);
- Lưu VT, QHXDMT.

(06)



Số: 453 /GPXD-CNCHL

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2021

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam
 - Địa chỉ: Lô đất CN1-05-5-Khu Công nghiệp công nghệ cao 1-Khu Công nghệ cao Hòa Lạc- Km 29 Đại lộ Thăng Long - Huyện Thạch Thất- Hà Nội
2. Được phép xây dựng công trình theo giai đoạn: Nhà máy Nidec Chaun Choung Việt Nam (giai đoạn 1).
 - Theo thiết kế bản vẽ thi công Dự án Nidec Chaun Choung Việt Nam (giai đoạn 1).
 - Do Công ty cổ phần kiến trúc và xây dựng AST lập
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng COTANA.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng: Lô đất CN1-05-1, CN1-05-5 và CN1-05-6-Khu Công nghiệp công nghệ cao 1- Khu Công nghệ cao Hòa Lạc - Km 29 Đại lộ Thăng Long - Huyện Thạch Thất- Hà Nội.
 - + Mật độ xây dựng 52%, hệ số sử dụng đất 1,25 lần (tính trên diện tích toàn dự án).
 - + Chỉ giới đường đỏ: theo ranh giới cho thuê đất giai đoạn 1 được xác định tại Quyết định số 88/QĐ-CNCHL ngày 12/7/2021 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.
 - + Chỉ giới xây dựng toàn khu đất: 10 m so với chỉ giới đường đỏ tiếp giáp với đường D, đường 12, đường 7.
 - + Diện tích xây dựng: 31.601 m² (toàn khu đất)
 - * Giai đoạn 1(bao gồm nhà xưởng 1 và các công trình phụ trợ):
 - Nhà xưởng 1:
 - + Diện tích xây dựng: 9.600 m²
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 22.328 m²
 - + Chiều cao xây dựng: 13m.
 - + Số tầng: 2 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cốt + 0,00 cao hơn từ +0,415 m đến + 1,41 m so với cốt sân đường lân cận bao quanh.
 - + Màu sắc công trình: Màu sáng
 - Các công trình phụ trợ khác bao gồm: Nhà bảo vệ 1, phòng bơm, phòng thổi khí, nhà để xe máy, nhà rác thải sản xuất, khu xử lý nước thải sản xuất, cây xanh cảnh quan, đường nội bộ... được thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của dự án và trong phạm vi ranh giới khu đất đã được Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cho thuê tại Quyết định số 88/QĐ-CNCHL ngày 12/7/2021.
3. Giấy tờ về đất đai: Quyết định số 88/QĐ-CNCHL ngày 12/7/2021 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc cho thuê đất thực hiện Dự án Nidec Chaun Choung Việt Nam (giai đoạn 1) - Khu Công nghiệp công nghệ cao

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Số: 395 /NT-PCCC
V/v chấp thuận kết quả
nghiệm thu về phòng cháy
và chữa cháy

Mẫu số PC12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 495/TĐ-PCCC ngày 23/04/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/ĐNNT ngày 06/05/2025 của Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Yamaoka Naoto, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 15 tháng 05 năm 2025 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Tổ địa bàn PCCC và CNCH Thạch Thất.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của hạng mục công trình: Xây dựng nhà máy Nidec Chaun Choung Việt Nam giai đoạn 1 (Hạng mục: Cải tạo mặt bằng công năng, lối ra thoát nạn, bổ sung hệ thống PCCC một phần tầng 1 và tầng 2), với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô CN1-05-5, Khu công nghiệp công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Pendia Holdings Việt Nam.

Quy mô hạng mục công trình: Cải tạo mặt bằng công năng, lối ra thoát nạn, hệ thống PCCC cho phòng kiểm hàng trực (B-D; 10-14), kho hàng hủy, chất thải trực (A-D; 14), phòng thiếu kết trực (E-H; 10-11), phòng phát triển trực (G-H; 2-3) tại tầng 1, phòng kiểm tra tại trực (B-G; 6-8), phòng vật liệu sản xuất trực (G-H; 11-13); phòng máy 1, 2, 3 trực (B-E; 9-12) tầng 2; dịch chuyển bổ sung báo

cháy tự động, đầu phun chữa cháy sprinkler tự động, giải pháp thông gió chống tụ khói, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn và bình chữa cháy.

Bố trí mặt bằng, công năng sử dụng: Bố trí phòng kiểm hàng trực (B-D; 10-14), kho hàng hủy, chất thải trực (A-D; 14), phòng thiêu kết trực (E-H; 10-11), phòng phát triển trực (G-H; 2-3) tại tầng 1, phòng kiểm tra tại trực (B-G; 6-8), phòng vật liệu sản xuất trực (G-H; 11-13); phòng máy 1, 2, 3 trực (B-E; 9-12) tầng 2.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Cải tạo ngăn chia mặt bằng, lối ra thoát nạn;
- Dịch chuyển, bổ sung đầu báo cháy tự động, đầu phun chữa cháy sprinkler tự động bằng nước; giải pháp thông gió chống tụ khói; phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn và bình chữa cháy.

Các yêu cầu kèm theo:

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng, thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ trước khi đưa vào hoạt động.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình theo điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo đảm bảo theo quy định và gửi hồ sơ đến Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC trước khi tiến hành thi công cải tạo.

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Công an không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa hạng mục công trình vào sử dụng theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên; (để thực hiện)
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Thiếu tướng Dương Đức Hải - PGB CATP;
(để báo cáo)
- Tổ địa bàn PCCC&CNCH Thạch Thất;
(để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2, *trại*.



Đại tá Phạm Trung Hiếu

486

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Số: 412 /NT-PCCC
V/v chấp thuận kết quả
nghiệm thu về PCCC

Mẫu số PC12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC số 217/TD-PCCC ngày 26/3/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 02-2021/CV-GT-NTPCCC ngày 18/6/2021 của Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông: HSIEH CHI-FENG, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 23 tháng 6 năm 2021 của đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Công an huyện Thạch Thất.

Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ - Công an TP Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình: Xây dựng nhà máy Nidec Chaun Choung Việt Nam (giai đoạn 1), với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô CN1-05-5, Khu Công nghệ cao 1 thuộc Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại Lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Sumitomo Mitsui; Công ty TNHH Kinden Việt Nam.

Quy mô công trình: Diện tích khu đất 26.236m², xây dựng nhà xưởng có diện tích khoảng 9.128m², 02 tầng, chiều cao (tính đến mép dưới cửa sổ tầng trên cùng) 6m; nhà để xe máy diện tích 835m², 01 tầng, chiều cao 3m (tính đến điểm mái); nhà rác thải sản xuất 625m², 01 tầng, chiều cao 6,2m (tính đến điểm mái); nhà để khí phục vụ sản xuất diện tích 166m², 01 tầng.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bố trí mặt bằng, bậc chịu lửa, lối ra thoát nạn, giải pháp ngăn cháy lan.

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy sprinkler tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, họng tiếp nước từ xe chữa cháy; giải pháp chống tụ khói cho gian phòng; đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy;

- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy, quạt hút khói.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu tại biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an huyện Thạch Thất lập ngày 23/6/2021 và các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Trần Ngọc Dương - PGD CATP;
(để báo cáo)
- Công an huyện Thạch Thất;
(để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2.



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Phạm Trung Hiếu

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 434 /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 910/CNCHL-QHXDMT ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Khu công nghệ cao Hoà Lạc - Phần thực hiện bằng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc, địa chỉ tại Km 29, Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghệ cao Hoà Lạc - Phần thực hiện bằng vốn vay ODA Nhật Bản tại xã Tân Xã, Hạ Bằng, Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghệ cao Hoà Lạc - Phần thực hiện bằng vốn vay ODA Nhật Bản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tân Xã, Hạ Bằng, Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

1.3. Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 10/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 0110671850.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghệ cao, gồm các ngành nghề được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam), bao gồm:

STT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
1	Sản xuất hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sợi nhân tạo	C20
2	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C21

STT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
3	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22
4	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	C23960
5	Đúc kim loại	C243
6	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C25 (trừ C2593)
7	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
8	Sản xuất thiết bị điện	C27
9	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
10	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
11	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
12	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
13	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
14	Điện mặt trời	D35116
15	Điện khác	D35119
16	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	D3530
17	Thoát nước và xử lý nước thải	E37
18	Xây dựng nhà các loại	F41
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	F42 (trừ các ngành cơ mã: F4211, F4291, F4292, F4293)
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	F43
21	Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	G47
22	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
23	Dịch vụ lưu trú	I55
24	Dịch vụ ăn uống	I56
25	Xuất bản phần mềm	J582
26	Hoạt động chiếu phim	J5914
27	Hoạt động truyền hình và cung cấp chương trình thuê bao	J602
28	Viễn thông	J61
29	Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	J620
30	Hoạt động dịch vụ thông tin	J63
31	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	K64
32	Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo hiểm xã hội bắt buộc)	K65
33	Hoạt động tài chính khác	K66
34	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L68
35	Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý	M70
36	Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật	M71

STT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
37	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	M72
38	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	M74
39	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	N773
40	Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm	N78
41	Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	N82
42	Giáo dục và đào tạo	P85
43	Hoạt động y tế	Q86
44	Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác	R91
45	Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí	R93
46	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	U99

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 1.036 ha, thuộc phạm vi 1.586 ha của toàn Khu công nghệ cao Hòa Lạc theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu công nghệ cao Hòa Lạc đến năm 2030, trong đó:

+ Khu giáo dục và đào tạo: Lô DT1 và DT2.

+ Khu nghiên cứu và triển khai: Các Lô từ RD1 đến RD10; RD11-3.

+ Khu phần mềm: Các Lô từ PMI đến PM3.

+ Khu Công nghiệp công nghệ cao: Các Lô từ CN1-1 đến CN1-4; CN1-8; CN1-9.

+ Khu trung tâm: Các Lô từ TT1 đến TT6.

+ Khu hỗn hợp: Các Lô từ HH1 đến HH5.

+ Khu nhà ở: bao gồm các lô ký hiệu: Các Lô từ NO1 đến NO5.

+ Khu giải trí và thể dục thể thao: Lô TD.

+ Hồ Tân Xã và vùng đệm: Lô H1; từ Lô H3 đến H6.

+ Công trình giao thông và các công trình đầu nối hạ tầng kỹ thuật: 149,2 ha trong tổng số 220,55 ha công trình giao thông và các công trình đầu nối hạ tầng kỹ thuật của toàn bộ Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

+ Cây xanh (cây xanh tập trung và cây xanh theo hạ tầng kỹ thuật chung): 98 ha trong tổng số 149,37 ha cây xanh của toàn bộ Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 22, tháng 10, năm 2024 đến ngày 21 tháng 10 năm 2031).

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND thành phố Hà Nội (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;
- Lưu: VT, KSONMT, Q12.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Công Thành

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Căn cứ vào thực tế thu gom và xử lý nước thải bao gồm toàn bộ nước thải phát sinh trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc (khu vực phía Bắc Đại lộ Thăng Long), vì vậy các nguồn phát sinh nước thải gồm:

- Nguồn số 01: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu giáo dục và đào tạo (ký hiệu: DT).
- Nguồn số 02: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu nghiên cứu và triển khai (ký hiệu: RD).
- Nguồn số 03: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu phần mềm (ký hiệu: PM).
- Nguồn số 04: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu Công nghiệp công nghệ cao (bao gồm các Lô ký hiệu: CN 1-1 đến CN 1-11).
- Nguồn số 05: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu trung tâm (ký hiệu: TT).
- Nguồn số 06: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu hỗn hợp (bao gồm các Lô ký hiệu: HH1 đến HH5).
- Nguồn số 07: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu nhà ở (bao gồm các Lô ký hiệu: NO1 đến NO5).
- Nguồn số 08: Các đơn vị thứ cấp thuộc Khu giải trí và thể dục thể thao (ký hiệu: TD).
- Nguồn số 09: Phòng thí nghiệm.
- Nguồn số 10: Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 11: Khu văn phòng, điều hành và khu hạ tầng kỹ thuật.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Vực Giang thuộc địa phận xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2.323.624,25; Y = 557.405,51 (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 6.000 m³/ngày (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý từ Đơn nguyên số 01 có công suất xử lý 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) tự chảy qua mương quan trắc, sau đó theo đường cống ngầm và cống hộp đôi xả ra suối Vực Giang. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột A với hệ số $K_d = 0,9$ và $K_t = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		Đã lắp đặt
3	COD	mg/l	60,75		Đã lắp đặt
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5		Đã lắp đặt
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05		Đã lắp đặt
6	Màu	Pt/Co	50		-
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3		-
8	Asen	mg/l	0,04		-
9	Thủy ngân	mg/l	0,004		-
10	Chì	mg/l	0,081		-
11	Cadimi	mg/l	0,04		-
12	Crom (VI)	mg/l	0,04		-
13	Crom (III)	mg/l	0,162		-
14	Đồng	mg/l	1,62		-
15	Kẽm	mg/l	2,43		-
16	Niken	mg/l	0,162		-
17	Mangan	mg/l	0,405		-
18	Sắt	mg/l	0,81		-
19	Tổng xianua	mg/l	0,057		-
20	Tổng phenol	mg/l	0,081		-
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		-
22	Sunfua	mg/l	0,162		-
23	Florua	mg/l	4,05		-
24	Tổng Nitơ	mg/l	16,2		-
25	Tổng Phot pho (tính theo P)	mg/l	3,24		-
26	Clorua	mg/l	405		-
27	Clo dư	mg/l	0,81		-
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		-

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	03 tháng/lần	-
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		-
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,04	01 năm/lần	-
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243		-
33	Tổng PCB	mg/l	0,002		-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải từ Nguồn số 01 đến số 08 được thu gom bằng các tuyến cống ngầm bê tông cốt thép, ống gang dẻo áp lực và được bơm cưỡng bức về Đơn nguyên số 01 có công suất xử lý 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải từ Nguồn số 09 và số 10 theo đường ống thu gom về Đơn nguyên số 01 có công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải từ Nguồn số 11 được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại, sau đó theo đường ống thu gom về Đơn nguyên số 01 có công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ):

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) được xây dựng từ vốn vay ODA Nhật Bản, gồm 06 Đơn nguyên có công suất xử lý 6.000 m³/ngày (24 giờ)/Đơn nguyên. Hiện tại, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc chỉ vận hành Đơn nguyên số 01 trong tổng số 06 Đơn nguyên để phù hợp với khối lượng nước thải phát sinh trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Hồ thu gom → Máy tách rác → Mương lắng cát → Giếng bơm → 01 Bể tiếp nhận → Đơn nguyên số 01 (01 Bể lắng sơ cấp → 01 Bể kỵ khí → 04 Bể thiếu khí nối tiếp → 05 Bể hiếu khí nối tiếp → 01 Bể lắng cuối) → Bể khử trùng → Mương quan trắc (Sử dụng chung với Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ)) → Suối Vực Giang.

- Công suất thiết kế của Đơn nguyên số 01: 6.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO, NaOH, Polymer C, Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ): Được xây dựng bằng nguồn vốn trong nước, không vận hành do không đủ nước thải để xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Bể lắng cát ngang → Bể điều hòa → Bể Aeroten → Bể lắng thứ cấp → Bể kiểm tra chất lượng nước → Bể khử trùng → Mương quan trắc (Sử dụng chung với Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ)) → Suối Vực Giang.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO, Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Số lượng đã lắp đặt: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Tại Mương quan trắc nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) và 6.000 m³/ngày (24 giờ) trước khi xả thải vào suối Vực Giang.

- Thông số đã lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, DO, TSS, COD và Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ): Đã xây dựng 01 Mô-đun xử lý nước thải trong trường hợp nước thải đầu vào có các thông số kim loại nặng không đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải tại Bể điều hòa của Cụm tiền xử lý thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) → Bể sự cố (Thể tích khoảng 2.341 m³ bằng bê tông cốt thép) → Bể khuấy trộn khử Cr, kim loại nặng → Bể phản ứng 1 → Bể điều chỉnh pH, sục khí → Bể khuấy trộn Polymer → Bể lắng tấm nghiêng → Bể khuấy trộn NaClO, điều chỉnh pH → Bể phản ứng 2 → Bể Aeroten của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂SO₄, Na₂CO₃, phèn sắt (FeSO₄), Polymer, NaClO, Methanol.

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ): Sử dụng các bể của 05 đơn nguyên chưa hoạt động làm công trình ứng phó sự cố.

1.4.2. Quy trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không áp dụng cho Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) do hệ thống này không vận hành. Quy trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cho Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) như sau:

- Trường hợp Đơn nguyên số 01 gặp sự cố không thể vận hành, nước thải đầu vào sẽ

được bơm về lưu giữ tại các bể của 05 Đơn nguyên chưa hoạt động. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ các bể của 05 Đơn nguyên được dẫn lại về Đơn nguyên số 01 để xử lý.

- Ban hành tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc, buộc các cơ sở hoạt động trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải sau xử lý sơ bộ của các cơ sở hoạt động trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo nước thải phải đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghệ cao Hòa Lạc. Trường hợp nước thải sau xử lý sơ bộ của các cơ sở có thông số kim loại nặng vượt giới hạn tiếp nhận sẽ không được thu gom, xử lý.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát thường xuyên nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của cơ sở thứ cấp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc - Phần thực hiện bằng vốn vay ODA Nhật Bản (do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đề xuất sau khi được cấp giấy phép môi trường):

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300
5	COD	mg/l	400
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
7	Asen	mg/l	0,04
8	Thủy ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,04
11	Crom (VI)	mg/l	0,04
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
18	Tổng xianua	mg/l	0,057
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Sunfua	mg/l	0,162
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
24	Tổng Nitơ	mg/l	40
25	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	405
27	Clo dư	mg/l	1
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,04
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	0,002
31	Coliform	MPN/100ml	30.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
34	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH ⁽¹⁾
35	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH ⁽¹⁾
36	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH ⁽¹⁾

Ghi chú: ⁽¹⁾: Chỉ áp dụng đối với nước thải từ các cơ sở khám chữa bệnh, bệnh viện, cơ sở đào tạo và nghiên cứu có thực hiện các xét nghiệm về y học trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Đơn nguyên số 01 có công suất xử lý 6.000 m³/ngày (24 giờ) thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng công suất xử lý 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Hồ thu gom chung của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Cửa xả nước thải sau xử lý ra suối Vực Giang.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ)

theo giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ)) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp) sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc (khu vực phía Bắc đường Đại lộ Thăng Long) để xử lý theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm nêu tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghệ cao Hoà Lạc - Phần thực hiện bằng vốn vay ODA Nhật Bản.

3.3. Ban hành Quy chế bảo vệ môi trường của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc theo quy định của pháp luật, trong đó có tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải để xử lý theo đúng nội dung đã đề xuất trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn sự cố nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thời hạn hoàn thành trước ngày 31/10/2024.

3.4. Thu hút các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc, đảm bảo theo đúng phân khu chức năng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.8. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc

nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31/12/2024, sau thời gian này chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục theo quy định của pháp luật.

3.9. Trường hợp Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có nhu cầu đưa Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m³/ngày (24 giờ) vào vận hành hoặc các đơn nguyên xử lý nước thải khác thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) vào vận hành, thì phải lập thủ tục cấp lại giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

3.10. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *vt*

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI***(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Hồ bơm nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

- Nguồn số 02: Bể chứa bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

- Nguồn số 03: 02 máy ép bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

- Nguồn số 04: Bể lắng sơ cấp của Đơn nguyên số 01 thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 Dòng khí thải tương ứng với ống thải của Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ), thực hiện xử lý khí thải từ Nguồn số 01 đến số 04, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2.323.811; Y = 557.252.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', mũi chiều 3°)

Vị trí xả khí thải trong phạm vi Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Tân Xã, Hạ Bằng và Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24/24 giờ trong quá trình vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn: QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (hệ số Kp = 1,0; Kv = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	15 ⁽¹⁾	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5 ⁽²⁾		
3	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50 ⁽²⁾		

Ghi chú:

⁽¹⁾: Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

⁽²⁾: Giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (hệ số Kp = 1,0; Kv = 1,0).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ Nguồn số 01 đến Nguồn số 04 được thu gom bằng đường ống về Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi hôi) → Quạt hút → Tháp hấp thụ 1 → Tháp hấp thụ 2 → Ống thải → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và dự phòng thiết bị thay thế cho công trình xử lý khí thải; vận hành công trình xử lý khí thải theo đúng quy trình hoặc hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Niêm yết bản tóm tắt quy trình vận hành công trình xử lý khí thải tại khu vực xây dựng, lắp đặt công trình để cán bộ kỹ thuật thực hiện vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, khẩn trương tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải của Hệ thống xử lý mùi, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc phải giám sát các chất ô nhiễm đối với khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống

xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả ra ngoài môi trường) trong thời gian ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.7. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *ph*

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy bơm nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 02: Máy thổi khí của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 03: Máy bơm bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 04: Máy ép bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 05: Máy bơm hóa chất khử trùng của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 06: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 07: Quạt hút của Hệ thống xử lý mùi thuộc Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2.323.883; Y = 557.273.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 2.323.660; Y = 557.198.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 2.323.684; Y = 557.183.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 2.323.665; Y = 557.160.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 2.323.636; Y = 557.244.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 2.323.628; Y = 557.129.
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 2.323.811; Y = 557.252.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', mũi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thiết kế các bộ phận giảm âm và thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây ra độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải cò các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	91.250
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	20
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	50
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	50
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	100
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	20
Tổng khối lượng			91.590

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sinh khối thực vật	35.000
2	Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa	80.000
Tổng khối lượng		115.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải phát sinh từ văn phòng:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	7,5
2	Giấy viết loại, bìa carton, gỗ	0,5
Tổng khối lượng		8,0

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại số 01: Lưu giữ các loại chất thải nguy hại, trừ bùn thải.

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: 15 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho bố trí tại tầng 1 nhà ép bùn. Kho có mái che, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố ga thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.1.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại số 02: Lưu giữ bùn thải từ xử lý nước thải công nghiệp:

- Thiết bị lưu chứa: Được lưu chứa tại phễu xả của máy ép bùn.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: 40 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho bố trí tại tầng 1 của nhà ép bùn. Kho có mái che, nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn, có rãnh thu gom nước rò rỉ, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không bố trí. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thực hiện nạo vét bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa, cắt tỉa cây xanh và vận chuyển chất thải đem đi xử lý theo quy định (không lưu chứa tại cơ sở).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng:

Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa có nắp đậy, được bố trí tại các khu vực có phát sinh.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. *KL*

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BTNMT ngày..... tháng..... năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng hồ sơ cố để phòng ngừa, ứng phó sự cố cho Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ), đảm bảo lưu giữ nước thải chưa qua xử lý trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung ngừng hoạt động.

- Thực hiện các biện pháp xử lý, giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải gây ra đến môi trường xung quanh trong quá trình xây dựng hồ sơ cố cho Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 36.000 m³/ngày (24 giờ), đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại khoản 3 và 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh trong khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu đề xảy ra sự cố trong quá trình xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /s/.....

(M28-1112-1335) THTV 92 4A 10 738

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence- Freedom- Happiness

=====&=====

HỢP ĐỒNG / CONTRACT

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

VÀ THU MUA PHÉ LIỆU TÁI CHẾ

INDUSTRIAL WASTE COLLECTION, TRANSPORTATION,

TREATMENT

& SCRAP PROCUREMENT

Số/No : ...2.0.2.20...4.2.2/HDXL-PL

- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua/ Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11 dated Jun 14th, 2005 entered into force on January 1st, 2006 and approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;/ Based on Civil Law No. 91/2015/QH13 dated on Nov 24th, 2015 of National Assembly of Socialist Republic of Vietnam and affected from Jan 01st, 2017;

- Căn cứ luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua/ Pursuant to Law on Environment Protection of Vietnam dated November 17th, 2020, entered into force on July 01st, 2006 and approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

- Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ban hành ngày 10/01/2022 và có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên Môi trường về quản lý chất thải nguy hại kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;/ Pursuant to the circular No 02/2022/TT-BTNMT dated January 10th, 2022 entered into force on January 10th, 2022 by Ministry of natural resource & environment about Management of hazardous waste;

- Căn cứ và khả năng và nhu cầu của hai bên/ Pursuant to the demand of waste collection, transportation & treatment from both sides;

Tuy nhiên, trong trường hợp có thay đổi nội dung nhưng bắt buộc phải tuân theo căn cứ pháp luật;/ But, in a fixed date above-mentioned and the case change generated, the it's based on the changed contents;

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2022, tại Văn phòng Công ty cổ phần môi trường Thuận Thành chúng tôi gồm.

Today, December 10th, 2022 at Thuan Thanh ESJ Co Office, we are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM

PARTY A: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

Dịa chỉ/ Address : Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; / *Lot CN1-05-5, Hi-Tech Industrial Park 1, Hoa Lac Hi-Tech Park, Km 29 Thang Long Avenue, Thạch Hoa Commune, Thạch Thất District, Hanoi City, Vietnam;*

Điện thoại/ Tel : 0243 223 33 99

Mã số thuế/ Tax Code : 0109149706

Người đại diện/ Representative : Ông / **Mr. HSIEH CHI FENG**

Chức vụ/ Post : Tổng Giám đốc/ *General Director*

Tài khoản/ Bank Account : 10105101, tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh Thành phố Hà Nội/ *10105101 at Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Hanoi Branch*

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

PARTY B: THUAN THANH EJS. CO

Dịa chỉ/ Address : Thôn Ngọc Khảm, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh/ *Ngoc Kham Hamlet, Gia Dong Commune, Thuan Thanh District, Bac Ninh Province.*

Điện thoại/ Tel : 02223 774 998 **Fax/ Fax:** 02223 774 998

Mã số thuế/ Tax Code : 2300426314

Người đại diện/ Representative : Ông / **Mr. ĐOÀN VĂN HỮU**

Chức vụ/ Post : Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*

Đại diện theo giấy ủy quyền số 09/MTTT-GUQ do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành ký ngày 01/07/2020/ *As Letter of attorney No: 09/MTTT-GUQ by legal representative of Thuan Thanh EJS.CO signed July 01st, 2020;*

Tài khoản/ Bank Account : 0851 0000 10555 Tại ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hà Thành / *0851 0000 10555, Vietcombank, Ha Thanh Branch.*

Sau khi, thỏa thuận hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và thu mua phế liệu với các điều khoản như sau:

After discussing, two parties agree to conclude Appendix of harmful wastes transport and treatment and scrap procurement Contract upon the following contents:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng/ *Article1: Contract content*

1.1 Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A; Danh mục chất thải được thể hiện cụ thể tại các Phụ lục Hợp đồng kèm theo của Hợp đồng này. Phụ lục Hợp đồng có giá trị và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng nguyên tắc này.

Party A agrees to hire party B to collect, transport, handle the waste discharged from party A's production process. All types of specific waste shall be shown in the attached Appendix. The Appendix shall be valid and an integral part of this contract.

1.2 Việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải của bên A, cũng như việc tái chế sau quá trình xử lý phải tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam.

The collecting, transporting and handling the Party A's waste as well as reprocessing should be in accordance with the Vietnam law of Hazardous waste management and environment protection.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển/ Article 2: Place and time of delivery, quantity and means of transport

2.1 Địa điểm giao nhận chất thải / *Place for waste delivery and receipt:*

Tại kho lưu giữ của bên A – Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao I thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; / *Lot CN1-05-5, Hi-Tech Industrial Park I, Hoa Lac Hi-Tech Park, Km 29 Thang Long Avenue, Thạch Hoa Commune, Thạch Thất District, Hanoi City, Vietnam;*

2.2 Địa điểm lưu giữ và xử lý chất thải / *Place of storage and handling:*

Tại kho lưu giữ chất thải của bên B. Địa chỉ: Thôn Ngọc Khảm, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh; / *At the store of party B: Ngọc Kham Hamlet, Gia Dong Commune, Thuận Thành District, Bac Ninh Province.;*

2.3 Thời gian giao nhận / *Time of delivery and receipt:*

Bên A thông báo lịch giao chất thải cho bên B trước 01 ngày để bên B thu xếp phương tiện và nhân lực; / *For each delivery, party A should inform party B 01 day in advance so that party B shall have time to arrange workforce and vehicles.*

2.4 Số lượng hàng hóa / *Quantity of goods:*

Căn cứ theo số lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển của bên B; / *Based on the waste discharged from the party A but guaranteeing the convenience for party B's loading and transporting ability;*

2.5 Phương tiện vận chuyển / *Means of transport:*

- Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người bốc xếp hàng lên xe; / *Party B is responsible for arranging the dedicated vehicles and workforces;*

- Bên B có trách nhiệm đăng ký biển số phương tiện chuyên chở CTNH với bên A; các loại phương tiện vận chuyển này phải nằm trong danh mục phương tiện vận tải được phép chuyên chở CTNH do Bộ Tài nguyên Môi trường cấp phép; / *Party B is responsible for registering the numbers of dedicate*

vehicles to party A. (Included the vehicles for hazardous waste and normal waste); the dedicated vehicles for hazardous waste must be included in The list permitted transport vehicles transporting the hazardous waste by the Ministry of Natural resources and Environment;

Điều 3: Số lượng- Đơn giá/ Article 3: Quantity- Price for unit

3.1 Số lượng chất thải và phế liệu được tính theo số lượng thực tế mà bên A bàn giao cho bên B thông qua biên bản bàn giao có xác nhận của đại diện hai (02) bên, là cơ sở cho việc kiểm tra và thanh toán theo nội dung hợp đồng này;

The actual amount of waste and scraps are indentified follow real quantity which was delivered to party B by the Delivery note confirmed by representative of both parties, is the basic for checking and payment based on the content of this contract;

3.2 Đơn giá xử lý được thể hiện bằng các Phụ lục Hợp đồng kèm theo Hợp đồng này;

Treatment fee is shown in contract appendix;

3.3 Đơn giá thu mua được thể hiện bằng các Phụ lục Hợp đồng kèm theo Hợp đồng này;

Purchase price is shown in contract appendix;

Điều 4: Phương thức thanh toán/ Article 4: Payment method

4.1 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng Việt Nam Đồng. / *Form of payment: Bank transfers by VND.*

4.2 Giá trị thanh toán: / *Payment value:*

-Bên B tiến hành lập "Bảng kê tổng hợp, quyết toán" số lượng chất thải giao nhận trong tháng, căn cứ theo Biên bản bàn giao từng chuyển, có chữ ký xác nhận của đại diện hai (02) bên; và chuyển cho bên A trước ngày mùng năm (05) của tháng kế tiếp.

Party B shall make the "Bill of statement" amounted of delivered waste in this month with the signature confirmed by two parties's representative, based on the Delivery note; and submit to party A before the 5th of the next month.

-Bảng kê tổng hợp, quyết toán chỉ có giá trị khi có chữ ký, đóng dấu của đại diện có thẩm quyền của hai (02) bên./ *"Bill of statement" are only valid when signed and stamped by the authorized representative of two parties.*

4.3 Thời hạn thanh toán: Ngày cuối cùng của tháng sau tháng mà bên A nhận được đầy đủ Hóa đơn tài chính và các chứng từ có liên quan từ bên B; và ngược lại./ *Payment deadline: The last day of the month following the month when party A has already received the full document and eligible invoice from party B, and vice versa.*

Điều 5: Trách nhiệm của các bên / Article 5: The Parties' responsibility

5.1 Trách nhiệm và quyền hạn của bên A/ *The responsibility and power of Party A*

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải, bên A phải thông báo cho bên B trước một (01) ngày để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển./ *For each delivery, party A should inform party B 01 day before in advance so that party B shall have time to arrange workforce and vehicles;*

- Chịu trách nhiệm đăng ký, cấp lệnh ra vào nhà máy cho nhân viên bên B; dựa theo bảng danh sách đăng ký nhân viên của bên B được phép làm việc tại khu vực quản lý của bên A; *Responsible for registration Party B's staff coming in-out party A's plant; based on the registration list of party B is permitted to work in party A's plant;*

- Chuyển giao chất thải cho bên B, lập chứng từ CTNH theo như quy định của Thông tư Số: 02/2022/TT-BTNMT; *To preparing The hazardous waste manifest as regulated by Circular No.02/2022/TT-BTNMT;*

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán; *Appoint the technicians to coordinate with party B to implement the professional activities and settle any problem during the work performance for the basis of quantity acceptance and payment;*

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của Hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B; *Make full payment to party B as agreed in contract after receiving all eligible document and invoice from party B;*

- Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan chức năng về quá trình thực hiện quản lý chất thải theo quy định của Nhà nước; *Report periodically the competent authorities the management of harmful waste in accordance with the State's regulation;*

- Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của công ty mình; việc kiểm tra giám sát này phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của bên B; *Party A is allowed to audit and supervise the collecting, transporting and handling process of party A's waste; this control shall not affect to the production activities of party B;*

5.2 Trách nhiệm và quyền hạn của bên B /The responsibility and power of Party B

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển, các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải; *Providing workforce, transportation vehicles and all necessary safety equipment to collect waste when having any requirement and announcing for party A the time to receive waste;*

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn của bên A; *Seriously implement the regulation, rulers about entering company, content of during preventions, safety and hyrein enviroment when working at party A's plant;*

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý chất thải; *Appoint the technicians to coordinate with party A to perform the professional activities such as: supervising the process of loading, transporting and handling the waste discharged;*

- Thực hiện nhận bàn giao CTNH từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng được Tổng cục Môi trường cấp phép theo đúng các quy định của Nhà

nước; / *Hand over the hazardous waste from the discharge source owner; loading and transporting the hazardous waste by dedicated vehicles whose licenses are issued by Environment general Bureau in accordance with the State regulation;*

- Gửi cho bên A những giấy phép hoạt động Quản lý chất thải nguy hại (Bản công chứng có giá trị) để bên A giải trình khi có sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về Môi trường tại địa phương; / *Sending to party A the Licenses of Hazardous waste management (validly notarized document) so that party A makes the presentation if any check of State authorities of environment in the locality;*

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với CTNH của bên A. Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết; / *Handling and responsible to party A's hazardous waste. Any problem is arisen during the implementation process must be informed to party A by official document to the coordinate solution;*

- Xác nhận chứng từ CTNH cho bên A sau khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình theo như quy định của Thông tư Số: 02/2022/TT-BTNMT; / *Verify the Hazardous waste manifest to the party A after completing its obligations based on the Circular No.02/2022/TT-BTNMT;*

- Vận chuyển đúng chủng loại CTNH. Đảm bảo vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về Quản lý chất thải nguy hại và Bảo vệ Môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển và trong quá trình xử lý (Kể từ lúc nhận chất thải nguy hại và khi ra khỏi cổng nhà máy của bên A); / *Transporting the correct type of hazardous waste. To guarantee to transport and handle the hazardous waste in accordance with Vietnam regulation of hazardous waste management and environment protection. To be responsible for settling any problem occurred on the way of transport and during the handling process (From the receipt of hazardous waste);*

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên A theo đúng nội dung của Hợp đồng sau khi bên B nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên A; / *Make full payment to party A as agreed in contract after receiving all eligible document and invoice from party A;*

- Bên B chịu trách nhiệm chuyển công văn dự kiến xuất phế liệu, phế thải và công văn chính thức đề nộp cho cơ quan Hải Quan. Sau đó nhận Biên bản giám sát từ Hải Quan bản giao lại cho Bên A (nếu có); / *Party B shall deliver the proposal draft of scrap and wastes export and the official documents to the Customs Department. Then it shall receive the Report of inspection from the Customs Department and send such Report to party A (if any);*

- **Điều 6: Bất khả kháng / Article 6: Force majeure**

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì / *Force majeure events are the ones occurred objectively and out of the parties's control such as: earthquake, storm, flood, tsunami, landslide, fire, wars or war risks ...and*

unforeseeable events, policies change of any prohibitions of Vietnam competent authorities. In case of any force majeure events,

1. Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách để tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ./ *Two parties shall make the discussion to settle any difficulties and provide the convenience to each other in the support spirit;*

2. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra./ *Two parties shall make suitable prevention measures and necessary replacement measures to minimize any affect of force majeure events;*

3. Thông báo ngay cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết./ *Either party shall promptly inform the other party at any occurrence of force majeure events for settlement coordination;*

Điều 7: Điều khoản chung / Article 7: Responsibility for the contract breach:

- Hai bên tham gia tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ Hợp đồng. Mọi sự thay đổi, bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản có chữ ký, đóng dấu của đại diện có thẩm quyền của hai (02) bên./ *Two concerned parties shall be self-responsible to the law for their commitment as agreed in this contract. They shall not unilaterally modify ant contractual content or terminate this contract. Every amendment or modification to this contract's provision is only valid if it is agreed and made in writing by two parties;*

- Trong quá trình thực hiện hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại với Tòa án kinh tế Hà nội để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp và các thiệt hại kinh tế liên quan do bên có lỗi chịu./ *During the contract performance, two parties shall inform each other of the progress of performance. If any difficulty, they should timely inform and find out the solution on the basis of cooperation and mutual benefits. In case any dispute can not settled by two parties, such dispute shall be submitted to Hanoi economic Court for settlement. The award is final and binding on two parties for performance. The arbitration fee and relevant economic damages shall be borne by the losing party;*

Điều 8: Hiệu lực của Hợp đồng / Article 8: Contract's validity

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022 đến hết ngày 10 tháng 12 năm 2023. Nếu hết thời hạn nêu trên, mà không bên nào có ý kiến gì thì Hợp đồng mặc nhiên gia hạn hàng năm./ *This contract comes into effect from December 10th, 2022 to December 10th, 2023. If the above time limit expires, but neither party has any comments, the Contract automatically renews every year*

- Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước 30 ngày; / *Either party to terminate the contract ahead time must be notified in writing 30 days in advance;*

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý làm cơ sở thực hiện. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng. / *This contract is made into 04 copies bilingual – in Vietnamese & English – each side keeps 02 copies of equal value. In case of any difference, the Vietnamese copy shall be prevail./*

ĐẠI DIỆN BÊN A

PARTY A



TỔNG GIÁM ĐỐC

Huỳnh Chí Tông

ĐẠI DIỆN BÊN B

PARTY B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

ANNEX CONTRACT NO. 01

(Kèm theo Hợp đồng Số: 2.0.2.20.4.2.2./HDXL-PL)

Attached to Contract No.: 2.0.2.20.4.2.2./HDXL-PL

- Căn cứ Hợp đồng Số: 2.0.2.20.4.2.2./HDXL-PL Hợp đồng Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và thu mua phế liệu ngày 10 tháng 12 năm 2022 ký giữa Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam và Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành;
Pursuant to Contract No. 2.0.2.20.4.2.2./HDXL-PL dated December 10th, 2022 contract transporting and handling the wastes, procuring the scraps signed by and between Nidec Chaun Choung Vietnam Corporation and Thuan Thanh Ejs.Co;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên/ *Pursuant to two parties' demand and ability.*

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm có / *Today, December 10th, 2022 we are:*

BÊN A: CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM

PARTY A: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

Địa chỉ/ *Address*

Lô CNI-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; / *Lot CNI-05-5, Hi-Tech Industrial Park 1, Hoa Lac Hi-Tech Park, Km 29 Thang Long Avenue, Thach Hoa Commune, Thach That District, Hanoi City, Vietnam;*

Điện thoại/ *Tel*

0243 223 33 99

Mã số thuế/ *Tax Code*

0109149706

Người đại diện/ *Representative*

Ông / *Mr.* HSIEH CHI FENG

Chức vụ/ *Post*

Tổng Giám đốc/ *General Director*

Tài khoản/ *Bank Account*

10105101, tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh Thành phố Hà Nội/ *10105101 at Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Hanoi Branch*

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

PARTY B: THUAN THANH EJS. CO

Địa chỉ/ Address : Thôn Ngọc Khâm, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành,
Tỉnh Bắc Ninh/ Ngọc Kham Hamlet, Gia Dong Commune,
Thuân Thanh District, Bac Ninh Province.

Điện thoại/ Tel : 02223 774 998 Fax/ Fax: 02223 774 998

Mã số thuế/ Tax Code : 2300426314

Người đại diện/ Representative : Ông / Mr. ĐOÀN VĂN HỮU

Chức vụ/ Post : Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director

Đại diện theo giấy ủy quyền số 09/MTTT-GUQ do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành ký ngày 01/07/2020/ As Letter of attorney No: 09/MTTT-GUQ by legal representative of Thuân Thanh EJS.CO signed July 01st, 2020;

Tài khoản/ Bank Account : 0851 0000 10555 Tại ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hà Thành / 0851 0000 10555, Vietcombank, Ha Thành Branch.

Điều 1: Nội dung phụ lục hợp đồng / Article 1: Content of Appendix

Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện việc vận chuyển và xử lý chất thải và phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A, sau quá trình xử lý bên A sẽ bán lại cho bên B dưới dạng phế liệu sau xử lý./ Party A agrees to hire and party B agrees to perform the transport and processing work of waste and scraps discharged from party A's production process. After processing, party A shall sell to party B in the form of processed scraps.

Điều 2: Đơn giá xử lý / Article 2: Price of processing

Đơn giá xử lý được thể hiện theo bảng sau / The price of processing shall be shown as follows:

STT /No.	Danh mục/List	DVT/ Unit	Mã CTNH Hazardous waste code	Đơn giá/Unit price (VNĐ)
1	Pin, ắc quy thải/ Batteries, waste batteries	Kg	16 01 12	1,500
2	Hộp chứa mực in/ Ink cartridges	Kg	08 02 04	3,000
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại/ Absorbent, filter media, rags contaminated with hazardous components	Kg	18 02 01	4,000
4	Bao bì nhựa cứng thải/ Waste hard plastic packaging	Kg	18 01 03	2,000
5	Bao bì kim loại cứng thải/ Waste hard metal packaging	Kg	18 01 02	2,000
6	Bao bì mềm thải/ Waste soft packaging	Kg	18 01 01	2,500
7	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác/ Chips from the forming	Kg	07 03 11	2,500

	process			
8	Dầu thủy lực tổng hợp thải/ <i>Waste synthetic hydraulic oil</i>	Kg	17 01 06	2,000
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải/ <i>Used activated carbon from exhaust gas treatment</i>	Kg	12 01 04	4,000
10	Đóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải/ <i>Fluorescent lamps and waste activated glass</i>	Kg	16 01 06	3,500
11	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)/ <i>Infectious waste (including sharp waste)</i>	Kg	13 01 01	5,000
12	Rác sinh hoạt/ <i>Domestic garbage</i>	Kg	CTTT	2,500
13	Rác công nghiệp/ <i>Industrial waste</i>	Kg	CTTT	2,500
14	Nước thải Bể phốt/ <i>Septic tank wastewater</i>	M ³	CTTT	600,000

Điều 3: Các điều khoản khác / Article 3: Other provisions

- Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời và có giá trị như Hợp đồng số 2.0.2.20.4.2.2/HĐXL-PL ngày 10 tháng 12 năm 2022; / *This Appendix is an integral party and as valid as the contract No. 2.0.2.20.4.2.2 /HĐXL-PL dated December 10th, 2022;*
- Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *This Appendix takes effect from the date of signing;*
- Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 bản song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý làm cơ sở thực hiện. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng. / *This Appendix is made into 04 copies bilingual – in Vietnamese & English – each side keeps 02 copies of equal value. In case of any difference, the Vietnamese copy shall be prevail.*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Phong

ĐẠI DIỆN BÊN B
PARTY B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐOÀN VĂN HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence- Freedom- Happiness



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 02

ANNEX CONTRACT NO. 02

(Kèm theo Hợp đồng Số: 20220422/HDXL-PL)

Attached to Contract No.: 20220422/HDXL-PL

- Căn cứ Hợp đồng Số: 20220422/HDXL-PL, Hợp đồng Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và thu mua phế liệu ngày 10 tháng 12 năm 2022 ký giữa Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam và Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành; *Pursuant to Contract No. 20220422/HDXL-PL dated Dec 10th, 2022 contract transporting and handling the wastes, procuring the scraps signed by and between Nidec Chaun Choung Corporation and Thuan Thanh ejs Co.*

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên; *Pursuant to two parties' demand and ability.*

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm có: *Today, Dec 10th, 2022 we are:*

BÊN A: CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM

PARTY A: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

Địa chỉ *Address*

Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; *Lot CN1-05-5, Hi-Tech Industrial Park 1, Hoa Lac Hi-Tech Park, Km 29 Thang Long Avenue, Thạch Hoa Commune, Thạch Thất District, Hanoi City, Vietnam;*

Điện thoại/ *Tel*

0243 223 33 99

Mã số thuế/ *Tax Code*

0109149706

Người đại diện/ *Representative*

Ông / *Mr.* **HSIEH CHI FENG**

Chức vụ/ *Post*

Tổng Giám đốc/ *General Director*

Tài khoản/ *Bank Account*

10105101, tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh Thành phố Hà Nội/ *10105101 at Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Hanoi Branch*

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

PARTY B: THUAN THANH EJS. CO

Địa chỉ *Address*

Thôn Ngọc Khảm, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh/ *Ngoc Kham Hamlet, Gia Dong Commune, Thuan Thanh District, Bac Ninh Province,*

Điện thoại/ *Tel*

02223 774 998

Fax/ *Fax:* 02223 774 998

Mã số thuế/ *Tax Code*

2300426314

Người đại diện/ *Representative*

Ông / *Mr.* **Đoàn Văn Hữu**

Chức vụ/Post : Phó Tổng Giám đốc/Deputy General Director
Đại diện theo giấy ủy quyền số 09/MTT-GUQ do người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành ký ngày 01/07/2020/ As Letter of attorney No: 09/MTT-GUQ by legal representative of Thuận Thành EPS.CO signed July 01st, 2020;
Tài khoản/ Bank Account : 0851 0000 10555- Tại ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh 136 Thành / 0851 0000 10555, Vietcombank, Ho Thanh Branch.

Sau khi, thỏa thuận hai bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng với các điều khoản như sau/ After reaching an agreement, the two parties agree to sign the Annex with the following terms:

Điều 1: Đơn giá thu mua / Article 2: Purchase unit price

STT/No.	Danh mục/List	ĐVT/ Unit	Đơn giá/Unit price (VNĐ/Kg)	Ghi chú/ Note
1	Phế liệu gỗ/Wood scraps	Kg	500	
2	Bìa carton/Carton	Kg	4.700	
3	Sắt phế liệu/Scrap iron	Kg	6.500	
4	Phế liệu nhựa khay/Tray plastic scrap	Kg	8.000	
5	Phế liệu Nilon sạch/ Scrap nylon	Kg	11.000	

* Ghi chú: - Đơn giá có thể được thay đổi khi có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai Bên./The unit price may be changed when have agreement of the two Parties.

- Đơn giá trên chưa bao gồm VAT, bên mua hàng chịu trách nhiệm hoàn thành thủ tục Hải quan hai đầu xuất và nhập./ The above price does not include VAT, the buyer is responsible for completing the customs clearance import - export.

Điều 2: Các điều khoản khác / Article 2: Other provisions

- Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời và có giá trị như Hợp đồng số 20220422/HDXL-PL ngày 10 tháng 12 năm 2022./ This Appendix is an integral party and as valid as the contract No. 20210414/HDXL-PL dated December 10th, 2021;

- Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./ This Appendix takes effect from the date of signing;

- Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 bản song ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý làm cơ sở thực hiện. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng./ This Appendix is made into 04 copies bilingual - in Vietnamese & English - each side keeps 02 copies of equal value. In case of any difference, the Vietnamese copy shall be prevail.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chí Tông



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 03/ ANNEX CONTRACT NO 03.

(Kèm theo hợp đồng số: 20220422/HDXL-PL ngày 10 /12/2022)

(Attached Contract No: 20220422/HDXL-PL ngày 10 /12/2022)

- Căn cứ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu số 20220422/HDXL-PL ngày 10/12/2022, giữa CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM và Công ty CP Môi Trường Thuận Thành.

Based on waste collection, transportation, treatment & recycle purchasing Contract No. 20220422/HDXL-PL signed 10 /12/2022 between NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION and Thuan Thanh Environment JSC

- Căn cứ trên nhu cầu chất thải phát sinh thực tế.
Pursuant to actual arising waste during operation.
- Hôm nay, ngày 21/08/2024 tại trụ sở CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM. Chúng tôi gồm:

Today 21/08/2024 at Head office of NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION. We are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM.

PARTY A: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

- Địa chỉ: Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: Lot CN1-05-5, High-Tech Industrial Park 1, Hoa Lac High-Tech Park, Km 29 Thang Long Avenue, Thanh Hoa Commune, Thanh That District, Hanoi City, Vietnam

- Điện thoại/ Phone: 0243.223.3399 Fax:
- Mã số thuế/ Tax code: 0109149706
- Tài khoản số: 10105101, tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation- Chi nhánh Thành phố Hà Nội.

Account No: 10105101, at Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Hanoi Branch.

- Người đại diện/ Represented by: Ông/ Mr. YAMAOKA NAOTO
- Chức vụ/Title: Tổng giám đốc / General Director

BÊN B: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

PARTY B: THUAN THANH ENVIRONMENT JSC.

- Địa chỉ/Address: Khu phố Ngọc Khảm, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh/ Ngọc Kham quarter, Gia Dong ward, Thuan Thanh town, Bac Ninh Province
- Điện thoại/Phone: 0222.3.774998 Mã số thuế/ Tax code: 2300426314
- Tài khoản số/Account No: 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Bắc Ninh
- Đại diện/ Represented by: Ông/ Mr. ĐOÀN VĂN HỮU

- Chức vụ/Title: Phó Tổng Giám đốc/ Vice General Director

Đại diện theo Giấy ủy quyền số 01/MTTT-GUQ ký ngày 02/01/2024

(As Letter of attorney No: 01/MTTT-GUQ by legal representative of Thuan Thanh Environment JSC date sign 02/01/2024)

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung sau/ It has been mutually agreed to sign annex of contract as follows:

Bên A thuê Bên B xử lý chất thải và thu mua chất thải tái chế phát sinh ngoài phụ lục số 01 của hợp đồng số 20220422/HĐXL-PL ngày 10/12/2022 theo danh mục và đơn giá như sau:

Party A hires Party B to collect, treatment and purchase recycle waste which are not listed in annex No 01 of contract No. 20220422/HĐXL-PL signed 10/12/2022 according to the list and unit price as follows:

I. Danh mục và đơn giá xử lý chất thải

List and unit price of waste treatment:

TT No.	Danh mục chất thải xử lý Hazardous waste list	ĐVT Unit	Khối lượng Quantity	Đơn giá xử lý Treatment Price (VND)	Mã CTNH Hazardous waste code
1	Dầu thải (dầu động cơ, dầu làm mát, dầu tản nhiệt...) Oil waste (engine oil, coolant oil, ...)	Kg	1	2,000	17 02 03

II. Danh mục chất thải tái chế thu mua

Recycle waste list & purchasing price.

TT No.	Danh mục chất thải Recycle waste	ĐVT Unit	Khối lượng Quantity	Đơn giá thu mua Purchasing price (VND)	Ghi chú Remark
1	Dầu sau xử lý chất thải nguy hại Recycle waste after hazardous waste treatment.	Kg	1	4,000	
2	Phế liệu nhựa màu Recycle color plastic color	Kg	1	3,000	
3	Pallet nhựa Plastic pallet	Kg	1	5,000	
4	Phế liệu đồng Copper waste	Kg	1	150,000	
5	Phế liệu nhôm từ jig nhôm hỏng Aluminum scrap from broken aluminum jig	Kg	1	30,000	
6	Phế liệu sắt từ jig sắt hỏng Scrap iron from broken iron jig	Kg	1	6,000	

031
IG T
JPH
A TRI
HUA
T/M-

031.05
CÔNG
THI
CHAI
TẾT
THẤT

TT No.	Danh mục chất thải Recycle waste	ĐVT Unit	Khối lượng Quantity	Đơn giá thu mua Purchasing price (VND)	Ghi chú Remark
7	Phế liệu sắt lẫn nhựa Scrap iron and plastic	Kg	1	3,500	
8	Xốp phế liệu Scrap foam	Kg	1	4,000	

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT (nếu phát sinh theo quy định về thuế).
The above price excluded VAT (follows Tax law).
- Bên B cam kết rằng Bên B có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý, thu mua các chất thải thuộc bảng nêu trên theo quy định của pháp luật.
Party B hereby commits that it has full capacity in collecting, transporting, storing and treating & purchasing any types of waste as aforementioned in the table in accordance with relevant regulations.
- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số 20220422/HDXL-PL ngày 10/12/2022. Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản song ngữ, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.
This annex is an integral part of Contract No. 20220422/HDXL-PL signed 10/12/2022. This annex is made in 04 originals. Each party keeps 02 copies with equal availability of law.

CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG
VIỆT NAM
NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM
CORPORATION



YAMAOKA NAOTO

CÔNG TY
CÔNG PHÂN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH
THUAN THANH ENVIRONMENT ISC
(Ký và đóng dấu/ signe & Stamp)



ĐOÀN VĂN HỮU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

-----000-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 04/ ANNEX CONTRACT NO 04.

(Kèm theo hợp đồng số: 20220422/HDXL-PL ngày 10 /12/2022)

(Attached Contract No: 20220422/HDXL-PL ngày 10 /12/2022)

- Căn cứ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu số 20220422/HDXL-PL ngày 10 /12/2022, giữa CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM và Công ty CP Môi Trường Thuận Thành.

Based on waste collection, transportation, treatment & recycle purchasing Contract No. 20220422/HDXL-PL signed 10 /12/2022 between NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION and Thuận Thành Environment JSC

- Căn cứ trên nhu cầu chất thải phát sinh thực tế.
Pursuant to actual arising waste during operation.
- Hôm nay, ngày 01/10/2024 tại trụ sở CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM. Chúng tôi gồm:

Today 01/10/2024 at Head office of NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION. We are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM.

PARTY A: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

- Địa chỉ: Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: Lot CN1-05-5, High-Tech Industrial Park 1, Hoa Lac High-Tech Park, Km 29 Thang Long Avenue, Thạch Hoa Commune, Thạch Thất District, Hanoi City, Vietnam

- Điện thoại/ Phone: 0243.223.3399 Fax:
- Mã số thuế/ Tax code: 0109149706
- Tài khoản số: 10105101, tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation- Chi nhánh Thành phố Hà Nội.

Account No: 10105101, at Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Hanoi Branch.

- Người đại diện/ Represented by: Ông/ Mr. YAMAOKA NAOTO
- Chức vụ/Title: Tổng giám đốc / General Director

BÊN B: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

PARTY B: THUAN THANH ENVIRONMENT JSC.

- Địa chỉ/Address: Khu phố Ngọc Khâm, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
Ngoc Kham quarter, Gia Dong ward, Thuan Thanh town, Bac Ninh Province
- Điện thoại/Phone: 02223.774998 Mã số thuế/ Tax code: 2300426314
- Tài khoản số/Account No: 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Bắc Ninh
- Đại diện/ Represented by: Ông/ Mr. ĐOÀN VĂN HỮU
- Chức vụ/Title: Phó Tổng Giám đốc/ Vice General Director



Đại diện theo Giấy ủy quyền số 01/MTTT-GUQ ký ngày 02/01/2024

(As Letter of attorney No: 01/MTTT-GUQ by legal representative of Thuan Thanh Environment JSC date sign 02/01/2024)

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung với nội dung sau/ It has been mutually agreed to sign annex of contract as follows:

Bên A đồng ý cho Bên B thu mua chất thải tái chế phát sinh ngoài phụ lục số 01,02,03 của hợp đồng số 20220422/HĐXL-PL ngày 10 /12/2022 theo danh mục và đơn giá như sau:

Party A agreed with Party B to collect and purchase recycle waste which are not listed in annex No 01,02,03 of contract No. 20220422/HĐXL-PL signed 10 /12/2022 according to the list and unit price as follows:

I. Danh mục chất thải tái chế thu mua

Recycle waste list & purchasing price.

TT No.	Danh mục chất thải Recycle waste	ĐVT Unit	Khối lượng Quantity	Đơn giá thu mua Purchasing price (VND)	Ghi chú Remark
1	Phế liệu Mút xốp màu Color PE Foam recycle	Kg	1	4,500	
2	Phế liệu Mút Xốp trắng White PE Foam recycle	Kg	1	9,000	
3	Phế liệu Nilon xốp hơi có màu Color bubble nylon recycle	Kg	1	3,000	
4	Phế liệu Giấy trắng White pelure paper waste	Kg	1	1,000	

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT (nếu phát sinh theo quy định về thuế).

The above price excluded VAT (follows Tax law).

- Bên B cam kết rằng Bên B có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý, thu mua các chất thải thuộc bảng nêu trên theo quy định của pháp luật.

Party B hereby commits that it has full capacity in collecting, transporting, storing and treating & purchasing any types of waste as aforementioned in the table in accordance with relevant regulations.

- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số 20220422/HĐXL-PL ngày 10 /12/2022. Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản song ngữ, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

This annex is an integral part of Contract No. 20220422/HĐXL-PL signed 10 /12/2022. This annex is made in 04 originals. Each party keeps 02 copies with equal availability of law.

CÔNG TY
CÔNG PHÁN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH
THUAN THANH ENVIRONMENT JSC

(Ký và đóng dấu/ signe & Stamp)



CÔNG TY
TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM
NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

(Ký và đóng dấu/ signe & Stamp)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 05/ ANNEX CONTRACT NO 05.

(Kèm theo hợp đồng số: 20220422/HĐXL-PL ngày 10 /12/2022)

(Attached Contract No: 20220422/HĐXL-PL ngày 10 /12/2022)

- Căn cứ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu số 20220422/HĐXL-PL ngày 10 /12/2022, giữa CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM và Công ty CP Môi Trường Thuận Thành.

Based on waste collection, transportation, treatment & recycle purchasing Contract No. 20220422/HĐXL-PL signed 10 /12/2022 between NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION and Thuan Thanh Environment JSC

- Căn cứ trên nhu cầu chất thải phát sinh thực tế.
Pursuant to actual arising waste during operation.

- Căn cứ theo phụ lục 02 ký ngày 10/12/2022/
Pursuant to Appendix 02 signed on 10/12/2022

- Hôm nay, ngày/...../2025 tại trụ sở CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM. Chúng tôi gồm:

Today/...../2025 at Head office of NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION
We are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM.

PARTY A: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

- Địa chỉ: Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Address: Lot CN1-05-5, High-Tech Industrial Park 1, Hoa Lac High-Tech Park, Km 29 Thang Long Avenue, Hoa Lac Commune, Hanoi City, Vietnam

- Điện thoại/ Phone: 0243.223.3399 Fax:

- Mã số thuế/ Tax code: 0109149706

- Tài khoản số: 10105101, tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation- Chi nhánh Thành phố Hà Nội.

Account No: 10105101, at Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Hanoi Branch.

- Người đại diện/ Represented by: Ông/ Mr. YAMAOKA NAOTO

- Chức vụ/Title: Tổng giám đốc/ General Director

BÊN B: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

PARTY B: THUAN THANH ENVIRONMENT JSC.

- Địa chỉ/Address: Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, Phân Khu B, Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/ CN6 street, Thuan Thanh 3 Industrial Park, B Zone, Thuan Thanh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam.

- Điện thoại/Phone: 0222.3.774998

Mã số thuế/ Tax code: 2300426314

- Tài khoản số/Account No: 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Bắc Ninh
- Đại diện/ Represented by: Ông/ Mr. ĐOÀN VĂN HỮU
- Chức vụ/Title: Phó Tổng Giám đốc/ Vice General Director

Đại diện theo Giấy ủy quyền số 01/MTTT-GUQ ký ngày 02/01/2024

(As Letter of attorney No: 01/MTTT-GUQ by legal representative of Thuan Thanh Environment JSC date sign 02/01/2024)

Hai bên đồng ý điều chỉnh phụ lục số 02 như sau:

The two parties agree to adjust Appendix 02 as follows:

STT/No.	Danh mục/List	ĐVT/ Unit	Đơn giá/Unit price (VNĐ/Kg)	Ghi chú/ Note
1	Phế liệu gỗ/Wood scraps	Kg	500	
2	Bìa carton/Carton	Kg	2.500	
3	Sắt phế liệu/Scrap iron	Kg	6.500	
4	Phế liệu nhựa khay/Tray plastic scraps	Kg	8.000	
5	Phế liệu Nilon sạch/ Scrap nylon	Kg	11.000	

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT (nếu phát sinh theo quy định về thuế)/ The above price excluded VAT (follows Tax law)
- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày 1/9/2025 thay thế hoàn toàn cho phụ lục số 02 ký ngày 10/12/2022.

This Appendix takes effect from 01/09/2025, completely replacing Appendix No. 02 signed on 10/12/2022

- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số 20220422/HĐXL-PL ngày 10/12/2022. Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản song ngữ, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

This annex is an integral part of Contract No. 20220422/HĐXL-PL signed 10/12/2022. This annex is made in 04 originals. Each party keeps 02 copies with equal availability of law.

CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG
VIỆT NAM NIDEC CHAUN CHOUNG
VIETNAM CORPORATION
 (Ký và đóng dấu/ signe & Stamp)



TỔNG GIÁM ĐỐC
YAMAOKA NAOTO

YAMAOKA NAOTO

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN
THÀNH
THUAN THANH ENVIRONMENT JSC
 (Ký và đóng dấu/ signe & Stamp)



ĐOÀN VĂN HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
-----o0o-----

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 06
/ ANNEX CONTRACT NO 06

(Kèm theo hợp đồng số: 20220422/HĐXL-PL ngày 10/12/2022)
(Attached Contract No: 20220422/HĐXL-PL date 10/12/2022)

- Căn cứ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu số 20220422/HĐXL-PL ngày 10/12/2022, giữa CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM và Công ty CP Môi Trường Thuận Thành.

Based on waste collection, transportation, treatment & recycle purchasing Contract No 20220422/HĐXL-PL signed 10/12/2022 between NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION and Thuan Thanh Environment JSC

- Căn cứ trên nhu cầu chất thải phát sinh thực tế.
Pursuant to actual arising waste during operation.

Hôm nay, ngày 25/03/2026 tại trụ sở CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM. Chúng tôi gồm:

Today 25/03/2026 at Head office of NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION.
We are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM.

PARTY A: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

- Địa chỉ: Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc, Km 29 Đại Lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Address: CN1-05-5 Lot, High-Tech Industrial Park 1, part of Hoa Lac High-Tech Park, Km 29 Thang Long Boulevard, Hoa Lac Commune, Hanoi City, Vietnam.
- Điện thoại/ Phone: 0243.223.3399 Fax:
- Mã số thuế/ Tax code: 0109149706
- Tài khoản số: 10105101, tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation- Chi nhánh Thành phố Hà Nội.

Account No: 10105101, at Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Hanoi Branch.

- Người đại diện/ Represented by: Ông/ Mr. YAMAOKA NAOTO
- Chức vụ/ Title: Tổng giám đốc/ General Director

BÊN B: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH

PARTY B: THUAN THANH ENVIRONMENT JSC.

- Địa chỉ: Đường CN6 KCN Thuận Thành 3, Phần Khu B, Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Address: CN6 Street, Thuan Thanh 3 Industrial Park, Sub-zone B, Thuan Thanh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam.
- Điện thoại/ Phone: 0222.3.774998 Mã số thuế/ Tax code: 2300426314
- Tài khoản số/ Account No: 0351000699616 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Bắc Ninh
- Đại diện/ Represented by: Ông/ Mr. ĐOÀN VĂN HỮU
- Chức vụ/ Title: Phó Tổng Giám đốc/ Vice General Director



Đại diện theo Giấy ủy quyền số 25/GUQ-MTTT ký ngày 12/03/2026

(As Letter of attorney No: 25/GUQ-MTTT by legal representative of Thuan Thanh Environment JSC date sign 12/03/2026)

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung sau

It has been mutually agreed to sign annex of contract as follows:

Bên A thuê Bên B xử lý chất thải và thu mua chất thải tại chỗ phát sinh ngoài phụ lục số 01,02,03, 04,05 của hợp đồng số 20220422/HĐXL-PL ngày 10 /12/2022 theo danh mục và đơn giá theo báo giá số 6-2/2026 như sau:

Party A hires Party B to treat waste and purchase recyclable waste generated outside Appendices No. 01, 02, 03, 04,05 of Contract No. 20220422/HĐXL-PL dated December 10, 2022, according to the categories and unit prices in Quotation No. 6-2/2026 as follows:

I. Danh mục chất thải Bên A thuê Bên B xử lý theo luật:

List of waste for which Party A hires Party B to handle and treat as legal:

1. Danh mục chất thải nguy hại:

The list of hazardous waste:

TT No.	Danh mục chất thải nguy hại Hazardouse waste	ĐVT Unit	Khối lượng Quantity	Đơn giá xử lý Treatement price (VND)	Mã chất thải Hazardouse waste code	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường Common physical state	Ký hiệu phân loại Classification code
1	Nhũ tương và dung dịch thải không có hợp chất halogen hữu cơ từ quá trình gia công tạo hình (Dầu làm mát lẫn nước phát sinh từ công đoạn gia công CNC) Machining emulsions and solutions free of halogens (Coolant oil mixed with water generated from the CNC machining process)	Kg	1	3,000	07 03 04	Lỏng Liquid	NH

2. Danh mục chất thải công nghiệp thông thường xử lý:

The list of industrial solid waste treatment:

TT No.	Danh mục chất thải công nghiệp thông thường xử lý Industrial solid waste treated	ĐVT Unit	Khối lượng Quantity	Đơn giá xử lý Treatement price (VND)	Mã chất thải Hazardouse waste code	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường Common physical state	Ký hiệu phân loại Classification code
1	Vật liệu lót và chịu lửa thải gốc cacbon (tấm than chì sạch) từ quá trình lò sintering Carbon-based refractory and lining materials waste (clean graphite base) from the sintering furnace process.	Kg	1	3,500	19 11 04	Rắn Solid	TT

II. Danh mục chất thải tái chế thu mua sau xử lý chất thải nguy hại:

Recycle waste list & purchasing price after treatment hazardous waste.

TT No.	Danh mục chất thải <i>Recycle waste</i>	ĐVT <i>Unit</i>	Khối lượng <i>Quantity</i>	Đơn giá thu mua/Kg <i>Purchasing price/Kg (VND)</i>	Ghi chú <i>Remark</i>
1	Phoi phế liệu sau xử lý chất thải nguy hại <i>Recycle metal chips after hazardous waste treatment</i>	Kg	1	5,000	

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT (nếu phát sinh theo quy định về thuế).
The above price excluded VAT (follows Tax law).
- Bên B cam kết rằng Bên B có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý, thu mua các chất thải thuộc bảng nêu trên theo quy định của pháp luật.
Party B hereby commits that it has full capacity in collecting, transporting, storing and treating & purchasing any types of waste as aforementioned in the table in accordance with relevant regulations.
- Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của hợp đồng số 20220422/HDXL-PL ngày 10/12/2022. Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản song ngữ, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

This contract appendix takes effect from the date of signing and is an integral part of Contract No. 20220422/HDXL-PL dated December 10, 2022. This appendix is made in 04 bilingual copies, with each party retaining 02 copies of equal legal validity.

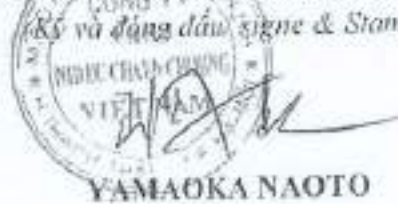
CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THUẬN THÀNH
THUAN THANH ENVIRONMENT JSC

Ký và đóng dấu (signe & Stamp)


ĐOÀN VĂN HỮU

CÔNG TY
TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM
NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

Ký và đóng dấu (signe & Stamp)


YAMAOKA NAOTO



**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT
SERVICE CONTRACT
COLLECTION, TRANSPORTATION AND TREATMENT WASTE**

Số/No.: 2023/0701/HDDV/NCCV-HHPD/2023

- Căn cứ bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Pursuant to the Civil Code No. 91/2015/QH13 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 24, 2015 and took effect from January 1, 2017;

- Căn cứ Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Pursuant to Decision No. 16/2013/QĐ-UBND dated June 3, 2013 of Hanoi People's Committee on promulgating regulations on common solid waste management in Hanoi city;

- Căn cứ điều 14 nghị định 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của chính phủ về việc ban hành quy chế khu công nghệ cao;

Pursuant to Article 14 of Decree 99/2003/NĐ-CP dated August 28, 2003 of the government promulgating the regulation on high-tech park;

- Căn cứ Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Pursuant to Decision 54/2016/QĐ-UBND dated December 31, 2016 of the People's Committee of Hanoi City on promulgating prices for domestic waste collection and transportation services and environmental sanitation service charges for quality ordinary industrial solid waste in Hanoi city;

- Căn cứ Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Pursuant to the Decision 26/2018/QĐ-UBND dated November 2, 2018 of the Hanoi People's Committee on amending the Decision 54/2016/QĐ-UBND dated December 31, 2016 of the Hanoi People's Committee issued service charge for collection and transportation of daily-life waste, price of environmental sanitation service for ordinary industrial solid waste in the area of Hanoi city;

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực thực hiện của hai bên.

Trang 1 of 1

Prosumed to the demand of waste collection, transportation & treatment from both sides

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2023, tại Công ty TNHH Nidec Chaun Choung Việt Nam; Chúng tôi gồm:

Today, 2023 Jul 1st, at Nidec Chaun Choung Vietnam Corporation. We are:

BÊN A : CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM,

PARTY A : NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

Địa chỉ/Address : Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1 thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Land lot CN1-05-5, Hi-tech Industrial Zone 1 of Hòa Lạc Hi-tech Park, Km29 Thang Long Highway, Thạch Hoa commune, Thạch Thai district, Hanoi, Vietnam;

Điện thoại/Tel: : +(84-24) 32233399

**Mã số thuế
Tax code :** 0109149706

Đại diện : Ông / Mr. HSIEH CHI FENG

Representative Chức vụ/Position : Tổng Giám đốc/General Director

BÊN B : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC.

PARTY B HOA LAC HI-TECH PARK DEVELOPMENT ONE-MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY (Brief name: HHPD Co., Ltd)

Địa chỉ : Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Km 29, Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hòa, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.
Address

**Điện thoại
Tel :** (024) 6668 8811

**Mã số thuế
Tax code :** 0100508439

Tài khoản : 0721100395001 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sơn Tây –PGD Khu CN&C Hòa Lạc.

Bank Account 0721100395001 at Military-Commercial Joint Stock Bank – Sơn Tây Branch – Hoa Lac Hi-Tech Park Transaction Office.

Đại diện : Ông/Mr Khúc Minh Thái

Representative : Chức vụ/Position: Giám Đốc TT QLHT HHPD/Director

(Theo văn bản ủy quyền số 65/VBUQ-TCHC ngày 01/06/2021 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.)

(According to the authorization document No. 65/VBUQ-TCHC dated June 1, 2021 of the General Director of Hoa Lac Hi-Tech Park Development One Member Co., Ltd.)

Page 2 of 3

NCCV-HHPD waste treatment contract 2023/07/01

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với các điều khoản dưới đây:

The two parties agree to sign a service contract of collection, transportation and treatment of domestic waste with the following terms:

Điều 1. Nội dung của hợp đồng/Article 1. Contents of the contract

Bên A đồng ý thuê và Bên B (là công ty hợp pháp được phép thu gom rác thải sinh hoạt theo quy định) đồng ý thực hiện việc thu gom rác thải sinh hoạt tại điểm tập kết rác của Bên A, vận chuyển đến nơi xử lý rác quy định của Thành phố Hà Nội.

Party A agrees to hire and Party B (which is a legal company authorized to collect domestic waste according to regulations) agrees to collect domestic waste at Party A's garbage collection point, transport it to Waste treatment according to regulations of Hanoi City.

Điều 2. Địa điểm, thời gian thực hiện/Article 2. Place and time of implementation

- Địa điểm thu gom rác tại: Tại Công ty TNHH Nidec Chau Choung Việt Nam - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội.

Location at: At Nidec Chau Choung Vietnam Corporation - Hoa Lac Hi-Tech Park, Km29 Thang Long Highway, Thach Hoa Commune, Thach That District, Hanoi City.

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày hai bên ký hợp đồng.

Start time: Starting from after both parties signed contract date.

- Bên B thực hiện việc thu gom rác 2 lần/tuần vào các ngày thứ 3 và thứ 6 hàng tuần (trừ lễ, tết).

Party B collects waste twice a week on Tuesday and Friday (except holidays and Tet holiday).

Điều 3. Giá cả/Article 3. The price

Sr No	Danh mục dịch vụ Item	DVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá (đồng) Unit price (VND)	Thành tiền đồng Amount (VND)	Ghi chú Note
1	Đối với Khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải hàng tháng dưới 10 m ³ <i>With quantity lower than 10m³ monthly</i>	Tháng <i>month</i>	<10m ³	2.000.000	2.000.000	Giá cố định cho 1 tháng <i>The price fix for 1 month</i>
2	Đối với Khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải hàng tháng từ 10 m ³ trở lên <i>With quantity larger than 10m³ monthly</i>	m ³	1	208.000	208.000	

- Đơn giá đã bao gồm thuế GTGT 10% (nếu có)/The prices are inclusive of 10% VAT (if any).

* Giá trị của hợp đồng sẽ thay đổi khi/The value of the contract will change when:

F

- UBND Thành phố Hà Nội hoặc cấp có thẩm quyền tương đương điều chỉnh về đơn giá thu gom xử lý rác thải trên địa bàn từ 10% trở lên thì giá trị của hợp đồng sẽ tăng hoặc giảm tương ứng theo đơn giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

If the Hanoi People's Committee or equivalent competent authority adjusts the unit price of waste collection and treatment in the area from 10% or more, the contract value will increase or decrease accordingly according to the unit price already granted, approved by competent authorities.

- Khi tổng khối lượng rác thải thu gom trong tháng của bên A tăng hoặc giảm từ 10% trở lên, hai Bên sẽ đàm phán và điều chỉnh giá trị của hợp đồng theo khối lượng.

When the total volume of waste collected in the month of Party A increases or decreases by 10% or more, the two Parties will negotiate and adjust the value of the contract according to the volume.

- Mọi thay đổi liên quan đến đơn giá và giá trị hợp đồng sẽ được quy định tại phụ lục hợp đồng do hai bên ký.

Any changes related to the unit price and contract value will be stipulated in the contract appendix signed by both parties.

Điều 4. Phương thức thanh toán/Article 4. Payment method

4.1. Thời gian thanh toán: Thanh toán theo kỳ 03 tháng/lần. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ từ Bên B bao gồm: Đề nghị thanh toán, Biên bản nghiệm thu (theo kỳ), Hóa đơn giá trị gia tăng (theo kỳ).

Payment time: Payment in 3 months/times. Party A will pay Party B within 30 days from the date Party A receives a full set of valid payment documents from Party B including: Payment request, Minutes of acceptance (periodically), E-Invoice (by period).

- Bên A thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản./Party A pays Party B by bank transfer.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng/Currency: VND

4.2. Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm vượt quá một (01) tháng: Bên A phải chịu mức phạt bằng tỷ lệ lãi suất cho doanh nghiệp vay theo năm do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) công bố tại thời điểm thanh toán cho số ngày quá hạn (vượt quá một tháng) trên số tiền thanh toán chậm.

In case Party A makes late payment for more than one (01) month, Party A must pay a penalty equal to the annual loan interest rate announced by Military Commercial Joint Stock Bank (MB) at the time of payment, payment for the number of days past due (in excess of one month) on the late payment amount.

Điều 5. Hiệu lực hợp đồng/Article 5. Contract validity

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực một (01) năm kể từ ngày ký và sẽ được tự động gia hạn hàng năm nếu một trong hai bên không có thông báo bằng văn bản cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng trong vòng mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn hợp đồng.

This contract is valid for one (01) year from the date of signing and will be automatically renewed annually if either party fails to give written notice to the other party of the termination of the contract within fifteen (15) years, 151 days before the contract expiration date.

5.2. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, bên nào vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

The two parties commit to fully implement the terms stated in this contract, whoever violates the contract will be responsible before the law.

5.3. Khi một trong hai Bên yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn cần báo cho Bên còn lại trước một (01) tháng và có sự đồng ý, thống nhất chấm dứt hợp đồng trước thời hạn của hai bên bằng văn bản.

When either Party requests to terminate the contract before the deadline, it is necessary to notify the other Party one (01) month in advance and have the consent and agreement to terminate the contract before the time limit of both parties in writing

Điều 6. Trách nhiệm của các bên/Article 6. Responsibilities of the parties

6.1. Trách nhiệm của bên A/Responsibility of Party A:

- Trang bị đầy đủ dụng cụ thu chứa rác thải hợp vệ sinh và phải phân loại rác thải đảm bảo không lẫn các loại rác thải công nghiệp nguy hại, rác thải y tế, phế thải xây dựng...vào rác thải sinh hoạt.

Fully equipped with sanitary waste collection equipment and must classify waste to ensure that hazardous industrial wastes, medical wastes, construction wastes, etc., are not mixed into domestic waste.

- Tập kết rác thải về đúng nơi quy định theo thống nhất của hai bên.

Collect waste to the right place according to the agreement of both parties

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để lao động, phương tiện của bên B ra vào thu gom rác thải sinh hoạt tại địa điểm tập kết rác thải của bên A.

Create all favorable conditions for Party B's laborers and vehicles to enter and collect domestic waste at Party A's waste gathering place.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí và đúng thời hạn như đã thỏa thuận/Pay in full and on time as agreed.

- Phối hợp với bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Coordinate with Party B to solve problems arising during the implementation process.

6.2. Trách nhiệm của bên B/Responsibility of Party B:

- Bố trí nhân công, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt từ địa điểm tập kết của bên A đến nơi xử lý rác quy định của thành phố Hà Nội.

Arrange workers and vehicles to collect and transport domestic waste from the gathering place of Party A to the waste treatment place specified in Hanoi city.

- Phải vệ sinh khu vực xung quanh bãi chôn rác cho sạch sẽ, tránh trường hợp rác xung quanh gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến môi trường.

The area around the garbage dump must be cleaned to avoid the surrounding garbage causing unsightly and affecting the environment.

- Cung cấp hóa đơn, chứng từ hợp lệ để làm cơ sở cho việc thanh toán khối lượng, giá trị hợp đồng.

Provide valid invoices and documents to serve as the basis for payment of contract volume and value.

- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Take responsibility for labor safety, traffic safety and environmental sanitation during the contract performance.

- Cung cấp các bằng chứng xử lý rác thải cho bên A khi bên A cần để lưu giữ và cung cấp cho hoạt động đối ứng khách hàng/ISO kiểm tra (khi cần).

Provide evidence of waste treatment to Party A when it is needed by Party A to keep and provide for customer/ISO reciprocal activities (when needed).

- Bên B chịu trách nhiệm chuyên công văn dự kiến xuất phế thải và công văn chính thức đề nộp cho cơ quan Hải Quan. Sau đó nhận Biên bản giám sát từ Hải Quan bàn giao lại cho Bên A (nếu có).

Party B shall deliver the proposal draft of wastes export and the official documents to the Customs Department. Then it shall receive the Report of inspection from the Customs Department and send such Report to party A (if any).

- Phối hợp với bên A giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Coordinate with Party A to solve problems arising during implementation.

Điều 7. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp/Article 7. Applicable law and dispute settlement

7.1. Luật áp dụng trong Hợp đồng này là Luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

The applicable law in this Agreement is the Law of the Socialist Republic of Vietnam.

7.2. Trong trường hợp có tranh chấp xuất phát từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, hai Bên sẽ cố gắng giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải.

In the event of a dispute arising out of or related to this Contract, the two Parties shall endeavor to resolve it through negotiation and conciliation.

7.3. Trong trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày một Bên gửi văn bản yêu cầu Bên kia giải quyết tranh chấp thì các Bên có quyền đưa tranh chấp ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Quyết định của Trọng tài sẽ là chung thẩm và có giá trị bắt buộc đối với các Bên. Phí trọng tài và/hoặc các chi phí khác có liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu. Địa điểm giải quyết tranh chấp là cơ quan trọng tài tại Hà Nội, Việt

Nam, ngôn ngữ sử dụng là Tiếng Việt.

In case the dispute cannot be resolved by negotiation or conciliation within thirty (30) days from the date one Party sends a written request to the other Party to settle the dispute, the Parties have the right to bring the dispute to the Center. Vietnam International Arbitration beside the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) in accordance with the Arbitration Rules of this Center. The Arbitrator's decision will be final and binding on the Parties. Arbitration fees and/or other related costs shall be borne by the losing Party. The place of dispute settlement is an arbitration agency in Hanoi, Vietnam, the language spoken is Vietnamese.

- Điều 8: Bất khả kháng / Article 8: Force majeure

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì :

Force majeure events are the ones occurred objectively and out of the parties's control such as: earthquake, storm, flood, tsunami, landslides, fire, wars or war risks ...and unforeseeable events, policies change of any prohibitions of Vietnam competent authorities. In case of any force majeure events:

1. Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách để tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ:

Two parties shall make the discussion to settle any difficulties and provide the convenience to each other in the support spirit.

2. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế (giảm) những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra:

Two parties shall make suitable prevention measures and necessary replacement measures to minimize any affect of force majeure events:

3. Thông báo ngay cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết:

Either party shall promptly inform the other party at any occurrence of force majeure events for settlement coordination:

Điều 9. Các điều khoản khác / Article 9. General Terms

8.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký.

The Contract takes effect from the date of signing by authorized representatives of both Parties.

8.2. Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các Bên. Mọi sửa đổi và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Bản sửa đổi bổ sung này sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký.

If there are points in this Contract that lose their legal effect, the remainder of the Contract will still be valid and binding on the Parties. Any amendments and supplements to this Agreement shall be effective only when made in writing and fully signed by authorized representatives of both Parties. This amendment shall be deemed to be an integral part of the Contract and shall take effect from the date of signing by both Parties.

8.3. Không bên nào được phép chuyển nhượng bản Hợp đồng này hay bất cứ quyền và nghĩa vụ nào ở đây nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.

Neither party may assign this Agreement or any of its rights and obligations hereunder without the prior written consent of the other Party.

8.4. Hợp đồng này gồm 08 trang được làm thành bốn (04) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên hai (02) bản để thực hiện./.

This contract consists of 08 pages made into four (04) originals in Vietnamese with the same legal value. Each Party two (02) copies for implementation./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PARTY A

TỔNG GIÁM ĐỐC
[Signature]

ĐẠI DIỆN BÊN B
PARTY B

TỔNG GIÁM ĐỐC
[Signature]
KHUẾ MINH THÁI

[Handwritten signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG/ CONTRACT ANNEX

Số: 01/2025/PLHD/NCCV-HHPD

(Về việc sửa đổi bổ sung Hợp đồng dịch vụ số 20230701/HDDV/NCCV-HHPD/2023 ký ngày
01/07/2023 và phụ lục số 01 ký ngày 06/06/2024)

(Regarding the amendment and supplementation of Service Contract No.
20230701/HDDV/NCCV-HHPD/2023 dated 01st July 2023, and Annex No. 01 06th June, 2024)

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số 20230701/HDDV/NCCV-HHPD/2023 ký ngày 01/07/2023 và phụ lục số 01 ký ngày 06/06/2024) giữa Công ty TNHH Nidec Chaun chuong Việt Nam và Công Ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc "về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại Công ty TNHH Nidec Chaun chuong Việt Nam, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc".

Pursuant to The Contract No. 20230701/HDDV/NCCV-HHPD/2023 dated July 1st, 2023 and the Annex No.01 dated 06th June 2024, entered into between Nidec Chaun Choung Vietnam Corporation and Hoa Lac Hi-Tech Park Development One Member Limited Liability Company, regarding the collection, transportation, and treatment of household solid waste at Nidec Chaun Choung Vietnam Corporation., Hoa Lac Hi-Tech Park

- Căn cứ quyết định 4996/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2027.

Pursuant to Decision No. 4996/QĐ-UBND dated October 6, 2025 of the Hanoi People's Committee on the promulgation of specific prices for household solid waste collection, transportation, and treatment services applicable to agencies, organizations, production and business establishments, service providers, concentrated production-business-service zones, industrial clusters, households, and individuals within the territory of Hanoi City for the 2026–2027 period

Căn cứ chức năng, quyền hạn và nhu cầu của hai bên.

Based on the functions, powers, and needs of both parties.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, TP Hà Nội, Chúng tôi gồm:

Today, 31....December 2025, at Hoa Lac Hi-Tech Park, Hoa Lac Commune, Hanoi City, we consist of:

BÊN A: CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM.

PARTY A: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION

Đại diện: Ông Yamaoka Naoto Chức vụ: Tổng Giám đốc
Represented by: Mr. Yamaoka Naoto Position: General Director
Địa chỉ: Lô CN1-05-5, Khu Công nghiệp Công nghệ cao I thuộc Khu Công nghệ
Address: cso Hòa Lạc, Km 29 Đại lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam.
Lot CN1-05-5, High-Tech Industrial Park No. 1, Hoa Lac Hi-Tech Park,
Km 29 Thang Long Boulevard, Hoa Lac Commune, Hanoi City, Vietnam.
Điện thoại/Tel: +(84-24) 32233399
Mã số thuế/ Tax code: 0109149706

**BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ
CAO HÒA LẠC**

**PARTY B: HOA LAC HI-TECH PARK DEVELOPMENT ONE MEMBER LIMITED
LIABILITY COMPANY**

Đại diện: Ông Nguyễn Trường Giang
Represented by:
Chức vụ: Giám đốc TT QLHT HHPD
Position: Director of the Hoa Lac Hi-Tech Park Management and Operation Center
(HHPD)

(Theo văn bản ủy quyền số 90/VBUQ-TCHC ngày 01/07/2025 của Phó Tổng Giám đốc Công ty
TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.)

(According to the authorization document No. 90/VBUQ-TCHC dated July 1, 2025, issued by the
Deputy General Director of Hoa Lac Hi-Tech Park Development One Member Limited Liability
Company.)

Địa chỉ/ Address: Khu CNC Hòa Lạc, Km 29, Đại lộ Thăng Long, Xã Hòa Lạc, TP Hà Nội
Hoa Lac Hi-Tech Park, Km 29 Thang Long Boulevard, Hoa Lac Commune,
Hanoi City

Điện thoại/Tel: 024.66688811 Fax : 02466688111

Tài khoản số: 0721100395001

Bank account
No.

Tại /At: Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Sơn Tây – PGD Khu CNC Hòa Lạc
Military Commercial Joint Stock Bank – Son Tay Branch – Hoa Lac Hi-Tech
Park Transaction Office

Mã số thuế
Tax code : 0100508439

Các bên cùng nhất trí ký kết phụ lục sửa đổi thông tin của hợp đồng số 20230701/HĐDV/NCCV-HHPD/2023 ký ngày 01/07/2023 và phụ lục số 01 ký ngày 06/06/2024 để phù hợp theo quyết định 4996/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội như sau:

The parties hereby agree to execute an addendum to amend the information of Service Contract No. 20230701/HĐDV/NCCV-HHPD/2023 dated July 1, 2023, and Annex No. 01 dated June 6, 2024, in accordance with Decision No. 4996/QĐ-UBND dated October 6, 2025, of the Hanoi People's Committee, as follows:

Điều 1: Đơn giá và phạm vi công việc:

Article 1: Unit Price and job scope

STT No	Danh mục dịch vụ Item	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá (VNĐ) Unit price (VND)	Ghi chú Note
1	Chi phí thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh khu vực bãi chứa rác áp dụng cho khối lượng rác sinh hoạt trong 01 tháng từ 01 kg đến 4.199 kg <i>The cost of collection, transportation, and treatment of municipal solid waste, and cleaning of the waste storage area, applicable to a monthly volume of household waste ranging from 1 kg to 4,199 kg.</i>	Tháng Month	1	2,000,000	Đơn giá thỏa thuận giữa Bên A và Bên B <i>Unit price agreed upon by Party A and Party B</i>

- Đơn giá đã bao gồm thuế VAT (nếu có).

The unit price includes VAT (if any).

Điều 2. Điều khoản chung

- Phụ lục có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026.

This ANNEX will effective from 01st Jan 2026

- Các quy định khác: tuân thủ theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng dịch vụ số 20230701/HĐDV/NCCV-HHPD/2023 ký ngày 01/07/2023 và phụ lục số 01 ký ngày 06/06/2024 đã được hai Bên ký kết.

Other provisions: strictly comply with the terms and conditions of Service Contract No. 20230701/HĐDV/NCCV-HHPD/2023 dated July 1, 2023, and annex No. 01 dated June 6, 2024, which have been duly executed by both Parties

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong phụ lục hợp đồng này.

Both Parties commit to strictly comply with the provisions stipulated in this Contract annex

- Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 bản gốc, Bên A giữ 02 bản gốc, Bên B giữ 02 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau.

This Annex is made in four (04) original copies; Party A shall retain two (02) originals and Party B shall retain two (02) originals, all of which have equal legal validity.

ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENTATIVE OF PARTY A


YAMAOKA NAOTO

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENTATIVE OF PARTY B


NGUYỄN TRƯỜNG GIANG





TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ NHÀ MÁY (F1)		
I	X=2322712.00	Y=555047.54
II	X=2322761.41	Y=555167.81
III	X=2322826.18	Y=555141.21
IV	X=2322776.80	Y=555020.92
V	X=2322767.01	Y=555098.48
VI	X=2322744.84	Y=555007.59
VII	X=2322723.72	Y=555107.61
VIII	X=2322750.31	Y=555172.37
TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ NHÀ BẢO VỆ (3)		
I-1	X=2322702.34	Y=555889.77
II-1	X=2322703.89	Y=555893.54
III-1	X=2322707.60	Y=555891.97
IV-1	X=2322706.09	Y=555886.23
TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ PHÒNG BƠM VÀ BỂ NƯỚC (4)		
I-2	X=2322729.63	Y=555885.10
II-2	X=2322734.76	Y=555887.59
III-2	X=2322762.51	Y=555886.18
IV-2	X=2322757.33	Y=555873.88

TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI S1		
I-3	X=2322768.61	Y=555973.67
II-3	X=2322771.87	Y=555981.63
III-3	X=2322785.93	Y=555975.85
IV-3	X=2322782.67	Y=555967.90
TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SX (B)		
I-4	X=2322807.45	Y=555959.36
II-4	X=2322810.17	Y=555965.85
III-4	X=2322821.73	Y=555961.39
IV-4	X=2322818.43	Y=555954.87

TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ NHÀ ĐỂ KHÍ NHỎ, ARGON, H2 CHO SX (C)		
I-5	X=2322820.71	Y=555984.73
II-5	X=2322826.30	Y=555990.32
III-5	X=2322843.89	Y=555992.27
IV-5	X=2322841.39	Y=555982.05
V-5	X=2322836.35	Y=555980.05

LAND SCHEDULE / BẢNG THỐNG KÊ SÀO		
LAND AREA / DIỆN TÍCH SÀO	68,798 m ²	
SEAL AREA PHASE 1 / DIỆN TÍCH MẶT SÀO 1	26,235.86 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	11,470.07 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	24,800.24 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	21,312.84 m ²	
FL / TẦNG 1	5,128.62 m ²	
2FL / TẦNG 2	5,128.62 m ²	
ROOF / TẦNG LƯNG	5,128.62 m ²	
ROOF / TẦNG LƯNG	47,133.48 m ²	
GRAND HOUSE 1 / NHÀ ĐỂ KHÍ 1	22,715 m ²	
GRAND HOUSE 1 / NHÀ ĐỂ KHÍ 1	11,355 m ²	
TRIT / TẦNG 1	4,440 m ²	
CANOPY / MÀNG DƯỚI	6,775 m ²	
PUMP ROOM / PHÒNG BƠM	74.80 m ²	
PUMP ROOM / PHÒNG BƠM	48.50 m ²	
SEAL PUMP / NHÀ ĐỂ KHÍ NHỎ	805.10 m ²	
SEAL PUMP / NHÀ ĐỂ KHÍ NHỎ	825.90 m ²	
SEAL PUMP / NHÀ ĐỂ KHÍ NHỎ	805.10 m ²	
SEAL PUMP / NHÀ ĐỂ KHÍ NHỎ	825.90 m ²	
SEAL PUMP / NHÀ ĐỂ KHÍ NHỎ	805.10 m ²	
SEAL PUMP / NHÀ ĐỂ KHÍ NHỎ	825.90 m ²	

BẢNG THỐNG KÊ SÀO		
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	11,470.07 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	24,800.24 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	21,312.84 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	21,312.84 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	21,312.84 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	21,312.84 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	21,312.84 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	21,312.84 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	21,312.84 m ²	
SEAL AREA / DIỆN TÍCH MẶT SÀO	21,312.84 m ²	

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
 Số:
 ngày tháng năm 20.....
 Ký tên:

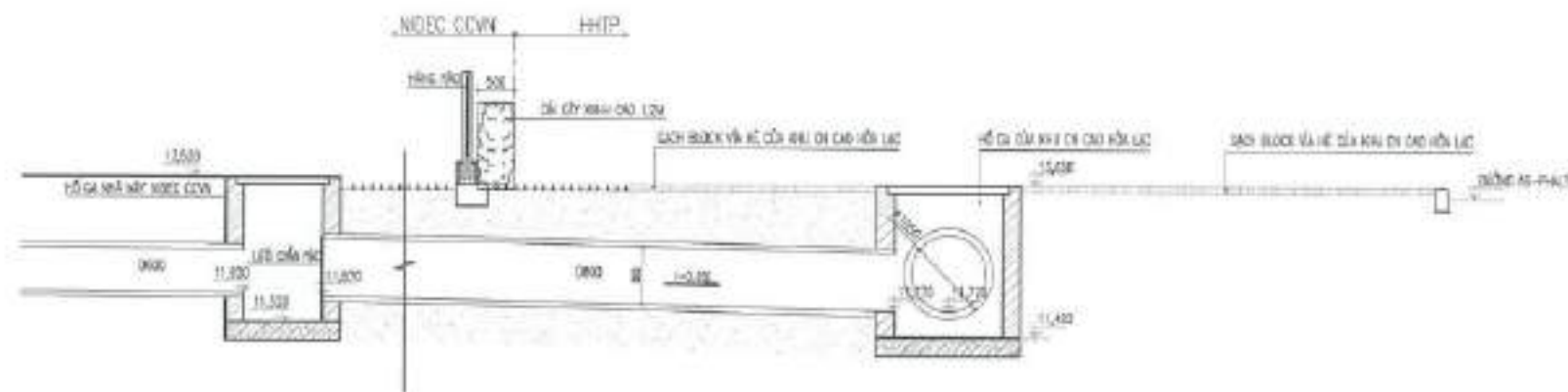
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số: /BCTT
 ngày tháng năm 20.....
 Chủ trì thẩm tra:



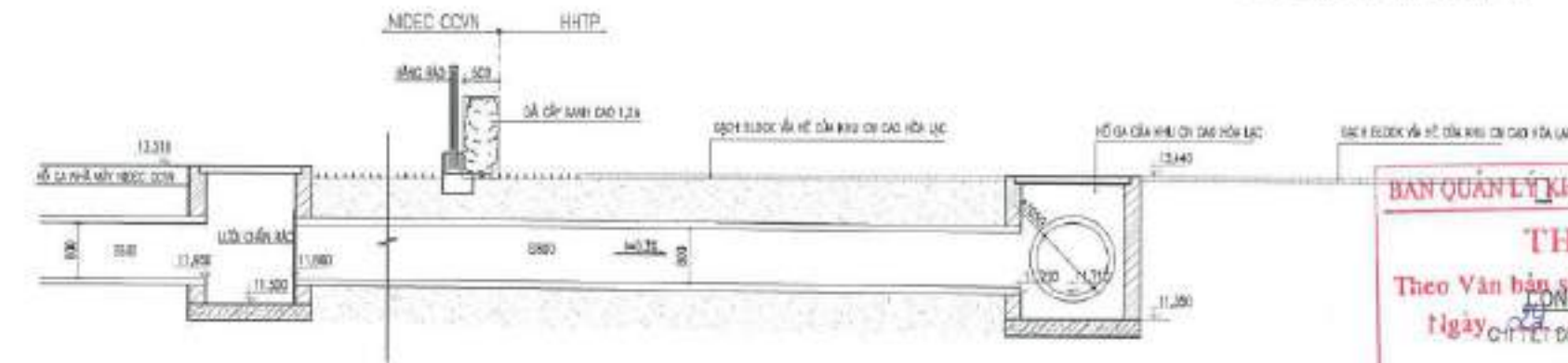
- SMALL TREE H=1M
CÂY DƯỚI CAO 1M
- TREE H=7M, D=10CM
CÂY CAO 7M, ĐƯỜNG KÍNH CÂY 10CM
- F1 NHÀ MÁY F-1 / FACTORY-1
- 1H MÀNG DƯỚI / CANOPY
- 2 NHÀ ĐỂ KHÍ NHỎ, ARGON, H2 CHO SX / GAS YARD
- 3 NHÀ BẢO VỆ / GUARD HOUSE
- 4 P. BƠM / PUMP ROOM
- 5 BỂ BẾ XE MÁY / MOTORBIKE PARK
- 6 KHO VL THẢI WASTE MATERIAL & HAZARDOUS STORAGE
- 7 BỂ ĐỂ Ô TÔ / CAR PARK (NO ROOF)
- 8 KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

TỌA ĐỘ ĐẦU NỐI CÔNG
 X=2322716.24
 Y=555966.35
 CAO ĐỘ Z=13.09

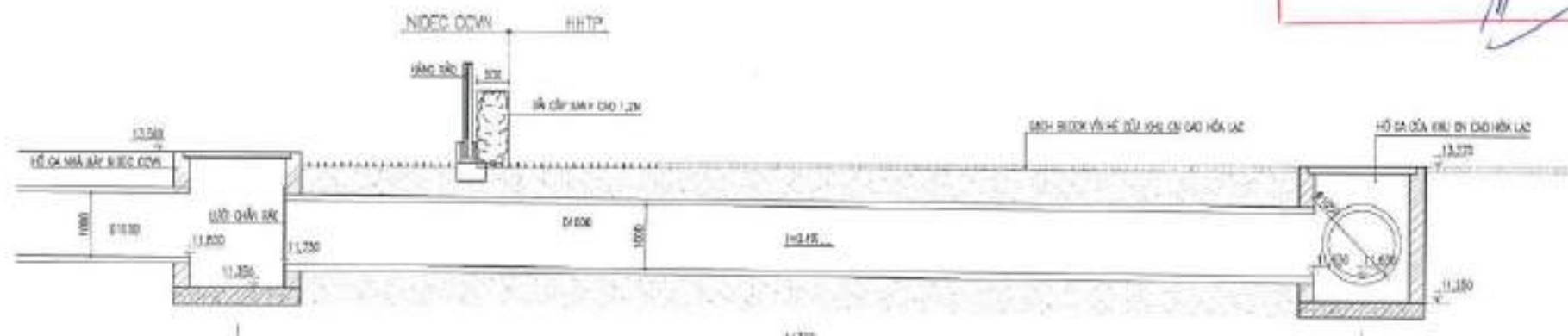
VĂN BẢN DỰ ÁN PROJECT		NIDEC CHAUN CHUONG VIETNAM FACTORY PHASE 1		TỔNG XÂY DỰNG NHÀ MÁY NIDEC CHAUN CHUONG VIET NAM GIAI ĐOẠN 1	
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER		NIDEC CHAUN CHUONG VIETNAM CORPORATION		CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHUONG VIET NAM	
THIẾT KẾ / DESIGNER		SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI	
THIẾT KẾ / DESIGNER		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA	
THIẾT KẾ / DESIGNER		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA	
THIẾT KẾ / DESIGNER		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA	
THIẾT KẾ / DESIGNER		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA	
THIẾT KẾ / DESIGNER		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA	
THIẾT KẾ / DESIGNER		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA	
THIẾT KẾ / DESIGNER		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA	



CONNECTION POINT 4
CHI TIẾT ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC MÙA 4



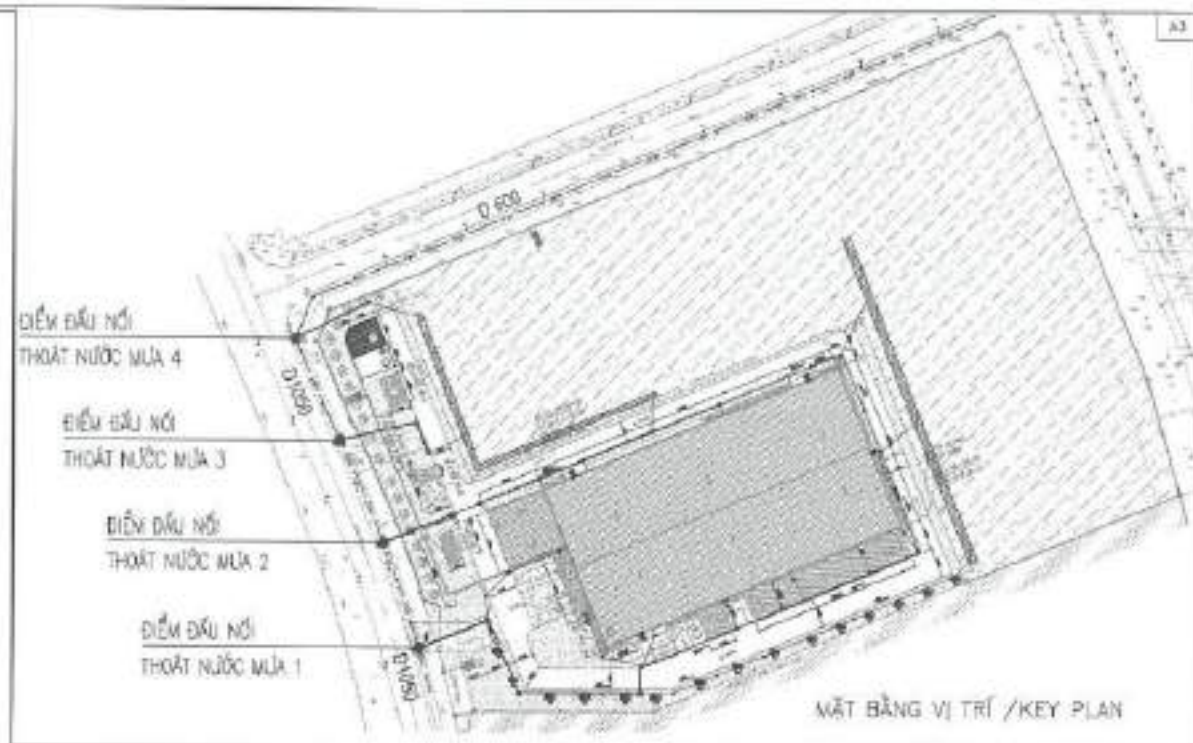
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 391/CNCHL-QLXD MT
Ngày 24 tháng 6 năm 2021
Ký tên:



CONNECTION POINT 2
CHI TIẾT ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC MÙA 2



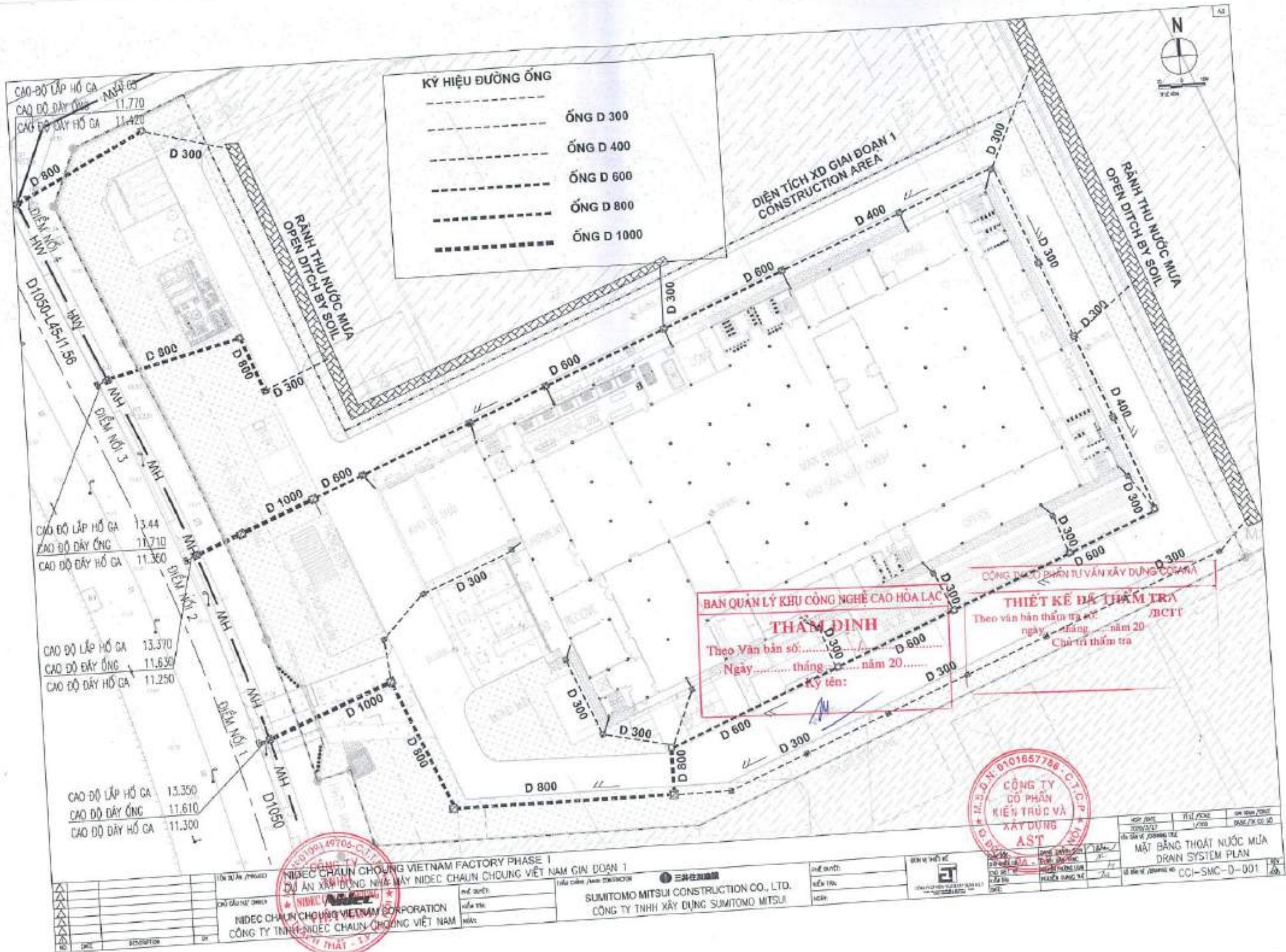
CONNECTION POINT 1
CHI TIẾT ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC MÙA 1

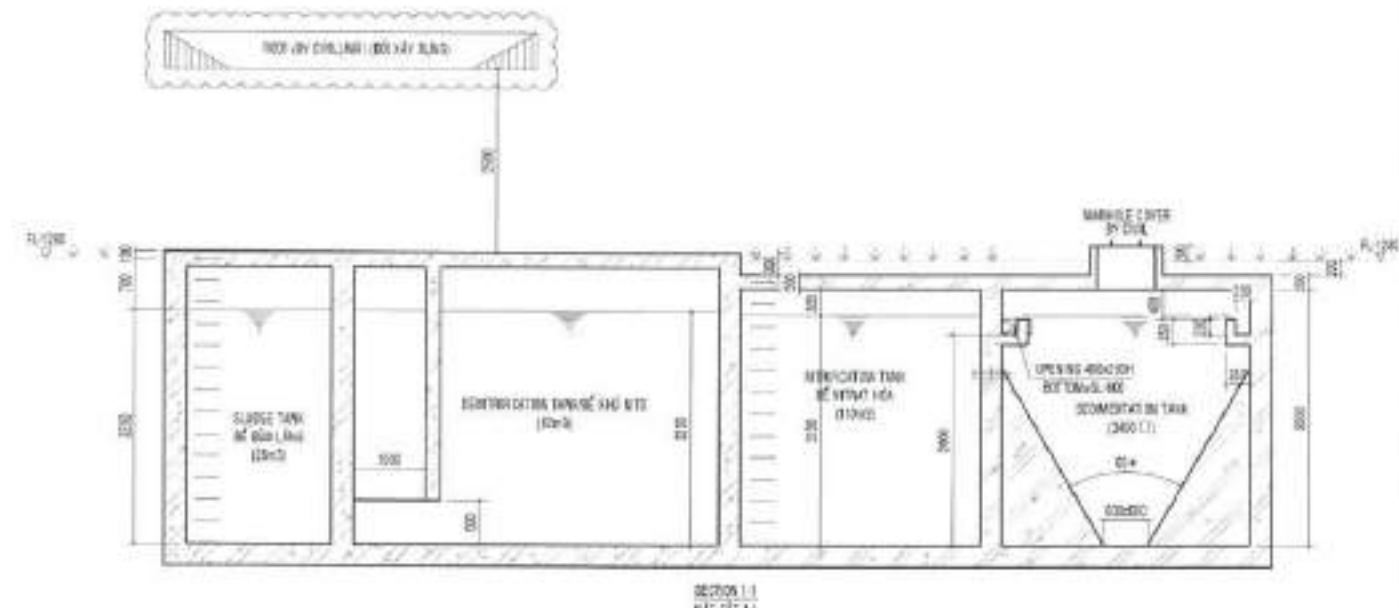
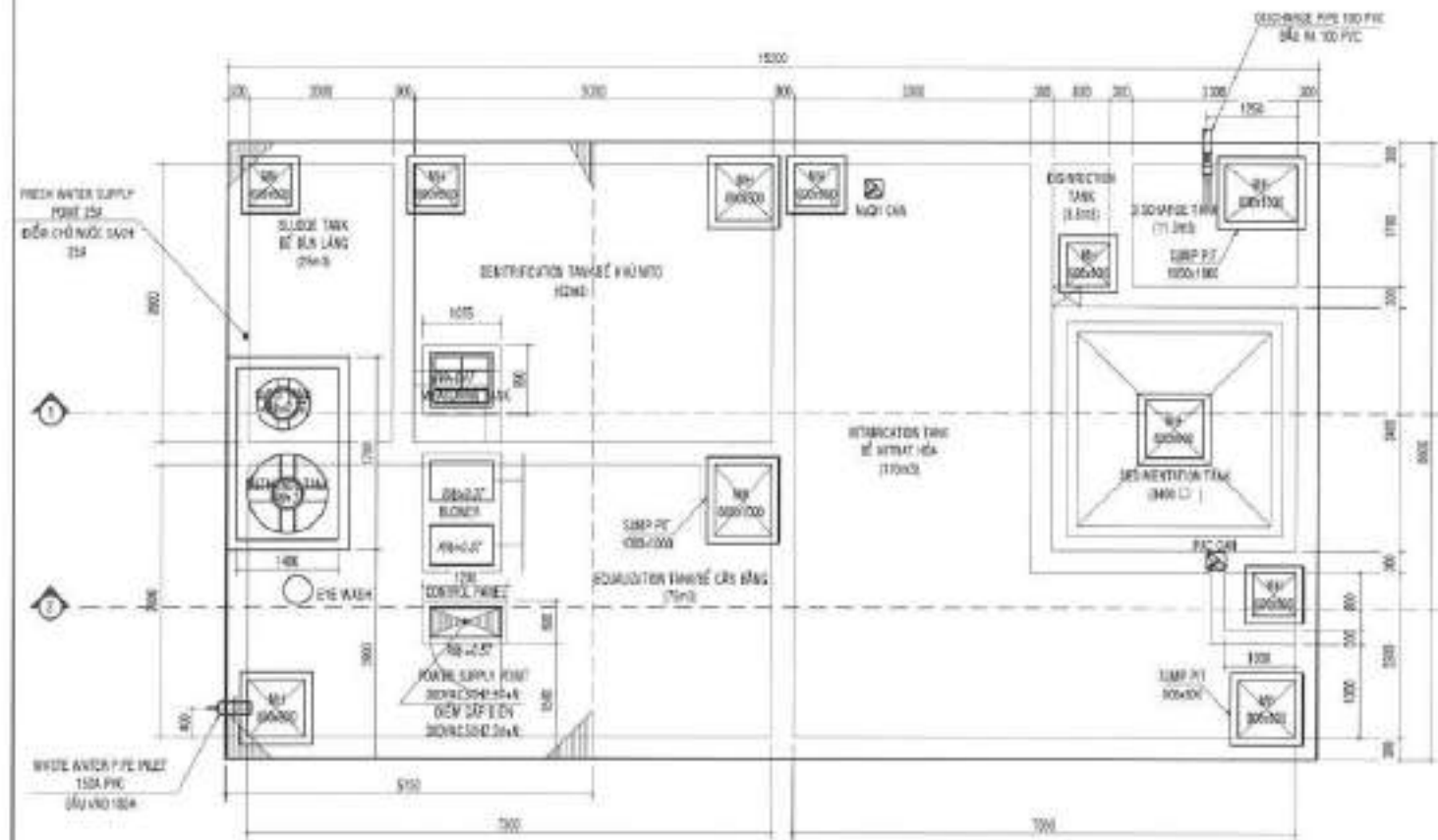


CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG COTANA
THẨM TRA
Theo Văn bản số 2506/VCC
Ngày 25 tháng 6 năm 2021
Chủ trì bộ môn ký tên:

M.S.D.N. 0101657786 - C.T.C.P.
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TRÚC VÀ XÂY DỰNG AST

<table border="1"> <tr> <th>NO.</th> <th>DATE</th> <th>DESCRIPTION</th> <th>BY</th> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </table>	NO.	DATE	DESCRIPTION	BY													TÊN DỰ ÁN / PROJECT: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM FACTORY PHASE I DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHOUNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM	THẨM ĐỊNH / MAIN CONTRACTOR: SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI	ĐỊA CHỈ LỘ CHỈ - CS: SỐ 10/2 KH. CAO HÒA LẠC, TH. SÀI GÒN, TP. HCM CHI TIẾT ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MÙA DRAIN CONNECTION SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO: CCI-SMC-D-002
NO.	DATE	DESCRIPTION	BY																





BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên: *[Signature]*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN

XÂY DỰNG GOTANA

THẨM TRA

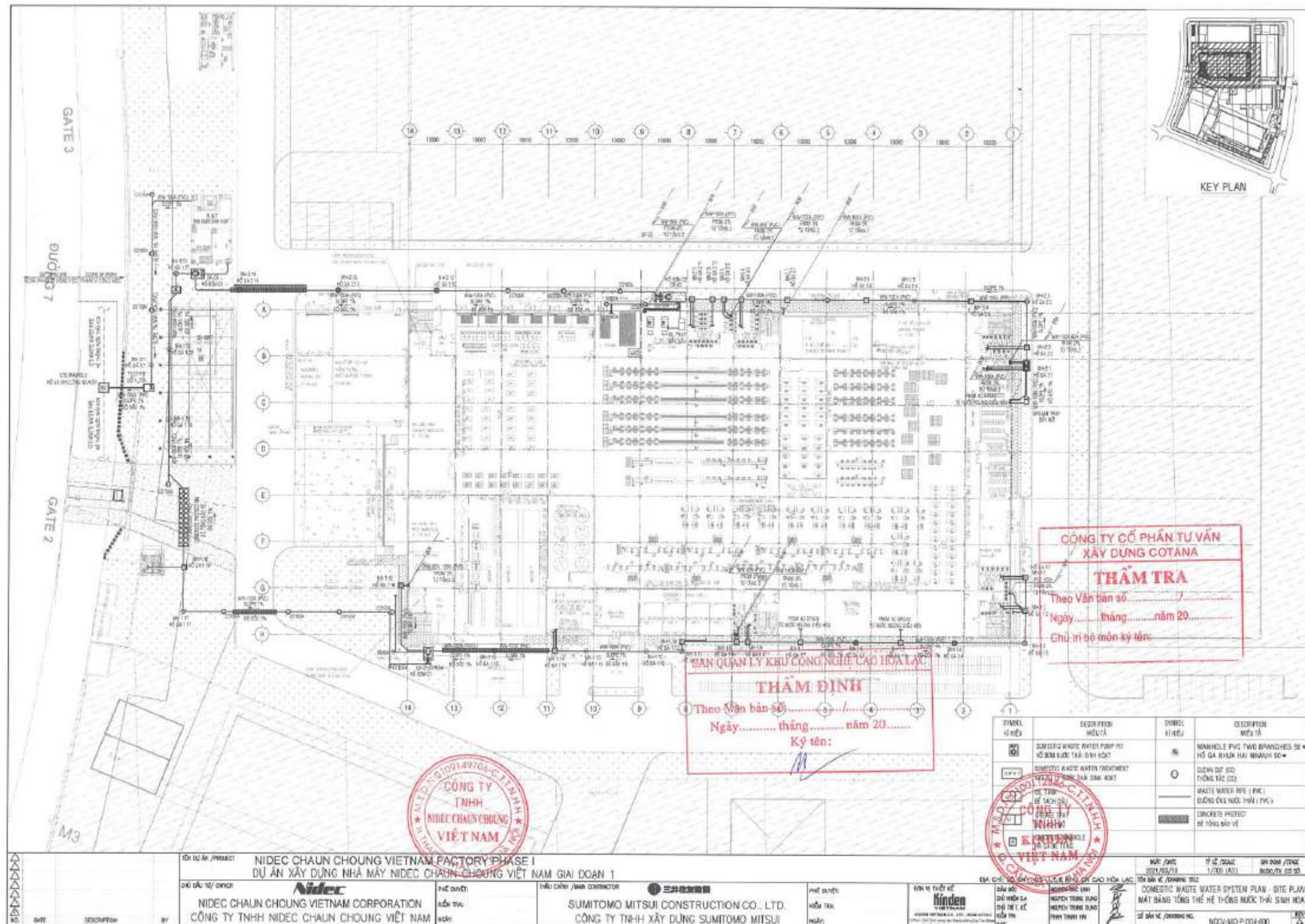
Theo Văn bản số:/.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên: *[Signature]*



NO. DATE DESCRIPTION BY	TÊN DỰ ÁN / PROJECT NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM FACTORY PHASE I DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1 CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM	NHÀ ĐẦU TƯ / MAIN CONTRACTOR SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI	PHỤ ĐẠO: KẾ TOÁN NGƯỜI:	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ KINDEN KINH DOANH CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KINDEN ĐƠN VỊ THIẾT KẾ NGƯỜI:	NGÀY / DATE 2021/02/19 TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE DOMESTIC WASTE WATER TREATMENT LAYOUT BỘ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT SỐ BẢN VẼ / DRAWING NO. NCC1-MD-P-007-000
-------------------------	---	--	-------------------------------	--	--



KEY PLAN

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 3921/CNCHL-GHXDNIT
Ngày: 29 tháng 6 năm 2021
Ký tên:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG COTANA
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 2506/VCC
Ngày: 25 tháng 6 năm 2021
Chủ trì bộ môn ký tên:

SYMBOL T HẸM	DESCRIPTION MÔ TẢ	SYMBOL T HẸM	DESCRIPTION MÔ TẢ
	DOMESTIC WASTE WATER PUMP PIT HỒ BƠM NƯỚC THẢI SINH HOẠT		MANHOLE PVC TWO BRANCHES 300 HỒ DA NHỰA HAI NHÁNH 300
	DOMESTIC WASTE WATER TREATMENT UNIT HẠNH LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT		CLEAN OUT (CO) THÔNG TẮC (CƠ)
	SEWERAGE PIPE (PVC) DƯỜNG DẪN NƯỚC THẢI (PVC)		CONCRETE FOOTING BÊ TÔNG BẢO VỆ

ENGIN/PROJECT NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM FACTORY PHASE I
DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1

Chủ đầu tư/OWNER
NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION
CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM

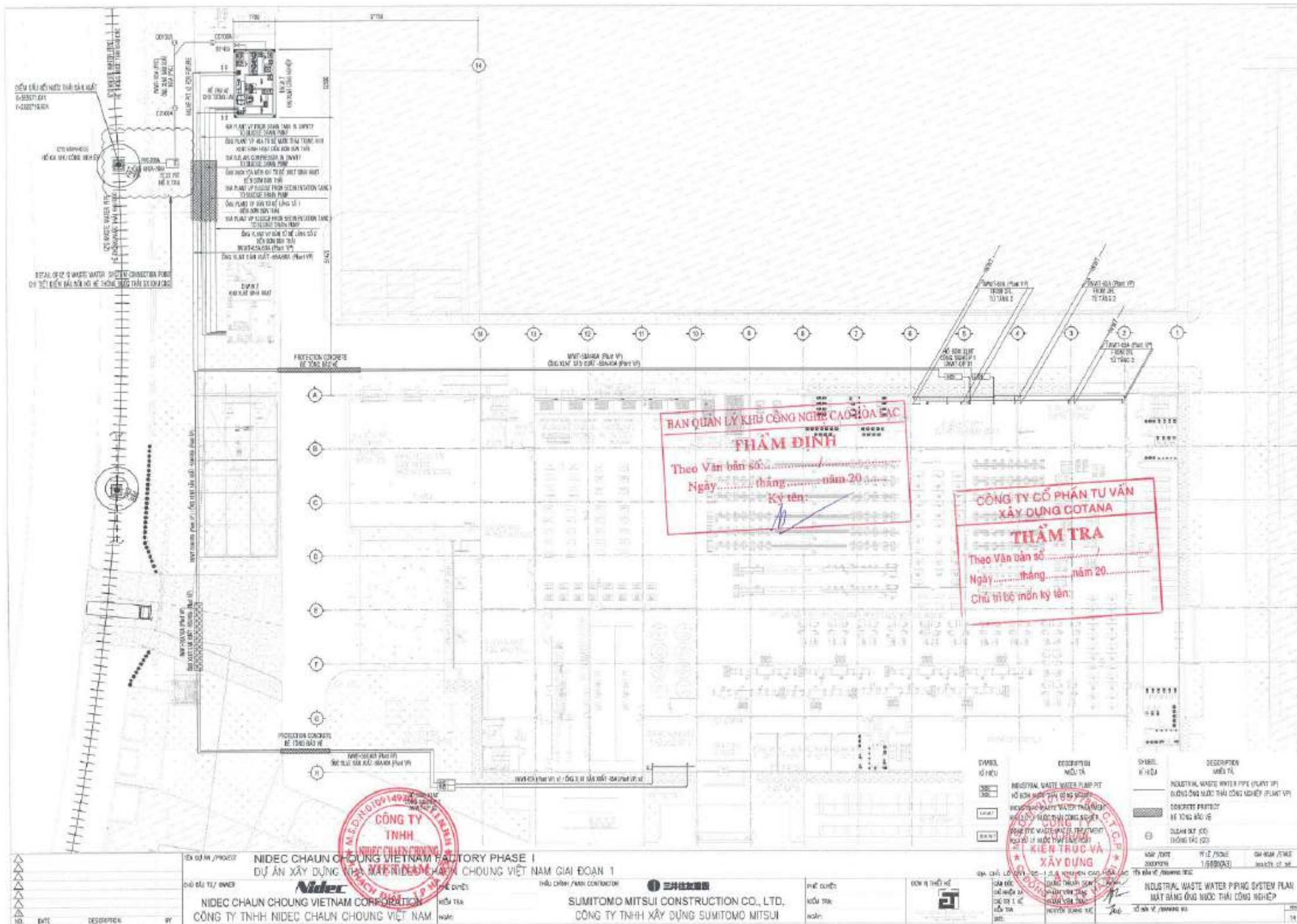
Thiết kế/DESIGNER
SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

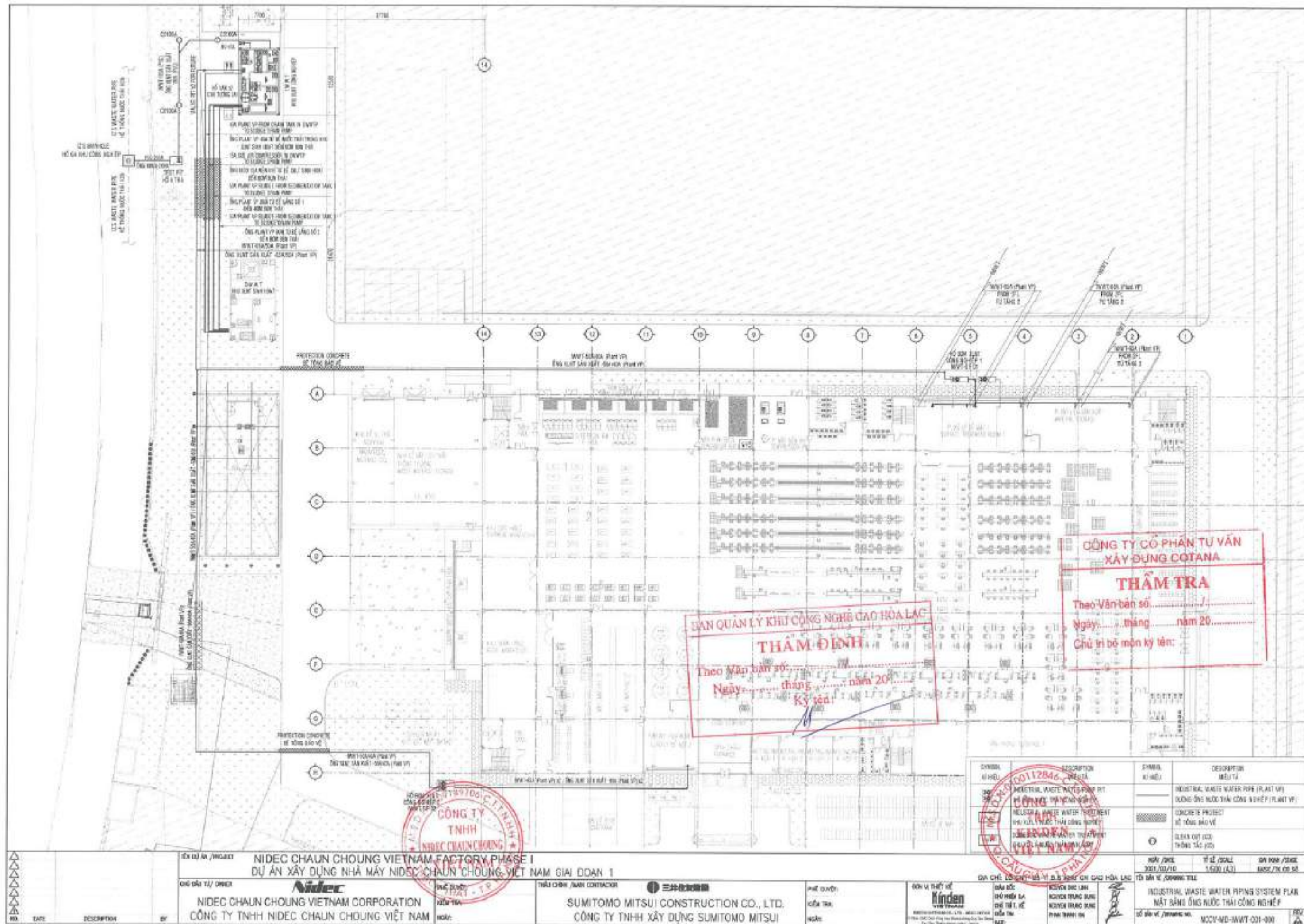
Thiết kế/DESIGNER
SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

Thiết kế/DESIGNER
SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

Thiết kế/DESIGNER
SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI

Thiết kế/DESIGNER
SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI





**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG COTANA**

THẨM TRA

Theo Văn bản số:/.....

Ngày: tháng năm 20.....

Chức vụ bộ môn ký tên:

ĐƠN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

THẨM ĐỊNH

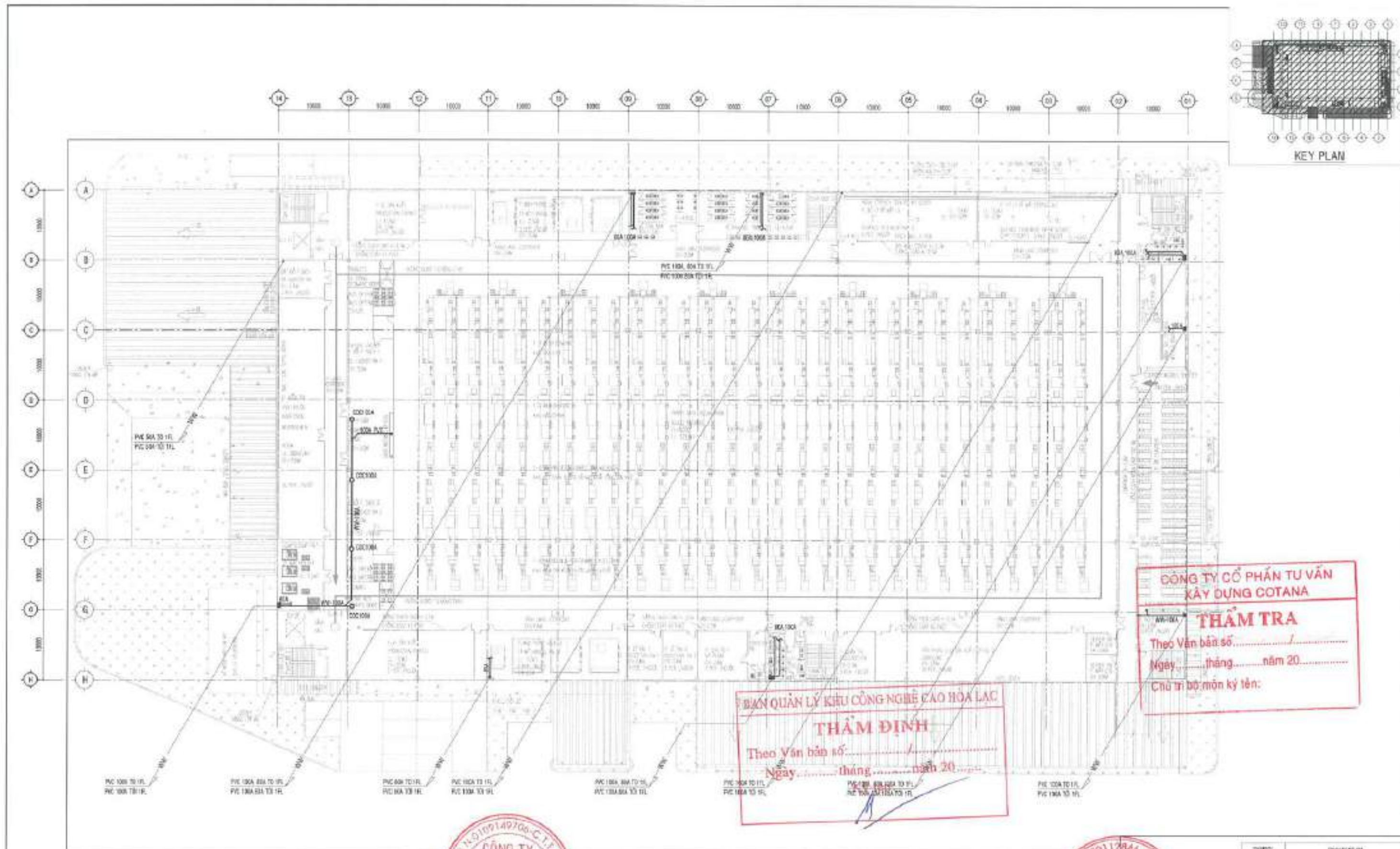
Theo Văn bản số:/.....

Ngày: tháng năm 20.....

Ký tên:

CHỖ VẼ	CHỖ VẼ	CHỖ VẼ	CHỖ VẼ
CHỖ VẼ	CHỖ VẼ	CHỖ VẼ	CHỖ VẼ
CHỖ VẼ	CHỖ VẼ	CHỖ VẼ	CHỖ VẼ
CHỖ VẼ	CHỖ VẼ	CHỖ VẼ	CHỖ VẼ

TÊN DỰ ÁN / PROJECT		NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM FACTORY PHASE I	
MÔ TẢ DỰ ÁN / PROJECT DESCRIPTION		DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1	
CÔNG TY CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER		NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION	
CÔNG TY THIẾT KẾ / DESIGNER		SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD.	
CÔNG TY XÂY DỰNG / CONSTRUCTION		CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG COTANA**

THẨM TRA

Theo Văn bản số:
 Ngày: tháng năm 20.....
 Chủ trì bộ môn ký tên:

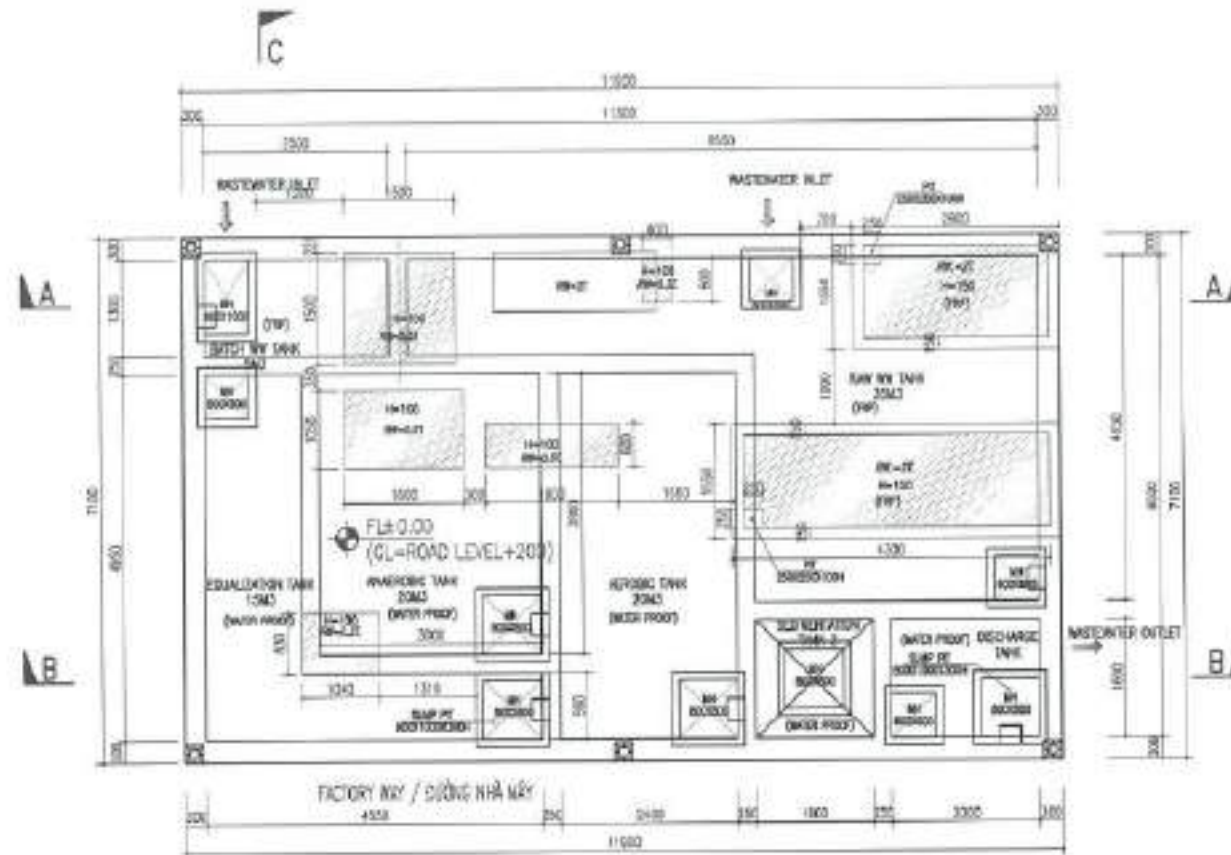
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP CAO HÒA LẠC

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:
 Ngày: tháng năm 20.....



NO. DATE DESCRIPTION BY	TÊN DỰ ÁN /PROJECT NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM FACTORY PHASE I DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1 CHỦ ĐẦU TƯ/ OWNER Nidec NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM	PHÊ DUYỆT HỌ TÊN: NGÀY: CHỦ ĐẦU TƯ/ OWNER Sumitomo Mitsui Construction Co., Ltd. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI	PHÊ DUYỆT HỌ TÊN: NGÀY: ĐƠN VỊ THIẾT KẾ Kinden KINDEN VIETNAM CO., LTD. - 12846-C.T.T.N.H 12846-C.T.T.N.H	NGÀY /DATE 2022/05/10 TỶ LỆ /SCALE 1:500 (A3) CHỈ DẪN /DATE 2022/05/10 TÊN BẢN VẼ /Drawing FILE WASTE WATER SYSTEM PLAN - SFL MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC - TẦNG 2 SẪNG VẼ /Drawing NO. NDCV-MD-P-305-030
-------------------------	--	--	--	--

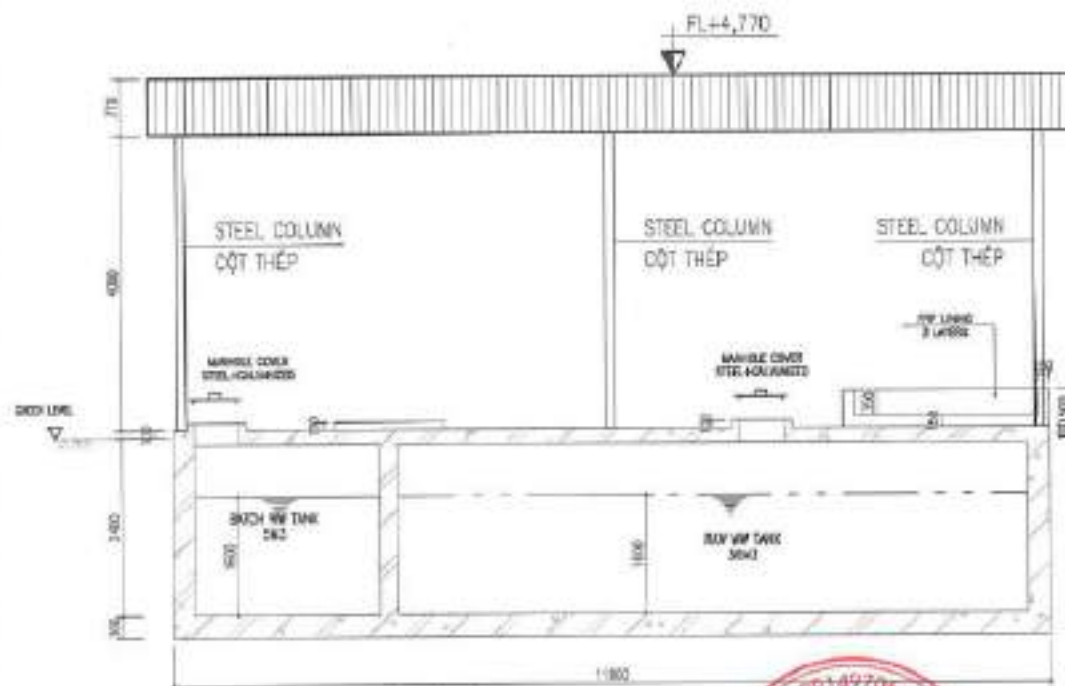


PRODUCTION W.W.T. PLAN
MB TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SX

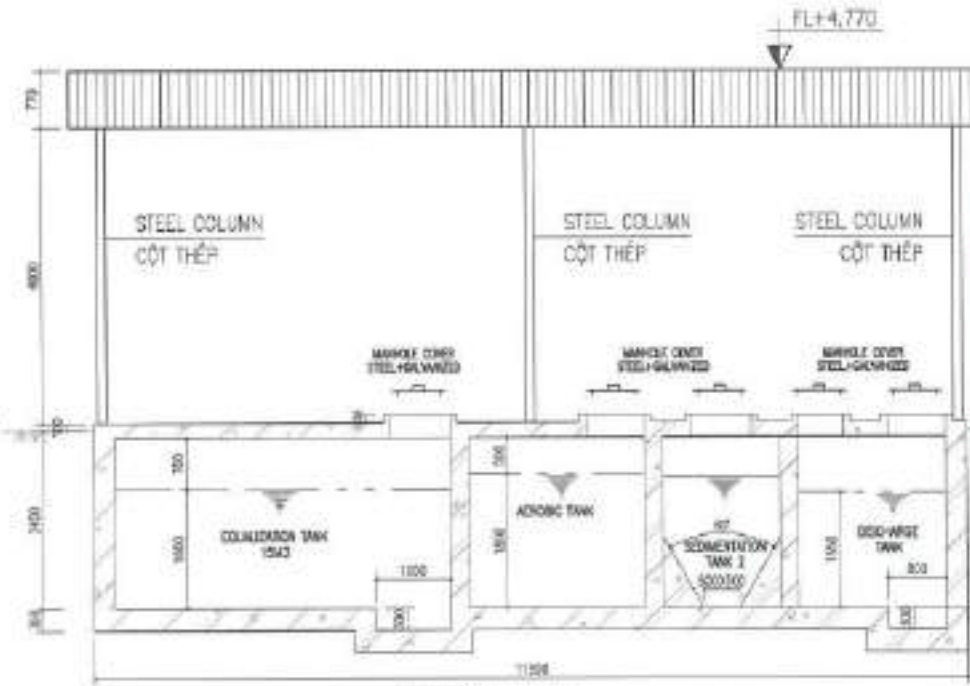
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 192/CNCHL-GHXMT
Ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ký tên:



PRODUCTION W.W.T. ROOF PLAN
MB MÁI TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SX



SECTION A-A
MẶT CẮT A-A



SECTION B-B
MẶT CẮT B-B



SECTION C-C
MẶT CẮT C-C

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG COTANA
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 2506/VCC
Ngày 25 tháng 6 năm 2021
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:

CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG COTANA

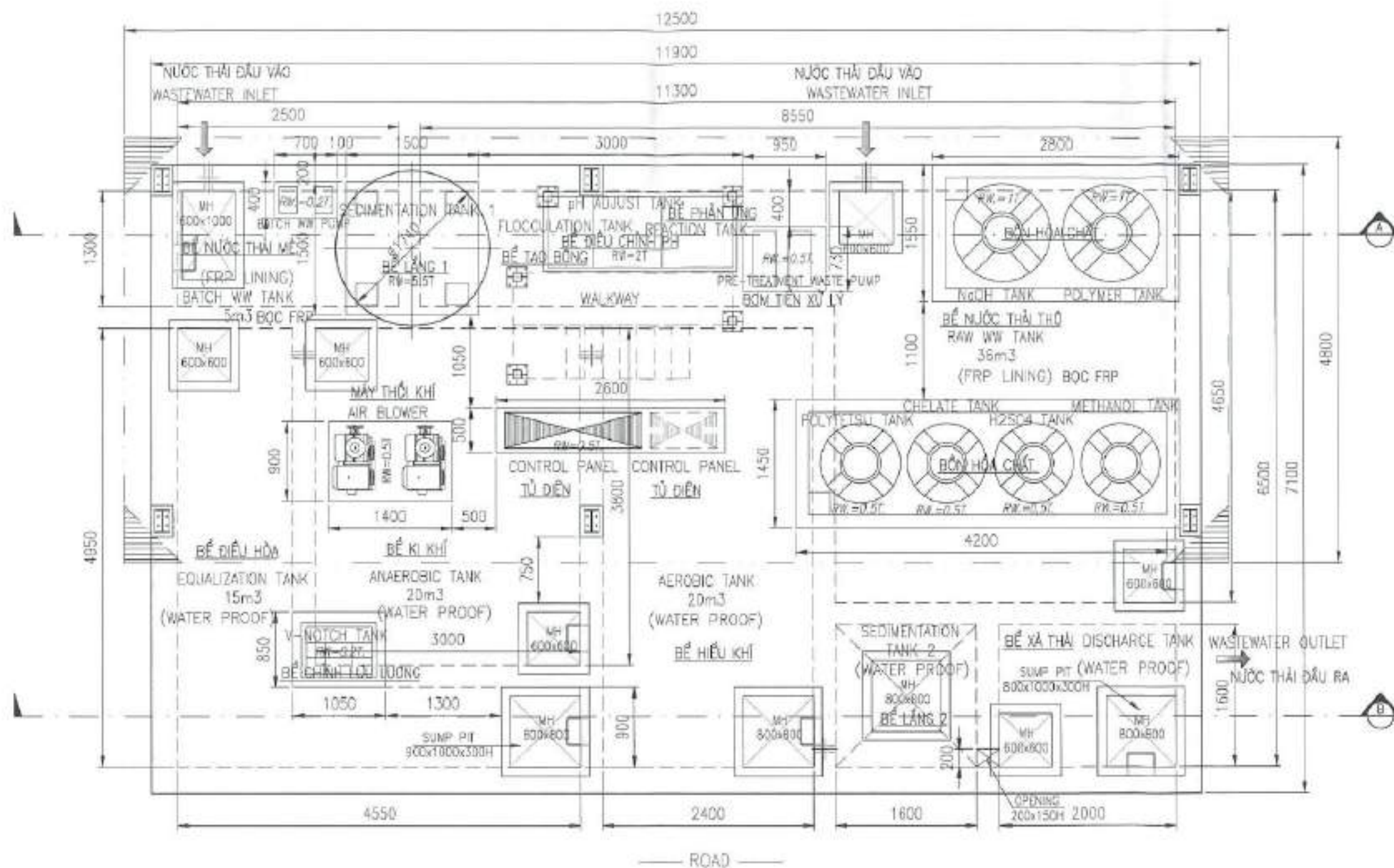
NO. DATE DESCRIPTION BY	TÊN DỰ ÁN / PROJECT NAME: NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM FACTORY PHASE I DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1 CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUN CHOUNG VIỆT NAM	THIẾT KẾ / DESIGNER: SUMITOMO MITSUI CONSTRUCTION CO., LTD. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SUMITOMO MITSUI	KỸ SƯ THIẾT KẾ / DESIGNER: [Signature]	CHỈ ĐẠO / SUPERVISOR: [Signature]	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT PRODUCTION W.W.T CCI-SMC-A-015
--------------------------------	---	--	---	--	---

AS BUILT DRAWING

SEP-2021

GOSU KOGAN VIETNAM CO., LTD.

10/11/2021



TOP PLAN



PROJECT NAME
NIDEC OOI FACTORY



GOSU KOGAN (VIETNAM) CO., LTD.
HANOI HEAD OFFICE
LOT P1, THANH LONG ST, DONG ANH DIST,
HANOI, VIETNAM.
<http://www.gosukohan.com.vn>

DESIGNER
N.D. PHUONG

CHECK
T.A. D. PHU

APPROVED
N.Y.T.

DWG. DATE
9/2021

ISSUE DATE

DRAWN BY
T.A. D. PHU

ITEM
WASTEWATER TREATMENT PLANT

DWG. TITLE
WASTEWATER TREATMENT PLANT LAYOUT

DATE
9/2021

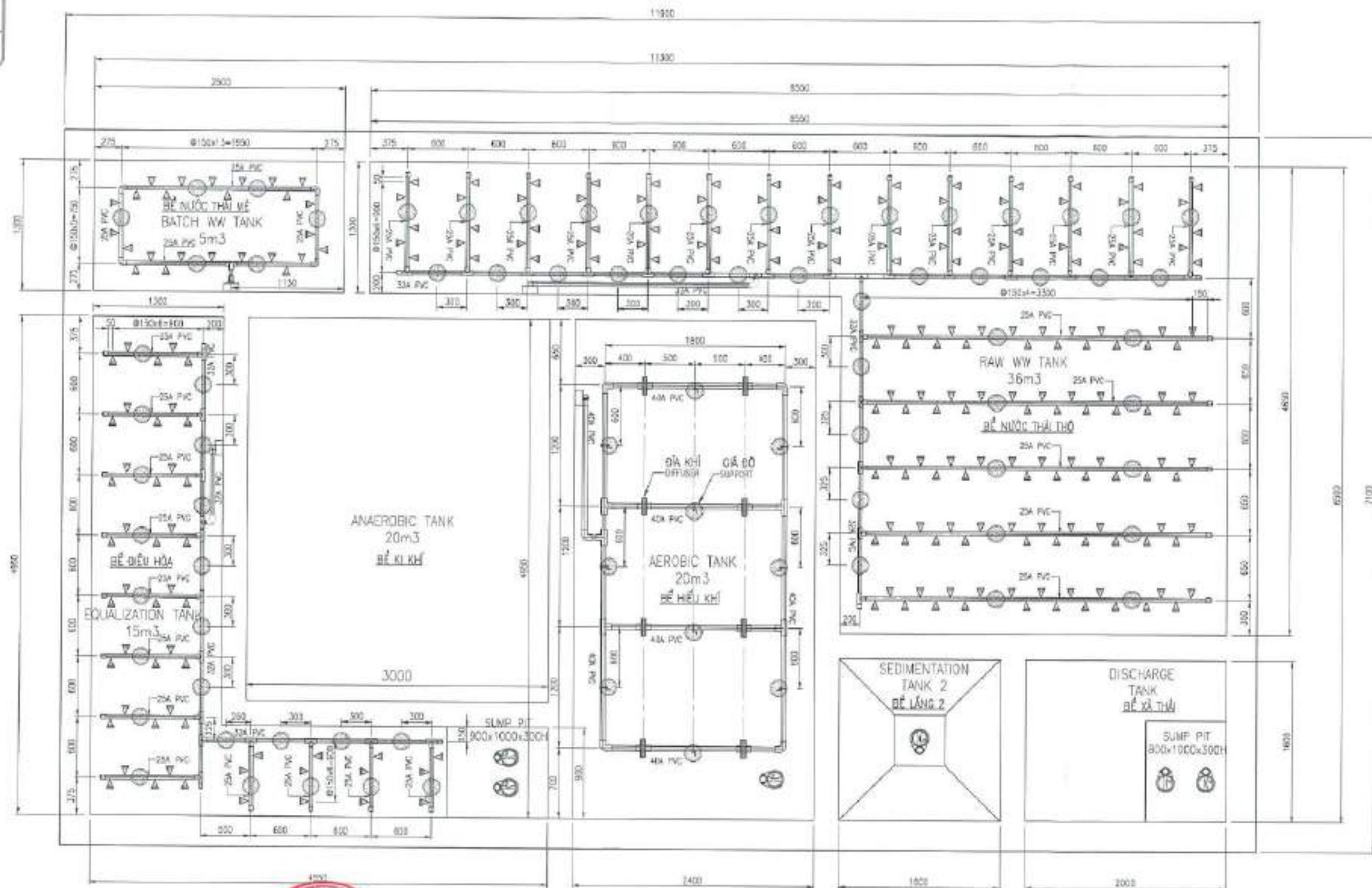
REMARKS
BY CIVIL
RW = RUNNING RIGHT

REV. NO.
001
SCALE
1:100
DWG. CODE
WWT-ME-101

AS BUILT DRAWING

SC01/2021

GOSHI KOHSAI (VIETNAM) CO., LTD
15/04/2021



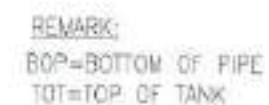
ROAD
PIPING LAYOUT-BOTTOM PLAN



REVISION					 NIDEC COI VIETNAM	PROJECT NAME NIDEC COI FACTORY	 GOSHI KOHSAN (VIETNAM) CO., LTD. HANOI HEAD OFFICE LOT PT. THANH LONG P. DONG AMH DIST, HANOI, VIETNAM. http://www.goshikoisan.com.vn	ISSUANCE	N.D HUONG	ISS. DATE	8/2021	ITEM	WASTEWATER TREATMENT PLANT	REV. NO.	01
	1.0	8/2021	ISSUE FOR AS BUILT	W.D. SONKE				CHECK	T. L. THUY	ISSUES DATE		ISS. TITLE	WAT BANG BUONG CHU-DAY BE	SCALE	
	01	22/7/2021	FIRST ISSUE FOR APPROVAL	M.D. SONKE				APPROVED		ISSUED BY	T. Q. MINH	JOB NO.			
			CONTENT	ISSUED BY								CHG. CODE			

WTP-ME-202

GODRU FIL-TEK (FILT KAM) CO. LTD.



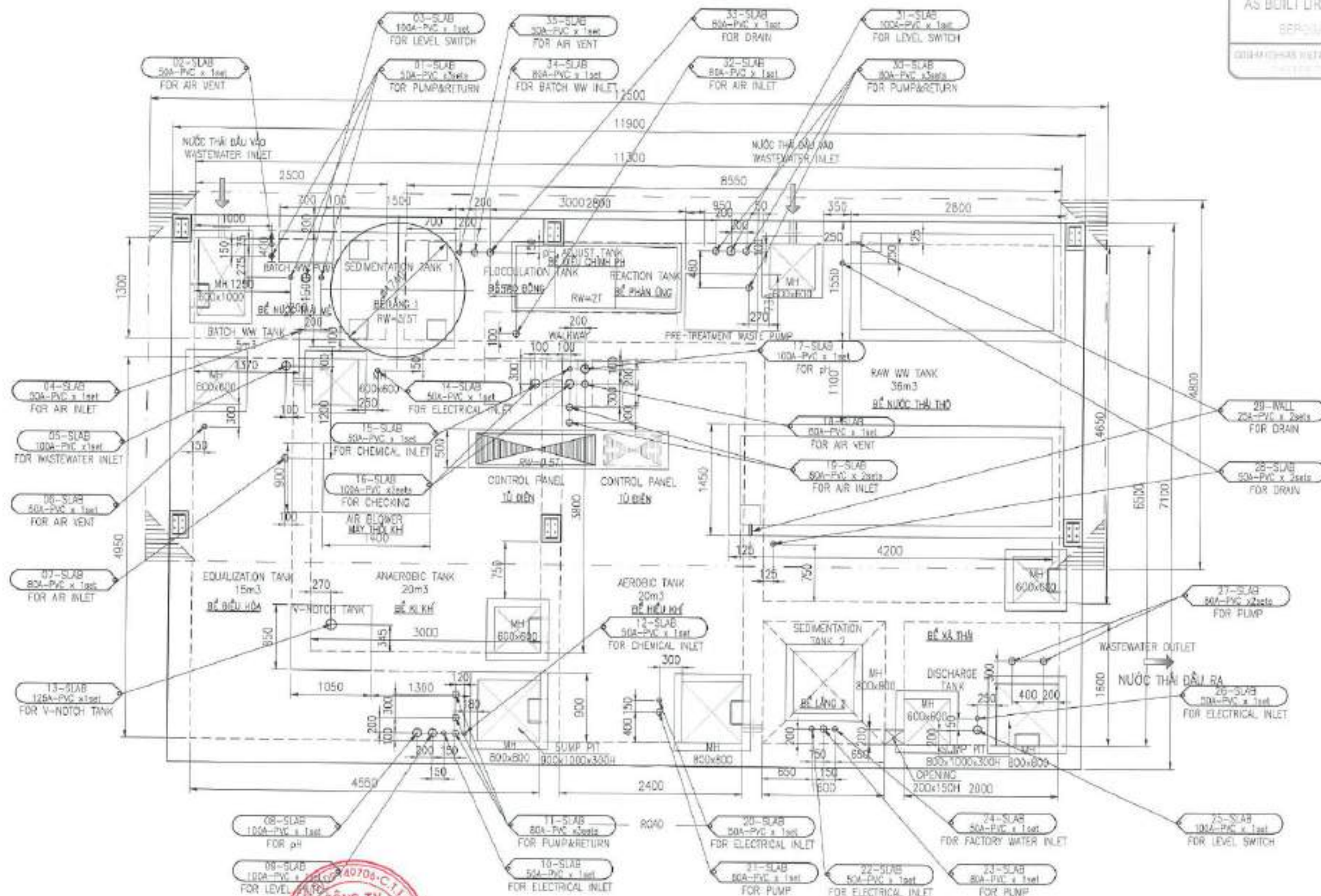
REVISION RECORD			 NIDEC CCI VIETNAM	PROJECT NAME	 GOSHU KOHSAN (VIETNAM) CO., LTD.	DESIGNER N.D.HUONG	CHK DATE 9/2021	TYP WASTEWATER TREATMENT PLANT	TGT NO 01
01	9/2021	ISSUE FOR AS-BUILT	NIDEC CCI VIETNAM	NIDEC CCI FACTORY	 GOSHU KOHSAN (VIETNAM) CO., LTD.	CHK T.X.THANH	CHK DATE 9/2021	WASTE-WATER TREATMENT PLANT	TGT NO 01
02	22/1/2021	FIRST ISSUE FOR APPROVAL							
REV	DATE	CONTENT							
			REQUEST BY						

AS BUILT DRAWING

SEP/2021

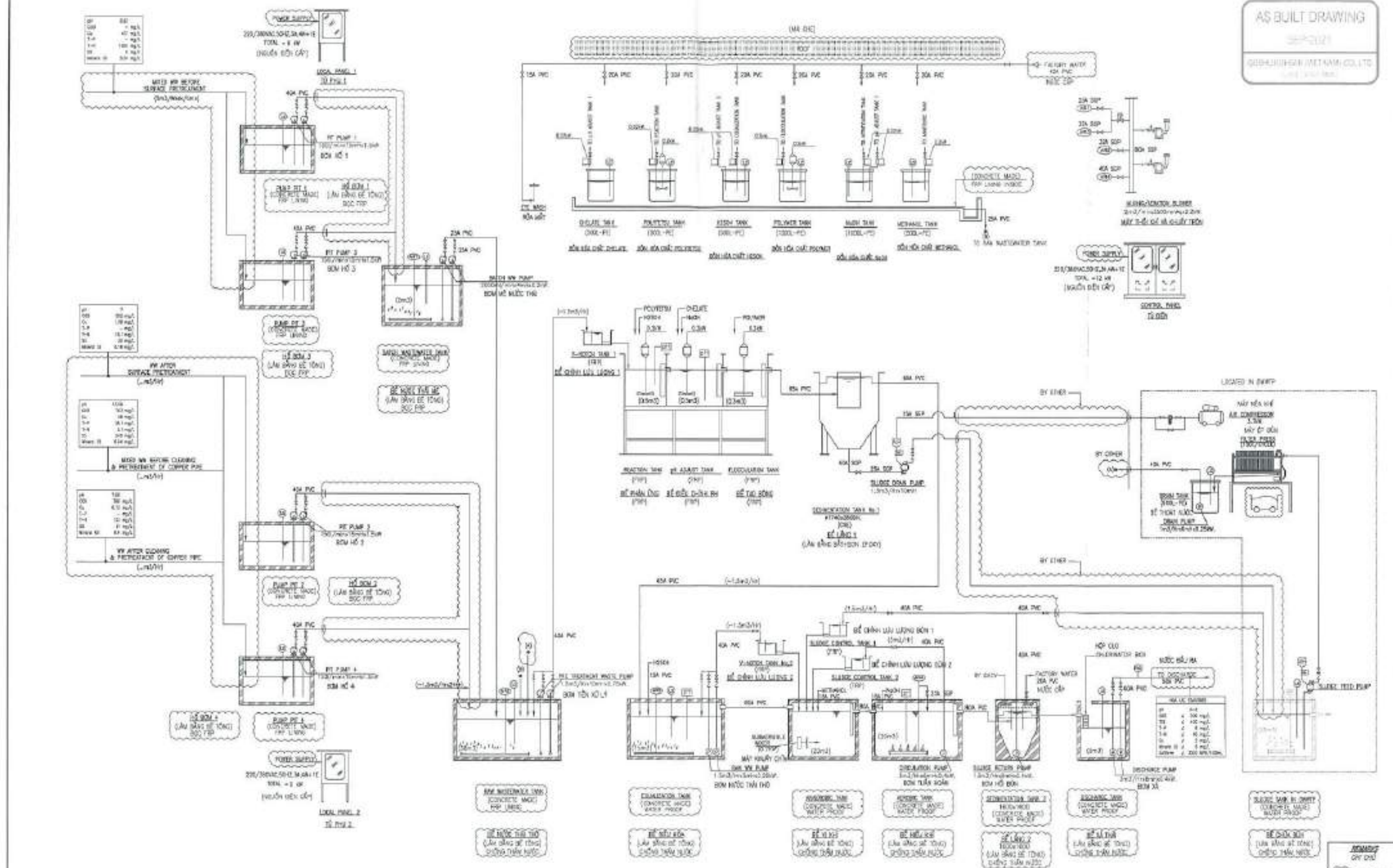
GOSHU KOHSAI (VIETNAM) CO., LTD

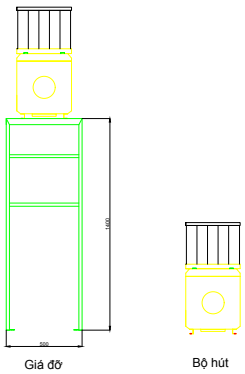
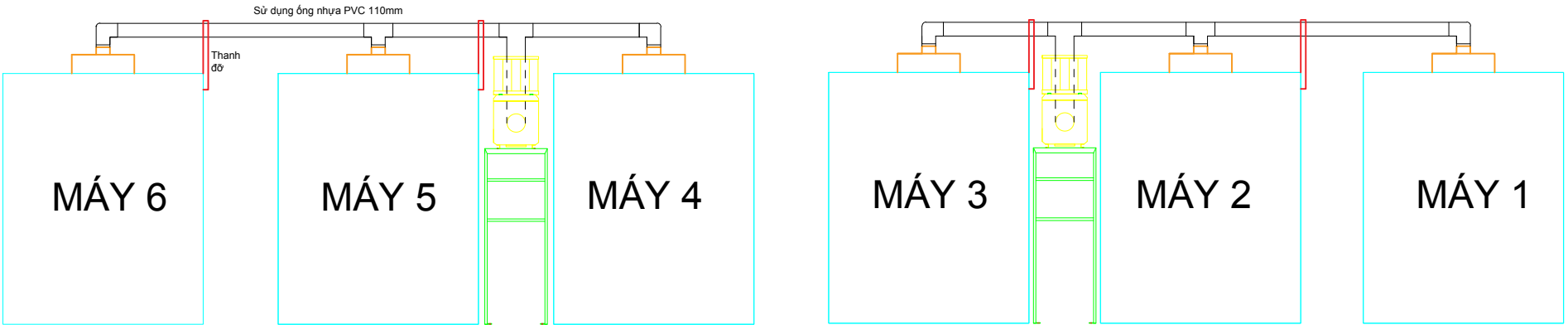
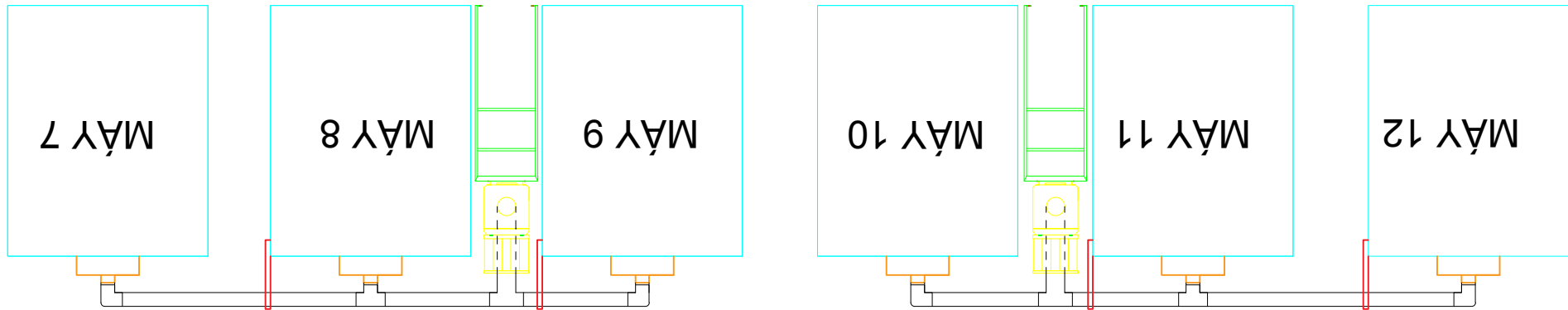
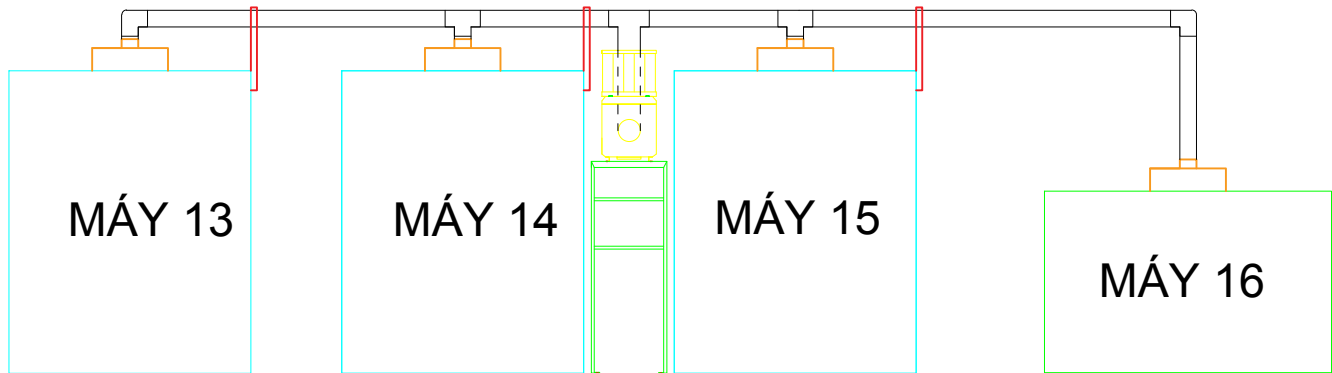
1:100 (SEE NOTE)



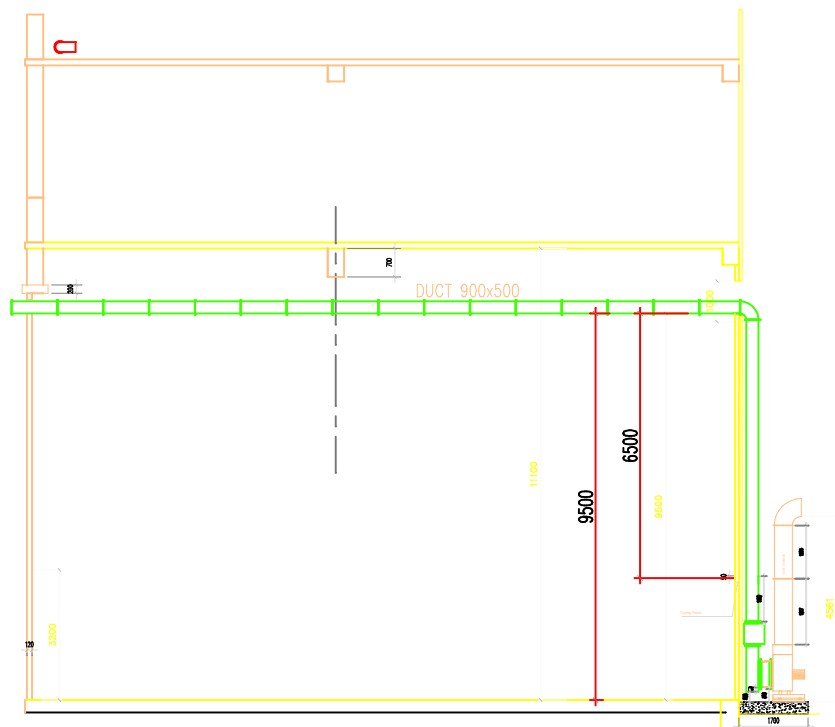
SLAB SLEEVE LAYOUT

REVISION RECORD NO. DATE DESCRIPTION 01 02/09/21 ISSUE FOR AS BUILT 02 30/11/2021 FIRST ISSUE FOR APPROVAL 03 01/12/2021	40706-C.TINH CÔNG TY TNHH NƯỚC CHẤM CHUÔNG VIỆT NAM NƯỚC CHẤM CHUÔNG VIỆT NAM 40706-C.TINH NƯỚC CHẤM CHUÔNG VIỆT NAM 40706-C.TINH NƯỚC CHẤM CHUÔNG VIỆT NAM	PROJECT NAME NIDEC COI FACTORY NIDEC COI FACTORY NIDEC COI FACTORY NIDEC COI FACTORY NIDEC COI FACTORY	GOSHU KOHSAI (VIETNAM) CO., LTD. HANOI HEAD OFFICE LOT P1, TRƯỜNG LƯƠNG P, ĐƯỜNG ANH BỨT, HANOI, VIETNAM. http://www.goshukohsai.com.vn	DESIGNER N.D.HUONG CHECKER T.T. THANH APPROVED N.V.T.	DATE 01/12/2021 DRAWN BY T.T. THANH CHECKED BY T.T. THANH APPROVED BY N.V.T.	PROJECT TITLE WASTEWATER TREATMENT PLANT SUB-TITLE SLAB SLEEVE LAYOUT JOB NO. 40706-C.TINH	REV. NO. 01 SCALE NONE SHEET NO. 10/10
--	---	---	---	--	---	---	---

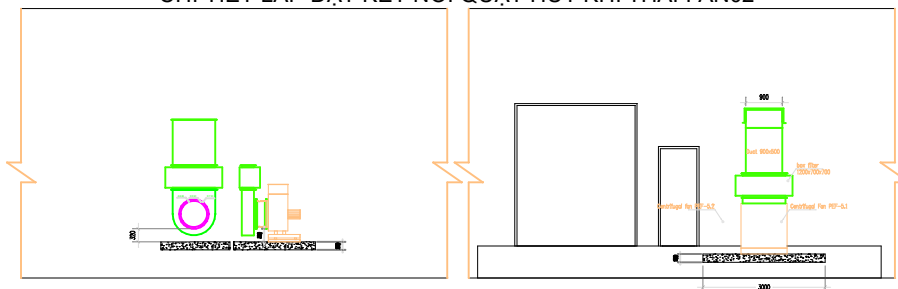
[illegible]



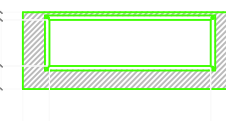
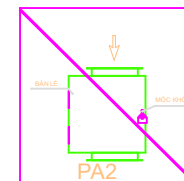
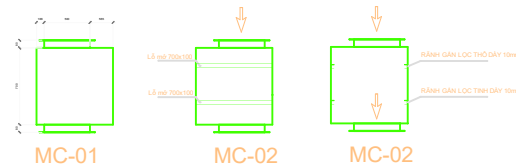
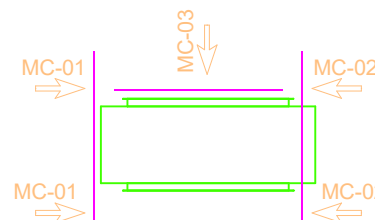
MẶT BẰNG/ KEY PLAN :		
GHI CHÚ/ NOTES :		
Số/ No.	Ngày/ Date :	Hiệu đính/ Revision :
DRAWING STATUS:		
☐ DRAWING ON PROGRESS		
☐ FOR REFERENCE ONLY		
☒ THIẾT KẾ KỸ THUẬT		
☐ FOR CONTRACT		
☐ FOR CONSTRUCTION		
☐ AS BUIT DRAWING		
REVISION:		
R - 00	DATE :	
REV. Δ	DATE :	
REV. Δ	DATE :	
REV. Δ	DATE :	
OWNER NAME:		
NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION FACTORY		
MAIN CONTRACTOR:		
		
PROJECT:		
NIDEC CHAUN CHOUNG VIETNAM CORPORATION FACTORY		
TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGNER CONSULTANCY		
		
CÔNG TY CP KỸ THUẬT HNK		
Địa Chỉ: Số nhà 51, ngõ 2- tập thể Tầng Thiết Giáp, TDP số 3 Đường Phạm Văn Nghị, Phường Đồng Ngọc, T.p Hà Nội, Việt Nam		
TEL : (84.4) 3995 8249 FAX : (84.4) 3763 4766		
HỌ TÊN NAME		CHỮ KÝ SIGNATURE
Giám đốc: Director:		Nguyễn Văn Hưng
Chủ nhiệm: Manager:		Bùi Mai Anh
Chủ trì thiết kế: Master:		Bùi Mai Anh
Thiết kế: Designed by:		Đình Xuân Trãi
GIAI ĐOẠN TK - PHASE		
CONCEPT DESIGN	BASIC DESIGN	CONSTRUCTION DESIGN
HANG MỤC - ITEM		
HANG MỤC CÔNG TRÌNH - ITEM BUILDING		
TÊN BẢN VẼ - DRAWING. TITLE		
LẮP ĐẶT BỘ HÚT HƠI ĐẦU		
NGÀY - DATE 04/2026	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO ME-001	
HỒ SƠ DOCUMENT TYPE	TỈ LỆ - SCALE:	



CHI TIẾT LẮP ĐẶT KẾT NỐI QUẠT HÚT KHÍ THẢI-FAN02



HỘP LỌC

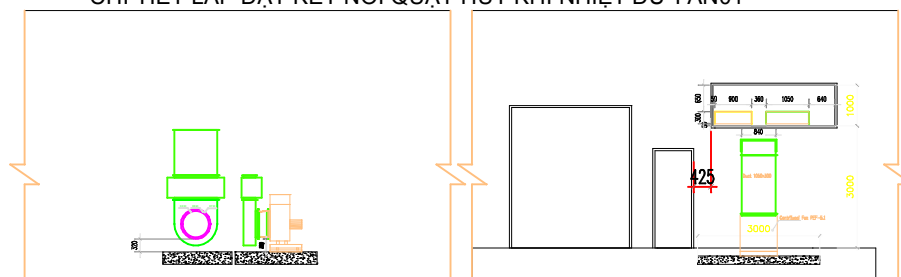


MC-03

VỊ TRÍ CỬA THĂM

HỘP LỌC GIÓ 1200X700X700,
CÓ 2 MÀNG LỌC CACBON

REVISION	DATE OF REVISION	NAME OF OWNER	CÔNG TY CP KỸ THUẬT HNK Địa chỉ: Số nhà 51, ngõ 2 - tập thể Tầng Thiết Giáp, TDP số 3, đường Phạm Văn Nghị, Phường Đồng Ngạc, Thành phố Hà Nội, Việt Nam tel : 0243 350 2456, EMAIL: HUNG.NV@HNK.COM.VN	NAME OF PROJECT	GENERAL DIRECTOR	NGUYEN VAN HUNG	Scale:
	△				PROJECT director	LE VAN TUAN ANH	Date: JUN 2025
	△				DESIGNED	NGO QUANG NGUYEN	DWG No:
	△				DRAW	NGO QUANG NGUYEN	FAN-01



REVISION	DATE OF REVISION	NAME OF OWNER	CÔNG TY CP KỸ THUẬT HNK Địa Chỉ: Số nhà 51, ngõ 2 - Tập thể Tăng Thiết Giáp, TDP số 3, đường Phạm Văn Nghị, Phường Đồng Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam tel : 0243 350 2456, EMAIL: HUNG.NY@HNK.COM.VN	NAME OF PROJECT	CÔNG TY TNHH NIDEC CHAUH CHOUNG VIỆT NAM	GENERAL DIRECTOR	NGUYỄN VĂN HUNG		Scale:	
	△ -					PROJECT director	LE VAN TUAN ANH		Date: JUN - 2025	
	△ -				NAME OF DRAWING	KẾT NỐI ĐƯỜNG ỐNG VỚI QUẠT	DESIGNED	NGO QUANG NGUYEN		DWG No:
	△ -						DRAWN	NGO QUANG NGUYEN		FAN-02
	△ -									